

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH KON TUM**  
**TRƯỜNG CAO ĐẲNG KON TUM**

**CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO**  
**TRÌNH ĐỘ SƠ CẤP**  
**NGHỀ: CÔ ĐỖ THÔN BẢN**

*(ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-CDKT ngày 30/12/2024  
của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Kon Tum)*

## CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ SƠ CẤP

**Tên nghề đào tạo:** Cô đỡ thôn bản (Village Midwife).

**Đối tượng tuyển sinh, yêu cầu đầu vào:** Người từ đủ 15 (mười lăm) tuổi trở lên, có trình độ học vấn và sức khỏe phù hợp với nghề cần học.

**Thời gian đào tạo:** 6 tháng.

### **I. MÔ TẢ VỀ KHÓA HỌC VÀ MỤC TIÊU ĐÀO TẠO**

#### **1. Mô tả về khóa học**

Làm mẹ an toàn, giảm tử vong mẹ và tử vong sơ sinh là một trong những mục tiêu chiến lược quốc gia về chăm sóc sức khỏe toàn dân. Việc xây dựng và phát triển mạng lưới chăm sóc sức khỏe cho đồng bào vùng núi là một trong những chiến lược ưu tiên của Đảng và Nhà nước ta hiện nay, đặc biệt những cán bộ y tế thôn bản người dân tộc thiểu số vì chính họ sẽ là những người sử dụng ngôn ngữ của dân tộc mình để truyền đạt cho người dân thôn bản những thông tin quan trọng về chăm sóc sức khỏe.

Khóa học này nhằm cung cấp cho người học là cô đỡ thôn bản những kiến thức và năng lực chăm sóc về Sức khỏe sinh sản, tập trung vào chăm sóc sức khỏe bà mẹ trước - trong và sau sinh, chăm sóc sức khỏe trẻ em và tư vấn kế hoạch hóa gia đình (KHHGD).

Sau khi hoàn thành khóa học này, người học có khả năng thực hiện được chăm sóc sức khỏe sinh sản tại cộng đồng, chăm sóc sức khỏe bà mẹ trước trong và sau sinh, chăm sóc sức khỏe trẻ em tại nhà và tư vấn KHHGD.

#### **2. Mục tiêu đào tạo**

Sau khi học xong chương trình, người học có khả năng:

##### **a) Yêu cầu về kiến thức:**

- Trình bày được vai trò, nhiệm vụ của cô đỡ thôn bản trong chăm sóc sức khoẻ bà mẹ, trẻ em.

- Mô tả sơ lược về cơ quan sinh dục của phụ nữ, sự thụ thai và quá trình phát triển của thai.

- Xác định được các vấn đề sức khỏe khi mang thai, trong khi đẻ ở bà mẹ và trẻ sơ sinh sau đẻ.

- Trình bày được các biện pháp tránh thai thông thường cho phụ nữ trong độ tuổi sinh đẻ.

- Trình bày được các loại vắc xin và lịch tiêm chủng cho phụ nữ và trẻ em từ sơ sinh đến 5 tuổi trong chương trình tiêm chủng mở rộng.

- Trình bày được kiến thức về sử dụng thuốc thiết yếu và thuốc nam an toàn, hợp lý.

#### **b) Yêu cầu về kỹ năng:**

- Thực hiện được khám toàn thân: Mạch, nhiệt độ, huyết áp, nhịp thở, phù và thiếu máu.

- Thực hiện bảo đảm yêu cầu việc hướng dẫn cho phụ nữ mang thai cách chăm sóc bản thân khi mang thai, sau khi sinh, nuôi con bằng sữa mẹ, cách cho trẻ ăn hợp lý.

- Thực hiện được chăm sóc một số bệnh thông thường ở phụ nữ và trẻ nhỏ: Ghẻ, giun sán, sốt ở trẻ em, sốt rét, tiêu chảy.

- Thực hiện thành thạo việc quản lý thai nghén, phát hiện được những trường hợp thai có nguy cơ cao và chuyển đến cơ sở khám bệnh, chữa bệnh kịp thời.

- Áp dụng được các phương pháp vô khuẩn trong chăm sóc sức khỏe sinh sản (SKSS) tại cộng đồng, khám thai, chăm sóc thai nghén, theo dõi chuyển dạ, đỡ đẻ thường tại nhà, sử dụng gói đỡ đẻ sạch trong trường hợp đẻ rơi, sản phụ không thể đến cơ sở y tế, chăm sóc bà mẹ, trẻ sơ sinh, trẻ nhẹ cân ngay sau đẻ và những ngày đầu sau đẻ tại nhà.

- Sử dụng hiệu quả túi y tế; hỗ trợ trạm y tế xã hướng dẫn người bệnh sử dụng thuốc thiết yếu, thuốc nam an toàn, hợp lý và hiệu quả.
- Thực hiện được tư vấn, hướng dẫn, chăm sóc sức khỏe sinh sản SKSS và KHHGD cho phụ nữ trong độ tuổi sinh đẻ, phòng chống suy dinh dưỡng cho trẻ em dưới 5 tuổi theo quy định của Bộ Y tế.
- Thực hiện được việc tuyên truyền, vận động phụ nữ mang thai đến trạm y tế xã đăng ký quản lý thai, khám thai và đến cơ sở khám bệnh, chữa bệnh đẻ sinh đẻ, tiêm phòng uốn ván cho mẹ và tiêm chủng đầy đủ các loại vắc xin cho trẻ em trong độ tuổi.
- Xử trí ban đầu được các trường hợp xảy ra tai biến trong quá trình đẻ tại nhà và chuyển đến cơ sở khám bệnh, chữa bệnh kịp thời và an toàn.
- Ứng dụng công nghệ thông tin, thống kê y tế và thực hiện báo cáo kịp thời, đầy đủ theo hướng dẫn của trạm y tế.

### **c) Mức độ tự chủ và trách nhiệm:**

- Xác định được nhiệm vụ của cô đỡ thôn bản (CĐTB) trong mạng lưới y tế, giao ban định kỳ với trạm y tế xã, phối hợp tham gia các chương trình y tế, các khóa đào tạo tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn để nâng cao trình độ.
- Rèn luyện thái độ chu đáo, cẩn thận, nhẹ nhàng, quan tâm khi chăm sóc sức khỏe sinh sản tại cộng đồng, chăm sóc sức khỏe bà mẹ trước trong và sau sinh, chăm sóc sức khỏe trẻ em tại nhà và tư vấn KHHGD.
- Tôn trọng các phong tục tập quán văn hóa ở địa phương trong quá trình chăm và tư vấn cho sản phụ và người nhà tại cộng đồng.

### **3. Cơ hội việc làm**

Sau khi tốt nghiệp, CĐTB có cơ hội làm việc ở thôn bản có nhiều người dân tộc thiểu số sinh sống, còn tồn tại phong tục, tập quán không đến khám thai, quản lý thai và đẻ tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh hoặc thuộc vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, có diện tích rộng, giao thông khó khăn, phức tạp, khả năng tiếp cận của người dân với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh hạn chế.

## **II. THỜI GIAN CỦA KHÓA HỌC**

**Tổng thời gian toàn khóa: 6 tháng.**

**1. Thời gian học tập: 780 giờ, trong đó:**

a) Thời gian thực học: 765 giờ.

- Thời gian học lý thuyết: 188 giờ.

- Thời gian học thực hành: 577 giờ.

- Số mô đun: 11.

b) Thời gian kiểm tra kết thúc mô đun: 15 giờ.

**2. Thời gian cho các hoạt động chung, dự phòng: 01 tuần.**

### **III. DANH MỤC MÔ ĐUN VÀ PHÂN BỐ THỜI GIAN**

| <b>Mã MD</b> | <b>Tên mô đun</b>                        | <b>Số<br/>tín<br/>chỉ</b> | <b>Thời gian</b>   |                      |                      | <b>Kiểm<br/>tra<br/>kết<br/>thúc<br/>mô<br/>đun</b> |
|--------------|--|---------------------------|--------------------|----------------------|----------------------|---|
|              |  |                           | <b>Tổng<br/>số</b> | <b>Lý<br/>thuyết</b> | <b>Thực<br/>hành</b> |   |
| 411220013    | Kiến thức chung                          | 2                         | 45                 | 36                   | 8                    | 1   |
| 411010533    | Sử dụng thuốc an toàn<br>hợp lý          | 1                         | 30                 | 22                   | 7                    | 1   |
| 411220033    | Sơ cứu ban đầu và kỹ<br>thuật điều dưỡng | 2                         | 45                 | 29                   | 15                   | 1   |
| 411220043    | Chăm sóc trong thời kỳ<br>mang thai      | 2                         | 45                 | 32                   | 12                   | 1   |
| 411220053    | Chăm sóc trong khi đẻ và<br>ngay sau đẻ  | 2                         | 45                 | 15                   | 29                   | 1   |

| Mã MĐ             | Tên mô đun  | Số<br>tín<br>chỉ | Thời gian  |              |              | Kiểm<br>tra<br>kết<br>thúc<br>mô<br>đun |
|-------------------|---|------------------|------------|--------------|--------------|---|
|                   |   |                  | Tổng<br>số | Lý<br>thuyết | Thực<br>hành |   |
| 411220063         | Chăm sóc bà mẹ và trẻ sơ sinh sau đẻ                    | 2                | 45         | 32           | 12           | 1                                       |
| 411210073         | Chăm sóc sức khỏe trẻ em                                | 1                | 30         | 22           | 7            | 1                                       |
| 411230083         | Thực hành lâm sàng chăm sóc trong thời kỳ mang thai     | 3                | 135        | 0            | 133          | 2                                       |
| 411230093         | Thực hành lâm sàng chăm sóc trong khi đẻ và ngay sau đẻ | 3                | 135        | 0            | 133          | 2                                       |
| 411230103         | Thực hành lâm sàng chăm sóc bà mẹ và trẻ sơ sinh sau đẻ | 3                | 135        | 0            | 133          | 2                                       |
| 411220113         | Thực tập cộng đồng                                      | 2                | 90         | 0            | 88           | 2                                       |
| <b>Tổng cộng:</b> |   | <b>23</b>        | <b>780</b> | <b>188</b>   | <b>577</b>   | <b>15</b>                               |

#### IV. CHƯƠNG TRÌNH MÔ ĐUN

*(Nội dung chi tiết chương trình mô đun kèm theo).*

#### V. QUY TRÌNH ĐÀO TẠO, ĐIỀU KIỆN HOÀN THÀNH KHÓA HỌC

Quy trình đào tạo và xét công nhận tốt nghiệp được thực hiện theo Quyết định số 1515/QĐ-CDKT ngày 31/10/2023 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Kon Tum về việc ban hành Quy chế đào tạo, kiểm tra, xét công nhận tốt nghiệp trình độ sơ cấp và đào tạo dưới 3 tháng.

Hiệu trưởng căn cứ vào kết quả xét công nhận tốt nghiệp để cấp Chứng chỉ trình độ sơ cấp, bậc 2 theo quy định của Trường.

## **VI. PHƯƠNG PHÁP VÀ THANG ĐIỂM ĐÁNH GIÁ**

- Kiểm tra thường xuyên: Kiểm tra đánh giá thường xuyên được thực hiện tại thời điểm bất kỳ trong quá trình học của người học theo từng mô đun, tín chỉ, cụ thể thông qua việc chấm điểm kiểm tra vấn đáp trong giờ học, kiểm tra viết với thời gian làm bài bằng hoặc dưới 30 phút, kiểm tra một số nội dung thực hành, thực tập, chấm điểm bài tập và các hình thức kiểm tra đánh giá khác.

- Kiểm tra đánh giá định kỳ: Kiểm tra đánh giá định kỳ được thực hiện tại thời điểm được quy định trong chương trình mô đun, tín chỉ có thể được thực hiện bằng bài kiểm tra viết có thời gian làm bài từ 30 đến 45 phút; làm bài thực hành, thực tập và các hình thức kiểm tra đánh giá khác.

- Kiểm tra kết thúc mô đun, tín chỉ được thực hiện sau khi người học học xong mô đun, tín chỉ trong chương trình đào tạo. Hình thức kiểm tra kết thúc mô đun, tín chỉ là thực hiện bài kiểm tra kỹ năng tổng hợp, gồm kiến thức và kỹ năng thực hành một hoặc một số khâu công việc của nghề. Thời gian làm bài kiểm tra kết thúc mô đun, tín chỉ đối với mỗi bài kiểm tra viết từ 60 đến 120 phút, thời gian làm bài kiểm tra đối với các hình thức kiểm tra khác hoặc thời gian làm bài kiểm tra của mô đun, tín chỉ có tính đặc thù của nghề đào tạo do Hiệu trưởng quyết định trong chương trình đào tạo. Hình thức kiểm tra, thời gian làm bài kiểm tra kết thúc mô đun, tín chỉ thực hiện theo chương trình mô đun, tín chỉ.

- Phương pháp và thang điểm đánh giá: Được thực hiện theo Điều 9, Điều 10 Quyết định số 1515/QĐ-CDKT ngày 31/10/2023 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Kon Tum về việc ban hành Quy chế đào tạo, kiểm tra, xét công nhận tốt nghiệp trình độ sơ cấp và đào tạo dưới 3 tháng.

## **VII. ĐIỀU KIỆN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH (tại Phụ lục kèm theo)**

### **1. Đội ngũ nhà giáo tham gia giảng dạy**

### **2. Cơ sở vật chất, thiết bị đào tạo**

### **3. Thư viện và học liệu**

### **4. Các điều kiện khác**

## **VIII. HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO**

### **1. Phạm vi áp dụng chương trình**

Chương trình được áp dụng đào tạo nghề Công nghệ Thông tin, trình độ sơ cấp.

### **2. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập**

#### **a) Đối với nhà giáo**

- Trong quá trình giảng dạy có thể vận dụng kết hợp lý thuyết và thực hành. Áp dụng linh hoạt các phương pháp giảng dạy khác nhau như: Thuyết trình, thực hành, trực quan, thảo luận và làm việc nhóm (đặc biệt chú ý liên hệ thực tế và phát huy tính tích cực của người học...).

- Nhà giáo hướng dẫn người học nhận thức kiến thức về lý thuyết và những kiến thức thực hành bổ sung cho phần kiến thức lý thuyết đã học.

#### **b) Đối với người học:**

- Người học tham gia đầy đủ các buổi học lý thuyết, thực hành, bài kiểm tra và thi theo quy chế đào tạo.

- Tích cực tham gia học tập, thực hành, thảo luận nhóm, quan sát, trả lời câu hỏi, tự nghiên cứu, xem giáo trình trước khi lên lớp, tự học.

### **3. Những trọng tâm cần chú ý**

- Người học phải tự nghiên cứu trước bài ở nhà.

- Vận dụng được kiến thức kỹ năng thực hành bảo đảm chính xác từng bước của các quy trình, kỹ thuật.

#### **4. Các chú ý khác**

- Trình tự thực hiện các mô đun trong chương trình đào tạo được quy định tại Phụ lục II kèm theo.

- Có thể tổ chức hình thức đào tạo trực tuyến hoặc đào tạo kết hợp (trực tuyến và trực tiếp) đối với các mô đun sau nếu người học có đủ điều kiện cần thiết cho học tập trực tuyến:

+ Đào tạo trực tuyến đối với các mô đun: Kiến thức chung; Sử dụng thuốc an toàn hợp lý; Sơ cứu ban đầu và kỹ thuật điều dưỡng; Chăm sóc trong thời kỳ mang thai; Chăm sóc trong khi đẻ và ngay sau đẻ; Chăm sóc bà mẹ và trẻ sơ sinh sau đẻ; Chăm sóc sức khỏe trẻ em.

+ Đào tạo kết hợp đối với các mô đun: Thực hành lâm sàng chăm sóc trong thời kỳ mang thai; Thực hành lâm sàng chăm sóc trong khi đẻ và ngay sau đẻ; Thực hành lâm sàng chăm sóc bà mẹ và trẻ sơ sinh sau đẻ ; Thực tập cộng đồng.

- Đầu mỗi khóa học, khoa tổ chức khảo sát về điều kiện học tập trực tuyến của người học để lập kế hoạch đào tạo trực tuyến hoặc đào tạo kết hợp cho phù hợp./.

**HIỆU TRƯỞNG**

**Lê Trí Khải**

**Phụ lục 1****ĐIỀU KIỆN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH****1. Nhà giáo**

## a) Nhà giáo cơ hữu

| <b>TT</b> | <b>Họ và tên nhà giáo</b> | <b>Trình độ chuyên môn được đào tạo</b> | <b>Trình độ nghiệp vụ sư phạm</b>             | <b>Trình độ kỹ năng nghề</b>                                      | <b>Mô đun được phân công giảng dạy</b> |
|-----------|---------------------------|---|---|---|--|
| 1         | Lê Thị Ý                  | Bác sĩ chuyên khoa I Sản phụ khoa       | Chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm Đại học, Cao đẳng | Chứng chỉ hành nghề khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Sản phụ khoa | Kiến thức chung                        |

| <b>TT</b> | <b>Họ và tên nhà giáo</b> | <b>Trình độ chuyên môn được đào tạo</b> | <b>Trình độ nghiệp vụ sư phạm</b>             | <b>Trình độ kỹ năng nghề</b>                 | <b>Mô đun được phân công giảng dạy</b>   |
|-----------|---------------------------|---|---|--|--|
| 2         | Bùi Văn Sáu               | Dược sĩ Đại học                         | Chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm Đại học           | Chứng chỉ hành nghề Dược                     | Sử dụng thuốc an toàn hợp lý   |
| 3         | Đặng Thị Thanh Hà         | Cử nhân điều dưỡng chuyên ngành Phụ sản | Chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm Đại học           | Chứng chỉ hành nghề chuyên môn về điều dưỡng | Chăm sóc trong thời kỳ mang thai; Chăm sóc trong khi đẻ và ngay sau đẻ; Thực hành lâm sàng chăm sóc trong thời kỳ mang thai; Thực hành lâm sàng chăm sóc trong khi đẻ và ngay sau đẻ |
| 4         | Nông Thị Hiên             | Cử nhân điều dưỡng chuyên ngành Phụ sản | Chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm Đại học, Cao đẳng | Chứng chỉ hành nghề chuyên môn về điều dưỡng | Sơ cứu ban đầu và kỹ thuật điều dưỡng; Chăm sóc bà mẹ và trẻ sơ sinh sau đẻ; Thực hành lâm sàng chăm sóc bà mẹ và trẻ sơ sinh sau đẻ   |

| <b>TT</b> | <b>Họ và tên nhà giáo</b> | <b>Trình độ chuyên môn được đào tạo</b> | <b>Trình độ nghiệp vụ sư phạm</b>             | <b>Trình độ kỹ năng nghề</b>                 | <b>Mô đun được phân công giảng dạy</b> |
|-----------|---------------------------|---|---|--|--|
| 5         | Hoàng Thị Chúc            | Cử nhân Điều dưỡng                      | Chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm Đại học           | Chứng chỉ hành nghề chuyên môn về điều dưỡng | Chăm sóc sức khỏe trẻ em               |
| 5         | Nguyễn Thị Ngân Thương    | ThS Y tế công cộng                      | Chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm Đại học, Cao đẳng | Chứng chỉ hành nghề chuyên môn về điều dưỡng | Thực tập tại cộng đồng                 |

b) Nhà giáo thỉnh giảng (nếu có): Không.

| <b>TT</b> | <b>Họ và tên nhà giáo</b> | <b>Trình độ chuyên môn được đào tạo</b> | <b>Trình độ nghiệp vụ sư phạm</b> | <b>Trình độ kỹ năng nghề</b> | <b>Mô đun được phân công giảng dạy</b> | <b>Ghi chú</b> |
|-----------|---------------------------|---|-----------------------------------|------------------------------|--|----------------|
| 1         |                           |   |                                   |                              |  |                |
| 2         |                           |   |                                   |                              |  |                |

## **2. Cơ sở vật chất, thiết bị đào tạo**

a) Phòng học, thực hành và các loại thiết bị, máy móc hiện có:

| <b>TT</b> | <b>Tên loại</b>     | <b>Đơn vị tính</b> | <b>Số lượng</b> | <b>Ghi chú</b> |
|-----------|---------------------|--------------------|-----------------|----------------|
| <b>A</b>  | Phòng học lý thuyết |                    |                 |                |
| 1         | Máy tính xách tay   | Chiếc              | 04              |                |
| 2         | Máy chiếu Projector | Chiếc              | 02              |                |
| 3         | Màn chiếu           | Chiếc              | 02              |                |
| 4         | Tivi                | Chiếc              | 01              |                |

| <b>TT</b> | <b>Tên loại</b>            | <b>Đơn vị tính</b> | <b>Số lượng</b> | <b>Ghi chú</b> |
|-----------|----------------------------|--------------------|-----------------|----------------|
| <b>B</b>  | Phòng thực hành            |                    |                 |                |
| 1         | Máy chiếu Projector        | Chiếc              | 01              |                |
| 2         | Màn chiếu                  | Chiếc              | 01              |                |
| 3         | Tivi                       | Chiếc              | 01              |                |
| 4         | Bàn để                     | Chiếc              | 04              |                |
| 5         | Mô hình đỡ đẻ              | Chiếc              | 04              |                |
| 6         | Mô hình trẻ sơ sinh        | Chiếc              | 04              |                |
| 7         | Mô hình bánh rau           | Chiếc              | 04              |                |
| 8         | Mô hình khám thai          | Chiếc              | 02              |                |
| 9         | Mô hình khám chuyên da     | Chiếc              | 01              |                |
| 10        | Mô hình sử dụng bao cao su | Chiếc              | 06              |                |
| 11        | Máy đo huyết áp            | Chiếc              | 10              |                |
| 12        | Ống nghe tim thai          | Chiếc              | 12              |                |

| <b>TT</b> | <b>Tên loại</b> | <b>Đơn vị tính</b> | <b>Số lượng</b> | <b>Ghi chú</b> |
|-----------|-----------------|--------------------|-----------------|----------------|
| 13        | Thước dây       | Chiếc              | 04              |                |
| 14        | Bảng kiểm       | Bộ                 | 01              |                |

b) Cơ sở thực hành, thực tập (*đơn vị tính là: Xưởng, vườn, trạm, trại, sân bãi..*)

| <b>TT</b> | <b>Cơ sở thực hành, thực tập</b>                    | <b>Đơn vị tính</b> | <b>Số lượng</b> | <b>Ghi chú</b> |
|-----------|---|--------------------|-----------------|----------------|
| <b>C</b>  | <b>Khoa Phụ sản, bệnh viện Đa khoa tỉnh Kon Tum</b> |                    |                 |                |
| <b>I</b>  | <b>Phòng khám</b>                                   |                    |                 |                |
| 1         | Máy đo huyết áp                                     | Chiếc              | 02              |                |
| 2         | Ống nghe tim thai                                   | Chiếc              | 02              |                |
| 3         | Thước dây   | Chiếc              | 02              |                |
| 4         | Cân sức khỏe có thước đo chiều cao                  | Chiếc              | 01              |                |
| 5         | Bàn khám thai                                       | Chiếc              | 02              |                |
| <b>II</b> | <b>Phòng sinh</b>                                   |                    |                 |                |
| 1         | Máy đo huyết áp                                     | Chiếc              | 02              |                |

| <b>TT</b>  | <b>Cơ sở thực hành, thực tập</b>   | <b>Đơn vị tính</b> | <b>Số lượng</b> | <b>Ghi chú</b> |
|------------|--|--------------------|-----------------|----------------|
| 2          | Ổng nghe tim thai  | Chiếc              | 02              |                |
| 3          | Thước dây  | Chiếc              | 02              |                |
| 4          | Bàn đẽ   | Chiếc              | 04              |                |
| 5          | Dụng cụ đỡ đẻ  | Bộ                 | 10              |                |
| <b>III</b> | <b>Phòng hậu sản</b>   |                    |                 |                |
| 1          | Máy đo huyết áp  | Chiếc              | 02              |                |
| 2          | Thước dây  | Chiếc              | 02              |                |
| 3          | Thau, xô, dụng cụ tắm trẻ sơ sinh  | Bộ                 | 04              |                |
| 4          | Dụng cụ vệ sinh rốn trẻ sơ sinh  | Bộ                 | 04              |                |
| <b>D</b>   | <b>Trạm y tế xã, phường thuộc Trung tâm Y tế thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum</b> |                    |                 |                |
| <b>I</b>   | <b>Khám, chữa bệnh</b>   |                    |                 |                |
| 1          | Huyết áp kế  | Bộ                 | 02              |                |
| 2          | Ổng nghe   | Bộ                 | 02              |                |

| <b>TT</b>  | <b>Cơ sở thực hành, thực tập</b>               | <b>Đơn vị tính</b> | <b>Số lượng</b> | <b>Ghi chú</b> |
|------------|--|--------------------|-----------------|----------------|
| 3          | Đèn khám bệnh                                  | Cái                | 01              |                |
| 4          | Cân sức khỏe có thước đo chiều cao             | Cái                | 01              |                |
| <b>II</b>  | <b>Sơ cứu, cấp cứu</b>                         |                    |                 |                |
| 1          | Máy khí dung                                   | Cái                | 01              |                |
| 2          | Bình oxy + Bộ làm ẩm có đồng hồ + Mask thở oxy | Bộ                 | 01              |                |
| 3          | Bóng bóp cấp cứu người lớn dùng nhiều lần      | Cái                | 02              |                |
| 4          | Bóng bóp cấp cứu trẻ em dùng nhiều lần         | Cái                | 02              |                |
| 5          | Bộ nẹp chân                                    | Bộ                 | 02              |                |
| 6          | Bộ nẹp tay                                     | Bộ                 | 02              |                |
| 7          | Bộ nẹp cổ                                      | Bộ                 | 02              |                |
| 8          | Bộ nẹp cánh tay                                | Bộ                 | 01              |                |
| <b>III</b> | <b>Sản, kế hoạch hoá gia đình</b>              |                    |                 |                |
| 1          | Bàn khám sản khoa                              | Bộ                 | 01              |                |

| <b>TT</b> | <b>Cơ sở thực hành, thực tập</b> | <b>Đơn vị tính</b> | <b>Số lượng</b> | <b>Ghi chú</b> |
|-----------|----------------------------------|--------------------|-----------------|----------------|
| 2         | Dụng cụ khám thai                |                    |                 |                |
| <b>IV</b> | <b>Danh mục thiết bị khác</b>    |                    |                 |                |
| 1         | Giường bệnh                      | Cái                | 01              |                |
| 2         | Bàn khám bệnh                    | Cái                | 01              |                |
| 3         | Tủ bảo quản thuốc                | Bộ                 | 01              |                |

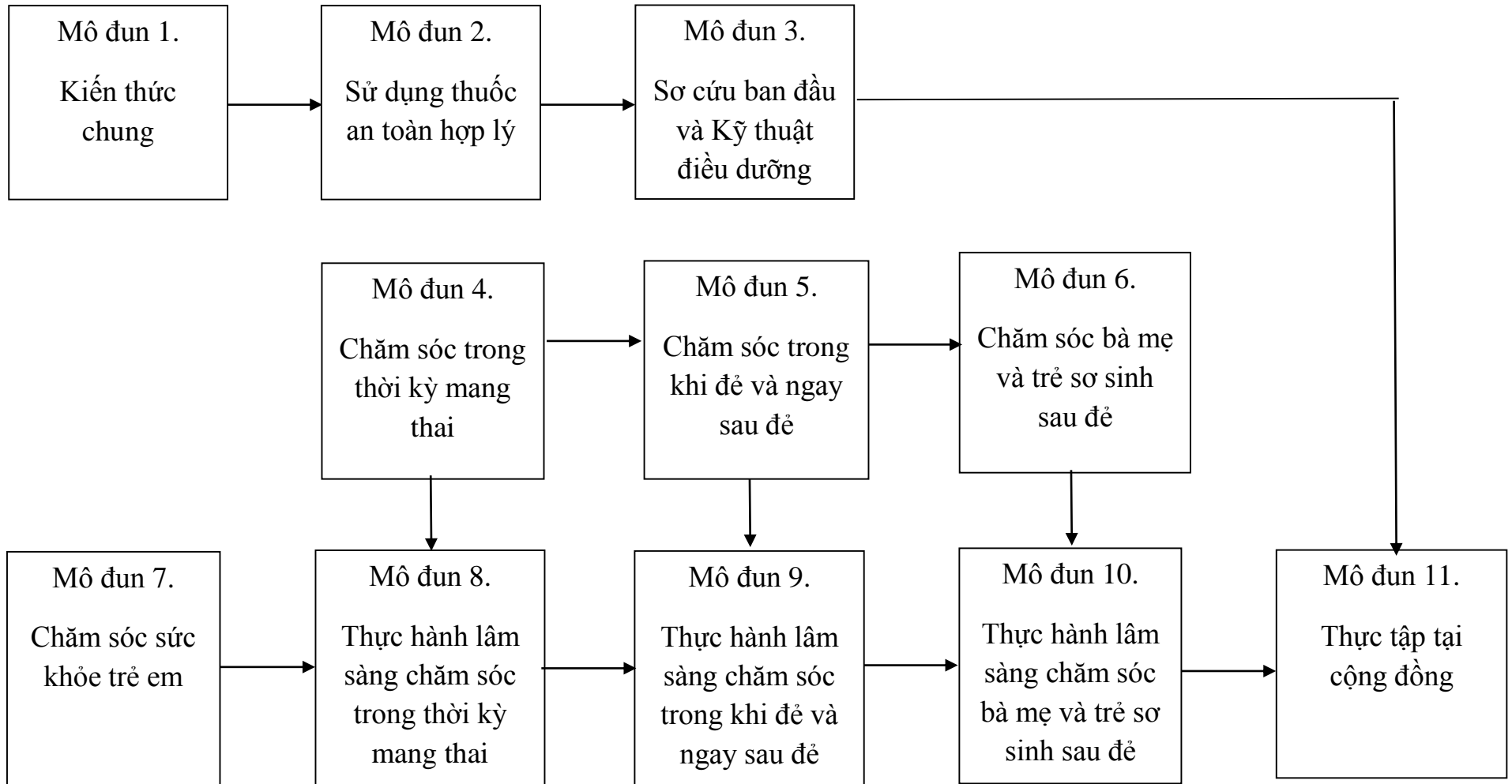
**3. Thư viện và học liệu** (giáo trình, sách, tài liệu tham khảo, phần mềm máy tính...).

1. Thông tư 27/2023/TT-BYT ngày 29 tháng 12 năm 2023 của Bộ Y tế quy định về tiêu chuẩn, chức năng, nhiệm vụ, phạm vi hoạt động khám bệnh, chữa bệnh và nội dung đào tạo chuyên môn, nghiệp vụ đối với Nhân viên y tế thôn, bản; Cô đỡ thôn, bản.

2. Quyết định số 3724/QĐ-BYT ngày 26 tháng 8 năm 2020 của Bộ Y tế về Tài liệu Nội dung chuyên môn đào tạo Cô đỡ thôn, bản.

3. Thông tư 38/2017/TT-BYT ngày 17/10/2017 của Bộ Y tế về Ban hành danh mục bệnh truyền nhiễm, phạm vi và đối tượng phải sử dụng vắc xin, sinh phẩm Y tế bắt buộc.

4. Trường Trung cấp Y tế tỉnh Kon Tum. Tài liệu đào tạo Nhân viên y tế thôn, làng, 2016.

**Phụ lục II****Trình tự thực hiện các mô đun trong chương trình đào tạo.**

## **CHƯƠNG TRÌNH MÔ ĐUN**

**Tên mô đun:** Kiến thức chung (General knowledge).

**Mã mô đun:** 411220013.

**Thời gian thực hiện mô đun:** 45 giờ (lý thuyết: 34 giờ; bài tập, thảo luận: 8; thực hành, thí nghiệm: 0 giờ; kiểm tra: 2 giờ; kiểm tra kết thúc mô đun: 1 giờ).

### **A. VỊ TRÍ, TÍNH CHẤT CỦA MÔ ĐUN**

#### **I. Vị trí**

Là mô đun cơ sở.

#### **II. Tính chất**

Là mô đun bắt buộc đối với chương trình đào tạo nghề cô đỡ thôn bản, trình độ sơ cấp.

### **B. MỤC TIÊU MÔ ĐUN**

#### **I. Yêu cầu về kiến thức**

1. Trình bày được vai trò, chức năng, nhiệm vụ của cô đỡ thôn bản.
2. Trình bày được cách phòng chống nhiễm khuẩn trong trường hợp đỡ đẻ tại cộng đồng.
3. Mô tả được về cơ quan sinh dục trong và ngoài của phụ nữ, sự thụ thai và quá trình phát triển của thai.
4. Trình bày được các loại vắc xin và lịch tiêm chủng cho trẻ em từ sơ sinh đến 5 tuổi, lịch tiêm phòng uốn ván cho phụ nữ mang thai trong chương trình tiêm chủng mở rộng.
5. Trình bày được các ưu nhược điểm của từng biện pháp tránh thai hiện có tại Việt Nam.
6. Trình bày được các hiện tượng ô nhiễm không khí và các bệnh có liên quan đến ô nhiễm không khí.

#### **II. Yêu cầu về kỹ năng**

1. Phát hiện được các dấu hiệu bất thường trong khi mang thai.

2. Thực hiện được kỹ thuật rửa tay thường quy, mang găng – tháo găng tay vô khuẩn theo đúng quy trình.

3. Tư vấn được sử dụng các biện pháp tránh thai và vận động tiêu chuẩn mở rộng tại cộng đồng.

4. Thực hiện được vận chuyển bà mẹ và trẻ sơ sinh đến cơ sở y tế an toàn.

5. Thực hiện được 3 kỹ năng cần thiết trong truyền thông trực tiếp.

## II. Mức độ tự chủ và trách nhiệm

1. Thực hiện được việc kiểm soát nhiễm khuẩn đúng quy định, an toàn tại cộng đồng.

2. Thực hiện được chức năng nhiệm vụ của cô đỡ thôn bản đúng quy định của bộ y tế, tuân thủ pháp luật trong quá trình làm việc.

## C. NỘI DUNG MÔ ĐUN

### NỘI DUNG TỔNG QUÁT VÀ PHÂN BỐ THỜI GIAN

| TT | Tên các bài trong mô đun   | Tổng số | Thời gian (giờ) |                    |                       |                          |
|----|--|---------|-----------------|--------------------|-----------------------|--------------------------|
|    |  |         | Lý thuyết       | Bài tập, thảo luận | Thực hành, thí nghiệm | Kiểm tra kết thúc mô đun |
| 1  | Bài 1: Chức năng, nhiệm vụ của cô đỡ thôn bản<br>1. Chức năng, nhiệm vụ của cô đỡ thôn bản<br>1.1. Tuyên truyền, vận động về chăm sóc sức khỏe bà mẹ và trẻ em<br>1.2. Thực hiện chăm sóc sức khỏe bà mẹ khi mang thai và sinh đẻ<br>1.3. Định kỳ chăm sóc bà mẹ và trẻ sơ sinh sau đẻ tại nhà | 2       | 2               |                    |                       |                          |

| TT | Tên các bài trong mô đun   | Tổng số | Thời gian (giờ) |                    |                       |                          |
|----|--|---------|-----------------|--------------------|-----------------------|--------------------------|
|    |  |         | Lý thuyết       | Bài tập, thảo luận | Thực hành, thí nghiệm | Kiểm tra kết thúc mô đun |
|    | <p>1.4. Hướng dẫn áp dụng các biện pháp tránh thai, cung cấp và hướng dẫn sử dụng bao cao su, viên thuốc uống tránh thai theo quy định của Bộ Y tế</p> <p>1.5. Phối hợp tham gia thực hiện các chương trình y tế tại thôn, bản</p> <p>1.6. Tham gia giao ban định kỳ với trạm y tế xã; tham gia các khóa đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng về chuyên môn do cơ quan y tế cấp trên tổ chức để nâng cao trình độ</p> <p>1.7. Quản lý và sử dụng hiệu quả Tủ dụng cụ cô đỡ thôn, bản</p> <p>1.8. Thực hiện ghi chép, báo cáo kịp thời, đầy đủ theo hướng dẫn của trạm y tế.</p> <p>2. Mối quan hệ công tác</p> |         |                 |                    |                       |                          |
| 2  | Bài 2: Vai trò của Cô đỡ thôn bản trong chăm sóc sức khỏe bà mẹ, trẻ sơ sinh và trẻ nhỏ tại cộng đồng  | 2       | 2               |                    |                       |                          |

| TT | Tên các bài trong mô đun  | Tổng số | Thời gian (giờ) |                    |                       |                          |
|----|---|---------|-----------------|--------------------|-----------------------|--------------------------|
|    |   |         | Lý thuyết       | Bài tập, thảo luận | Thực hành, thí nghiệm | Kiểm tra kết thúc mô đun |
|    | <p>1. Các nguy cơ về sức khỏe bà mẹ, trẻ em tại vùng khó khăn.</p> <p>2. Các nội dung cô đỡ thôn, bản cần làm để thực hiện chăm sóc sức khỏe bà mẹ, trẻ sơ sinh và trẻ em dưới 5 tuổi tại cộng đồng:</p> <p>2.1. Chăm sóc phụ nữ trước khi mang thai.</p> <p>2.2. Chăm sóc phụ nữ khi mang thai</p> <p>2.3. Chăm sóc bà mẹ khi chuyển dạ</p> <p>2.4. Chăm sóc bà mẹ sau sinh.</p> <p>2.5. Chăm sóc trẻ sơ sinh.</p> <p>2.6. Chăm sóc trẻ dưới 5 tuổi.</p> |         |                 |                    |                       |                          |
| 3  | <p>Bài 3: Kiểm soát nhiễm khuẩn trong cung cấp dịch vụ Chăm sóc sức khỏe sinh sản tại cộng đồng</p> <p>1. Nguyên nhân và yếu tố thuận lợi dẫn đến nhiễm khuẩn</p>   | 4       | 4               |                    |                       |                          |

| TT | Tên các bài trong mô đun  | Tổng số | Thời gian (giờ) |                    |                       |                          |
|----|---|---------|-----------------|--------------------|-----------------------|--------------------------|
|    |   |         | Lý thuyết       | Bài tập, thảo luận | Thực hành, thí nghiệm | Kiểm tra kết thúc mô đun |
|    | 1.1. Nguyên nhân<br>1.2. Yếu tố thuận lợi dẫn đến nhiễm khuẩn.<br>2. Thực hiện phòng chống nhiễm khuẩn trong trường hợp đỡ đẻ tại cộng đồng<br>2.1. Nơi sản phụ đẻ ở thôn bản<br>2.2. Sản phụ<br>2.3. Người đỡ đẻ<br>3. Quy trình rửa tay thường quy<br>3.1. Mục đích<br>3.2. Thời điểm rửa tay<br>3.3. Quy trình rửa tay thường quy<br>3.4. Quy trình mang găng vô khuẩn - tháo găng |         |                 |                    |                       |                          |
| 4  | Bài 4: Đại cương giải phẫu sinh lý sinh dục nữ<br>1. Giải phẫu cơ quan sinh dục ngoài<br>2. Giải phẫu cơ quan sinh dục trong<br>3. Sinh lý sinh dục nữ (sinh lý kinh nguyệt)  | 3       | 3               |                    |                       |                          |

| TT | Tên các bài trong mô đun  | Thời gian (giờ) |           |                    |                       |                          |
|----|---|-----------------|-----------|--------------------|-----------------------|--------------------------|
|    |   | Tổng số         | Lý thuyết | Bài tập, thảo luận | Thực hành, thí nghiệm | Kiểm tra kết thúc mô đun |
|    | 4. Một số bất thường của kinh nguyệt  |                 |           |                    |                       |                          |
| 5  | Bài 5: Tiêm chủng mở rộng<br>1. Thông tin cơ bản về chương trình tiêm chủng mở rộng (TCMR)<br>2. Lịch tiêm chủng cho trẻ em trong chương trình TCMR Việt Nam<br>3. Tiêm phòng cho bà mẹ   | 3               | 3         |                    |                       |                          |
| 6  | Bài 6: Các biện pháp tránh thai<br>1. Các biện pháp tránh thai<br>1.1. Các biện pháp tránh thai tạm thời<br>1.2. Các biện pháp tránh thai vĩnh viễn<br>2. Thông tin CĐTĐ cần biết về các biện pháp tránh thai<br>2.1. Dụng cụ tử cung<br>2.2. Bao cao su<br>2.3. Viên thuốc tránh thai kết hợp<br>2.4. Thuốc tiêm tránh thai<br>2.5. Thuốc cấy tránh thai<br>2.6. Thuốc tránh thai khẩn | 5               | 3         | 2                  |                       |                          |

| TT | Tên các bài trong mô đun  | Tổng số | Thời gian (giờ) |                    |                       |                          |
|----|---|---------|-----------------|--------------------|-----------------------|--------------------------|
|    |   |         | Lý thuyết       | Bài tập, thảo luận | Thực hành, thí nghiệm | Kiểm tra kết thúc mô đun |
|    | cấp<br>2.7. Triệt sản nam và Triệt sản nữ   |         |                 |                    |                       |                          |
| 7  | Bài 7: Tư vấn kế hoạch hóa gia đình<br>1. Lợi ích kế hoạch hóa gia đình KHHGD<br>2. Các thông điệp cần truyền thông về KHHGD<br>3. Mục đích của tư vấn về các biện pháp tránh thai<br>4. Sáu bước tư vấn về các biện pháp tránh thai  | 3       | 3               |                    |                       |                          |
| 8  | Bài 8: Các nội dung cần tư vấn cho các cặp vợ chồng trước khi mang thai<br>1. Lựa chọn thời điểm sinh con<br>2. Đối với các biện pháp tránh thai đang dùng<br>3. Tránh sử dụng các chất kích thích<br>4. Chủ động tiêm vacxin phòng bệnh<br>5. Tẩy giun, sán<br>6. Cảnh trọng khi sử dụng | 2       | 2               |                    |                       |                          |

| TT | Tên các bài trong mô đun  | Tổng số | Thời gian (giờ) |                    |                       |                          |
|----|---|---------|-----------------|--------------------|-----------------------|--------------------------|
|    |   |         | Lý thuyết       | Bài tập, thảo luận | Thực hành, thí nghiệm | Kiểm tra kết thúc mô đun |
|    | <p>thuốc trước khi mang thai</p> <p>7. Tránh tiếp xúc với các hoá chất độc hại</p> <p>8. Dinh dưỡng và kiểm soát cân nặng trước khi mang thai</p> <p>9. Uống viên sắt và axit folic (hoặc viên đa vi chất có chứa sắt và axit folic)</p> <p>10. Vận động thể lực</p> <p>11. Khám sức khỏe trước khi mang thai</p> |         |                 |                    |                       |                          |
| 9  | <p>Bài 9: Vận chuyển bà mẹ và trẻ sơ sinh đến cơ sở y tế an toàn</p> <p>1. Vận chuyển bà mẹ đến cơ sở y tế an toàn</p> <p>2. Vận chuyển trẻ sơ sinh đến cơ sở y tế an toàn</p>  | 2       | 2               |                    |                       |                          |
| 10 | <p>Bài 10: Truyền thông trực tiếp trong chăm sóc sức khỏe bà mẹ, trẻ sơ sinh tại cộng đồng</p> <p>1. Tầm quan trọng của việc truyền thông trực tiếp trong chăm sóc sức khỏe sinh sản</p>  | 3       | 1               | 2                  |                       |                          |

| TT | Tên các bài trong mô đun  | Tổng số | Thời gian (giờ) |                    |                       |                          |
|----|---|---------|-----------------|--------------------|-----------------------|--------------------------|
|    |   |         | Lý thuyết       | Bài tập, thảo luận | Thực hành, thí nghiệm | Kiểm tra kết thúc mô đun |
|    | tại cộng đồng<br>2. Một số kỹ năng CĐTĐ cần có trong truyền thông tại cộng đồng<br>3. Một số hình thức truyền thông áp dụng tại thôn, bản<br>4. Tư vấn<br>5. Một số lưu ý trong khi tư vấn                                      |         |                 |                    |                       |                          |
| 11 | Bài 11: Hướng dẫn sử dụng sổ theo dõi sức khỏe bà mẹ và trẻ em<br>1. Giới thiệu sổ theo dõi sức khỏe bà mẹ và trẻ em<br>2. Cấu tạo của sổ theo dõi sức khỏe bà mẹ trẻ em<br>3. Cấu tạo của sổ theo dõi sức khỏe bà mẹ và trẻ em | 4       | 2               | 2                  |                       |                          |
| 12 | Bài 12: Ghi chép sổ sách và lập báo cáo hoạt động hàng tháng của CĐTĐ<br>1. Các công cụ thống kê, báo cáo của cô đỡ thôn, bản<br>2. Hướng dẫn sử các công cụ thống kê, báo cáo:<br>2.1. Sổ ghi chép hoạt động                   | 3       | 1               | 2                  |                       |                          |

| TT | Tên các bài trong mô đun  | Tổng số | Thời gian (giờ) |                    |                       |                          |
|----|---|---------|-----------------|--------------------|-----------------------|--------------------------|
|    |   |         | Lý thuyết       | Bài tập, thảo luận | Thực hành, thí nghiệm | Kiểm tra kết thúc mô đun |
|    | <p>của cô đỡ thôn, bản</p> <p>2.2. Báo cáo thường quy về tình hình hoạt động chuyên môn của cô đỡ thôn, bản</p> <p>2.3. Các biểu mẫu báo cáo tình hình thực hiện chuyên môn của các dự án</p>   |         |                 |                    |                       |                          |
| 13 | <p>Bài 13: Ô nhiễm không khí</p> <p>1. Sơ lược lịch sử ô nhiễm không khí</p> <p>2. Khí quyển – Thành phần khí quyển</p> <p>2.1. Khí quyển</p> <p>2.2. Các tầng khí quyển</p> <p>2.3. Thành phần khí quyển</p> <p>3. Ô nhiễm không khí và các nguồn gây ô nhiễm không khí</p> <p>3.1. Khai niệm</p> <p>3.2. Các nguồn gây ô nhiễm không khí</p> <p>4. Các chất gây ô nhiễm không khí và những ảnh hưởng của chúng</p> <p>4.1. Ảnh hưởng lên sức khỏe</p> | 2       | 2               |                    |                       |                          |

| TT | Tên các bài trong mô đun  | Tổng số | Thời gian (giờ) |                    |                       |                          |
|----|---|---------|-----------------|--------------------|-----------------------|--------------------------|
|    |   |         | Lý thuyết       | Bài tập, thảo luận | Thực hành, thí nghiệm | Kiểm tra kết thúc mô đun |
|    | 4.2. Hội chứng nhà kín<br>4.2. Các biện pháp kiểm soát ô nhiễm không khí trong nhà.   |         |                 |                    |                       |                          |
| 14 | Bài 14: Nước và vệ sinh nước<br>1. Các nguồn nước trong thiên nhiên<br>1.1. Nước biển và đại dương<br>1.2. Nước ngầm<br>1.3. Nước song hồ - nước mặt<br>1.4. Nước mưa<br>2. Mối liên quan giữa chất lượng nước và sức khỏe con người<br>2.1. Chất lượng nước và tiêu chuẩn<br>2.2. Vệ sinh nước và sức khỏe cộng đồng<br>2.3. Vai trò của nước đối với con người<br>2.4. Bệnh có liên quan đến nước<br>3. Xử lý nước thải | 2       | 2               |                    |                       |                          |
| 15 | Bài 14: Ô nhiễm môi trường  | 2       | 2               |                    |                       |                          |

| TT           | Tên các bài trong mô đun  | Tổng số   | Thời gian (giờ) |                    |                       |                          |
|--------------|---|-----------|-----------------|--------------------|-----------------------|--------------------------|
|              |   |           | Lý thuyết       | Bài tập, thảo luận | Thực hành, thí nghiệm | Kiểm tra kết thúc mô đun |
|              | đất<br>1. Khái niệm về đất<br>2. Vai trò của đất đối với đời sống con người<br>3. Ô nhiễm môi trường đất<br>4. Tác động của ô nhiễm đất đối với sức khỏe cộng đồng<br>4.1. Các bệnh liên quan đến ô nhiễm đất do tác nhân sinh học<br>4.2. Các bệnh liên quan đến ô nhiễm đất (ÔNĐ) do tác nhân hóa học<br>5. Các biện pháp phòng chống ô nhiễm đất<br>5.1. Làm sạch cơ bản<br>5.2. Khử những chất thải rắn<br>5.3. Phương pháp tập trung và thải bỏ<br>5.4. Sử dụng hợp lí và nâng cao hiệu quả trong sử dụng các chất hoá học |           |                 |                    |                       |                          |
| 16           | Kiểm tra định kỳ  | 2         |                 |                    |                       | 2                        |
| 17           | Kiểm tra kết thúc mô đun  | 1         |                 |                    |                       | 1                        |
| <b>Cộng:</b> |   | <b>45</b> | <b>34</b>       | <b>8</b>           |                       | <b>3</b>                 |

**NỘI DUNG CHI TIẾT****BÀI 1: CHỨC NĂNG NHIỆM VỤ CỦA CÔ ĐỠ THÔN BẢN****(Thời gian: 2 giờ)****I. MỤC TIÊU**

1. Trình bày được chức năng, nhiệm vụ, của CĐTĐB trong việc chăm sóc sức khỏe bà mẹ và trẻ em.
2. Liệt kê được 4 mối quan hệ công tác của CĐTĐB.
3. Thực hiện được chức năng, nhiệm vụ của CĐTĐB an toàn, đúng quy định.

**II. NỘI DUNG BÀI(1)****1. Chức năng, nhiệm vụ của cô đỡ thôn bản**

- 1.1. Tuyên truyền, vận động về chăm sóc sức khỏe bà mẹ và trẻ em*
- 1.2. Thực hiện chăm sóc sức khỏe bà mẹ khi mang thai và sinh đẻ*
- 1.3. Định kỳ chăm sóc bà mẹ và trẻ sơ sinh sau đẻ tại nhà*
- 1.4. Hướng dẫn áp dụng các biện pháp tránh thai, cung cấp và hướng dẫn sử dụng bao cao su, viên thuốc uống tránh thai theo quy định của Bộ Y tế*
- 1.5. Phối hợp tham gia thực hiện các chương trình y tế tại thôn, bản*
- 1.6. Tham gia giao ban định kỳ với trạm y tế xã; tham gia các khóa đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng về chuyên môn do cơ quan y tế cấp trên tổ chức để nâng cao trình độ*
- 1.7. Quản lý và sử dụng hiệu quả Túi dụng cụ cô đỡ thôn, bản*
- 1.8. Thực hiện ghi chép, báo cáo kịp thời, đầy đủ theo hướng dẫn của trạm y tế*

**2. Mối quan hệ công tác****BÀI 2: VAI TRÒ CỦA CÔ ĐỠ THÔN BẢN TRONG CHĂM SÓC SỨC KHỎE BÀ MẸ TRẺ SƠ SINH VÀ TRẺ NHỎ TẠI CỘNG ĐỒNG****(Thời gian: 2 giờ)****I. MỤC TIÊU**

1. Trình bày được các nguy cơ về sức khỏe bà mẹ, trẻ em tại vùng khó khăn.

2. Liệt được các công việc CĐTĐ cần làm trong CSSK bà mẹ, trẻ sơ sinh và trẻ em tại cộng đồng.

3. Thực hiện được các công việc của mình đúng, an toàn trong quá trình công tác.

## **II. NỘI DUNG BÀI (2)**

**1. Các nguy cơ về sức khỏe bà mẹ, trẻ em tại vùng khó khăn**

**2. Các nội dung cô đỡ thôn bản cần làm để thực hiện chăm sóc sức khỏe bà mẹ, trẻ sơ sinh và trẻ em dưới 5 tuổi tại cộng đồng**

*2.1. Chăm sóc phụ nữ trước khi mang thai*

*2.2. Chăm sóc phụ nữ khi mang thai*

*2.3. Chăm sóc bà mẹ khi chuyển dạ*

*2.4. Chăm sóc bà mẹ sau sin*

*2.5. Chăm sóc trẻ sơ sin*

*2.6. Chăm sóc trẻ dưới 5 tuổi*

## **BÀI 3: KIỂM SOÁT NHIỄM KHUẨN TRONG CUNG CẤP DỊCH CHĂM SÓC SỨC KHỎE SINH SẢN TẠI CỘNG ĐỒNG**

**(Thời gian: 4 giờ)**

### **I. MỤC TIÊU**

1. Liệt kê được các nguyên nhân và yếu tố thuận lợi dẫn đến nhiễm trùng.  
2. Trình bày được cách phòng chống nhiễm khuẩn trong trường hợp đỡ đẻ tại cộng đồng.

3. Thực hiện được kỹ thuật rửa tay thường quy, mang găng, tháo găng tay vô khuẩn theo đúng quy trình.

### **II. NỘI DUNG BÀI(3)**

**1. Nguyên nhân và yếu tố thuận lợi dẫn đến nhiễm khuẩn**

*1.1. Nguyên nhân*

*1.2. Yếu tố thuận lợi dẫn đến nhiễm khuẩn*

**2. Thực hiện phòng chống nhiễm khuẩn trong trường hợp đỡ đẻ tại cộng đồng**

*2.1. Nơi sản phụ để ở thôn bản*

**2.2. Sản phụ****2.3. Người đỡ đẻ****3. Quy trình rửa tay thường quy****3.1. Mục đích****3.2. Thời điểm rửa tay****3.3. Quy trình rửa tay thường quy****3.4. Quy trình mang găng vô khuẩn - tháo găng****BÀI 4: ĐẠI CƯƠNG GIẢI PHẪU – SINH LÝ SINH DỤC NỮ****(Thời gian: 3 giờ)****I. MỤC TIÊU**

1. Chỉ được trên tranh và mô hình các bộ phận của cơ quan sinh dục nữ.
2. Trình bày được đặc điểm của kinh nguyệt bình thường, các dấu hiệu bất thường của kinh nguyệt.

**II. NỘI DUNG BÀI (4)****1. Giải phẫu cơ quan sinh dục ngoài****1.1. Âm hộ****1.2. Âm đạo****1.3. Tầng sinh môn****2. Giải phẫu cơ quan sinh dục trong****2.1. Tử cung****2.2. Buồng trứng****2.3. Vòi trứng****3. Sinh lý sinh dục nữ (sinh lý kinh nguyệt)****3.1. Chu kỳ kinh nguyệt****3.2. Tính chất ra máu kinh****4. Một số bất thường của kinh nguyệt, cần đến bệnh viện khám và điều****trị****BÀI 5: TIÊM CHỨNG MỞ RỘNG****(Thời gian: 3 giờ)**

## I. MỤC TIÊU

1. Trình bày được mục tiêu và sự cần thiết của chương trình tiêm chủng mở rộng (TCMR).
2. Trình bày được các loại vắc xin và lịch tiêm chủng cho trẻ em từ sơ sinh đến 5 tuổi, lịch tiêm phòng uốn ván cho phụ nữ mang thai trong chương trình tiêm chủng mở rộng.
3. Tư vấn được cho bà mẹ mang thai, các gia đình có trẻ nhỏ từ sơ sinh đến 5 tuổi tiêm chủng đầy đủ.

## II. NỘI DUNG BÀI(5)

1. Thông tin cơ bản về chương trình tiêm chủng mở rộng
2. Lịch tiêm chủng cho trẻ em trong chương trình TCMR Việt Nam
  - 2.1. Các trường hợp chống chỉ định
  - 2.2. Các trường hợp tạm hoãn tiêm chủng
3. Tiêm phòng cho bà mẹ

### BÀI 6: CÁC BIỆN PHÁP TRÁNH THAI

(Thời gian: 5 giờ)

## I. MỤC TIÊU

1. Liệt kê được các biện pháp tránh thai tạm thời và vĩnh viễn.
2. Trình bày được các ưu, nhược điểm, thời điểm áp dụng, cách sử dụng và một số lưu ý khi cung cấp các biện pháp tránh thai.

## II. NỘI DUNG BÀI(6)

1. Các biện pháp tránh thai
  - 1.1. Các biện pháp tránh thai tạm thời
  - 1.2. Các biện pháp tránh thai vĩnh viễn
2. Thông tin CĐTĐ cần biết về các biện pháp tránh thai
  - 2.1. Dụng cụ tử cung
  - 2.2. Bao cao su
  - 2.3. Viên thuốc tránh thai kết hợp
  - 2.4. Thuốc tiêm tránh thai
  - 2.5. Thuốc cây tránh thai

**2.6. Thuốc tránh thai khẩn cấp****2.7. Triệt sản nam và Triệt sản nữ (Biện pháp tránh thai vĩnh viễn)****BÀI 7: TƯ VẤN KẾ HOẠCH HÓA GIA ĐÌNH****(Thời gian: 3 giờ)****I. MỤC TIÊU**

1. Trình bày các thông điệp cần truyền thông, mục đích của tư vấn về các biện pháp tránh thai đến các cặp vợ chồng về KHHGD.

2. Trình bày được nội dung 6 bước cần tiến hành khi tư vấn.

3. Thực hiện được một buổi tư vấn các biện pháp tránh thai hiệu quả, an toàn, tôn trọng phong tục tập quán của địa phương.

**II. NỘI DUNG BÀI(7)****1. Lợi ích kế hoạch hóa gia đình (KHHGD)****2. Các thông điệp cần truyền thông về KHHGD****3. Mục đích của tư vấn về các biện pháp tránh thai****4. Sáu bước tư vấn về các biện pháp tránh thai****4.1. Gặp gỡ****4.2. Gọi hỏi****4.3. Giới thiệu****4.4. Giúp đỡ****4.5. Giải thích****4.6. Gặp lại****BÀI 8: CÁC NỘI DUNG CẦN TƯ VẤN CHO CẶP VỢ CHỒNG****TRƯỚC KHI MANG THAI****(Thời gian: 2 giờ)****I. MỤC TIÊU**

1. Liệt kê được 11 nội dung cần tư vấn cho các cặp vợ chồng trước khi mang thai.

2. Thực hiện tư vấn được cho cặp vợ chồng đang dự định có thai trong thời gian tới.

**II. NỘI DUNG BÀI(8)**

1. Lựa chọn thời điểm sinh con
2. Đối với các biện pháp tránh thai đang dùng
3. Tránh sử dụng các chất kích thích
4. Chủ động tiêm vacxin phòng bệnh
5. Tẩy giun, sán
6. Cảnh trọng khi sử dụng thuốc trước khi mang thai
7. Tránh tiếp xúc với các hoá chất độc hại
8. Dinh dưỡng và kiểm soát cân nặng trước khi mang thai
9. Uống viên sắt và axit folic (hoặc viên đa vi chất có chứa sắt và axit folic)
10. Vận động thể lực
11. Khám sức khỏe trước khi mang thai

## **BÀI 9:**

### **VẬN CHUYỂN BÀ MẸ VÀ TRẺ SƠ SINH ĐẾN CƠ SỞ Y TẾ AN TOÀN**

**(Thời gian: 2 giờ)**

#### **I. MỤC TIÊU**

1. Liệt kê được các nguyên tắc chính trong vận chuyển bà mẹ đến cơ sở y tế an toàn.
2. Thực hiện được các phương pháp vận chuyển bà mẹ, trẻ sơ sinh đến cơ sở y tế an toàn.
3. Liệt kê được các nguyên tắc chính trong vận chuyển trẻ sơ sinh đến cơ sở y tế an toàn.

#### **II. NỘI DUNG BÀI(9)**

##### **1. Vận chuyển bà mẹ đến cơ sở y tế an toàn**

###### ***1.1. Nguyên tắc chính***

###### ***1.2. Chuẩn bị dụng cụ, phương tiện***

###### ***1.3. Phương pháp vận chuyển***

##### **2. Vận chuyển trẻ sơ sinh đến cơ sở y tế an toàn**

###### ***2.1. Nguyên tắc***

###### ***2.2. Phương pháp vận chuyển trẻ sơ sinh đến cơ sở y tế an toàn***

### **BÀI 10: TRUYỀN THÔNG TRỰC TIẾP TRONG CHĂM SÓC SỨC KHỎE BÀ MẸ, TRẺ SƠ SINH TẠI CỘNG ĐỒNG**

(Thời gian: 3 giờ)

**I. MỤC TIÊU**

1. Trình bày được tầm quan trọng của truyền thông trực tiếp trong chăm sóc sức khỏe sinh sản tại cộng đồng.
2. Thực hiện được 3 kỹ năng cần thiết trong truyền thông trực tiếp.
3. Liệt kê được các bước và thực hiện được 1 buổi truyền thông bằng hình thức thăm hộ gia đình.
4. Liệt kê được các bước và thực hiện được 1 buổi truyền thông bằng hình thức tư vấn hiệu quả, tôn trọng phong tục tập quán của địa phương.

**II. NỘI DUNG BÀI (10)**

**1. Tầm quan trọng của việc truyền thông trực tiếp trong chăm sóc sức khỏe sinh sản tại cộng đồng**

**2. Một số kỹ năng CĐTĐ cần có trong truyền thông tại cộng đồng**

*2.1. Kỹ năng lắng nghe tích cực*

*2.2. Kỹ năng đặt câu hỏi*

*2.3. Kỹ năng trình bày*

**3. Một số hình thức truyền thông áp dụng tại thôn, bản**

*3.1. Thăm hộ gia đình*

*3.2. Chuẩn bị thăm hộ gia đình*

*3.3. Các bước tiến hành thăm hộ gia đình*

**4. Tư vấn**

*4.1. Tư vấn là gì*

*4.2. Đối tượng tư vấn*

*4.3. chuẩn bị một cuộc tư vấn*

*4.4. Các bước tiến hành một cuộc tư vấn.*

**5. Một số lưu ý trong khi tư vấn**

**BÀI 11: HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG SỔ THEO DÕI SỨC KHỎE**

**BÀ MẸ VÀ TRẺ EM**

(Thời gian: 4 giờ)

**I. MỤC TIÊU**

1. Trình bày được ý nghĩa, mục đích, nội dung và cách sử dụng sổ theo dõi sức khỏe bà mẹ và trẻ em.
2. Hướng dẫn được cho bà mẹ cách sử dụng, ghi chép vào sổ.
3. Thực hiện ghi chép các phần trong sổ và sử dụng sổ tại cơ sở y tế.
4. Sử dụng được phần thông tin trong sổ để tư vấn, hướng dẫn cho bà mẹ và gia đình cách chăm sóc thai nghén và chăm sóc sức khỏe cho bà mẹ và trẻ em.
5. Tự trang bị kiến thức về chăm sóc sức khỏe bà mẹ và trẻ em từ các thông tin trong sổ.

## **II. NỘI DUNG BÀI(11)**

### **1. Giới thiệu Sổ theo dõi sức khỏe bà mẹ và trẻ em**

### **2. Cấu tạo của Sổ theo dõi sức khỏe bà mẹ và trẻ em**

## **BÀI 12: GHI CHÉP SỔ SÁCH VÀ LẬP BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG**

### **HÀNG THÁNG CỦA CÔ ĐỖ THÔN BẢN**

**(Thời gian: 3 giờ)**

## **I. MỤC TIÊU**

1. Liệt kê được các công cụ thống kê báo cáo của CĐTĐB.
2. Thực hiện được cách ghi sổ ghi chép.
3. Lập được báo cáo thường quy về tình hình hoạt động chuyên môn.

## **II. NỘI DUNG BÀI(12)**

### **1. Các công cụ thống kê, báo cáo của cô đỡ thôn, bản**

### **2. Hướng dẫn sử các công cụ thống kê, báo cáo**

#### **2.1. Sổ ghi chép hoạt động của cô đỡ thôn, bản**

**2.2. Báo cáo thường quy về tình hình hoạt động chuyên môn của cô đỡ thôn, bản**

**2.3. Các biểu mẫu báo cáo tình hình thực hiện chuyên môn của các dự án (nếu có)**

## **BÀI 13: Ô NHIỄM KHÔNG KHÍ**

**(Thời gian: 2 giờ)**

## **I. MỤC TIÊU**

1. Trình bày được thành phần không khí, nguồn gây ô nhiễm, các hiện tượng ô nhiễm không khí và các bệnh có liên quan đến ô nhiễm không khí.
2. Thực hiện được các biện pháp ô nhiễm không khí trong nhà.
3. Tư vấn được tại cộng đồng về ô nhiễm không khí đạt hiệu quả, cải thiện tốt môi trường sống tại địa phương theo hướng tích cực.

## **II. NỘI DUNG BÀI (13)**

### **1. Sơ lược lịch sử ô nhiễm không khí**

### **2. Khí quyển – Thành phần khí quyển**

#### **2.1. Khí quyển**

#### **2.2. Các tầng khí quyển**

#### **2.3. Thành phần khí quyển**

### **3. Ô nhiễm không khí và các nguồn gây ô nhiễm không khí**

#### **3.1. Khai niệm**

#### **3.2. Các nguồn gây ô nhiễm không khí**

### **4. Các chất gây ô nhiễm không khí và những ảnh hưởng của chúng**

#### **4.1. Ảnh hưởng lên sức khỏe**

#### **4.2. Hội chứng nhà kín**

#### **4.2. Các biện pháp kiểm soát ô nhiễm không khí trong nhà.**

## **BÀI 14: NƯỚC VÀ VỆ SINH NƯỚC**

**(Thời gian: 2 giờ)**

### **I. MỤC TIÊU**

1. Trình bày được các nguồn nước khác nhau trong tự nhiên, mối liên quan giữa chất lượng nước với sức khỏe con người và các bệnh có liên quan đến nguồn nước.
2. Thực hiện được các biện pháp vệ sinh nguồn nước.
3. Hướng dẫn và tư vấn các cách xử lý nguồn nước sinh hoạt bảo đảm hợp vệ sinh, an toàn và hiệu quả tại cộng đồng.

## **II. NỘI DUNG BÀI (14)**

### **1. Các nguồn nước trong thiên nhiên**

#### **1.1. Nước biển và đại dương**

**1.2. Nước ngầm****1.3. Nước song hồ - nước mặt****1.4. Nước mưa****2. Mối liên quan giữa chất lượng nước và sức khỏe con người****2.1. Chất lượng nước và tiêu chuẩn****2.2. Vệ sinh nước và sức khỏe cộng đồng****2.3. Vai trò của nước đối với con người****2.4. Bệnh có liên quan đến nước****3. Xử lý nước thải****BÀI 15: Ô NHIỄM MÔI TRƯỜNG ĐẤT****(Thời gian: 2 giờ)****I. MỤC TIÊU**

1. Trình bày được khái niệm, vai trò của đất đối với đời sống con người, tác động của ô nhiễm đất đối với sức khỏe cộng đồng và các biện pháp phòng chống ô nhiễm đất.

2. Thực hiện được các biện pháp phòng chống ô nhiễm đất.

3. Tư vấn, giáo dục sức khỏe về ô nhiễm môi trường đất hiệu quả, an toàn và khả thi dựa trên tình hình thực tế tại địa phương.

**II. NỘI DUNG BÀI (15)****1. Khái niệm về đất****2. Vai trò của đất đối với đời sống con người****3. Ô nhiễm môi trường đất****4. Tác động của ô nhiễm đất đối với sức khỏe cộng đồng****4.1 Các bệnh liên quan đến ô nhiễm đất do tác nhân sinh học****4.2 Các bệnh liên quan đến ô nhiễm đất (ÔNĐ) do tác nhân hóa học****5. Các biện pháp phòng chống ô nhiễm đất****5.1. Làm sạch cơ bản****5.2 Khử những chất thải rắn****5.3 Phương pháp tập trung và thải bỏ**

## **5.4 Sử dụng hợp lý và nâng cao hiệu quả trong sử dụng các chất hoá học**

### **D. ĐIỀU KIỆN THỰC HIỆN MÔ ĐUN**

#### **I. Phòng học chuyên môn, nhà xưởng**

- Học lý thuyết: Tại phòng học lý thuyết trên giảng đường.
- Học thực hành: Tại phòng Thực hành chăm sóc sức khỏe sinh sản.

**II. Trang thiết bị, máy móc:** Máy tính, máy chiếu projector, màn chiếu, các thiết bị y tế có liên quan.

#### **III. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu**

##### **- Học liệu**

- Giáo trình và chương trình môn học, các tài liệu tham khảo chuyên ngành.

##### **- Dụng cụ, nguyên vật liệu**

- Giấy A0, A4, bút lông, bút dạ, phấn viết bảng, bút chì, nam châm, ...

#### **IV. Các điều kiện khác: Không**

### **E. NỘI DUNG VÀ PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ**

#### **I. Nội dung**

##### **1. Kiến thức**

- Người học phải đạt được các mục tiêu bài học theo từng bài thông qua lượng giá sau mỗi bài học.
- Hoàn thành các nội dung tự học, tự nghiên cứu.

##### **2. Kỹ năng**

- Người học vận dụng được các kiến thức đã học để thực hiện các quy trình kỹ thuật chăm sóc sức khỏe trẻ nhỏ và trẻ sơ sinh.
- Rèn luyện được tính cẩn thận, nhanh nhẹn, trung thực và bảo đảm an toàn trong chăm sóc sức khỏe phụ nữ, bà mẹ và trẻ sơ sinh..
- Rèn luyện được kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng giao tiếp hiệu quả.

##### **3. Mức độ tự chủ và trách nhiệm**

Có ý thức đúng đắn trong việc nhìn nhận vấn đề, tác phong làm việc cẩn thận, tỉ mỉ, chính xác. Trung thực trong công việc.

#### **II. Phương pháp**

##### **1. Kiểm tra thường xuyên và định kỳ:**

- Đối với kiểm tra, đánh giá thường xuyên:

+ Số bài kiểm tra: 01

+ Hình thức kiểm tra: Đánh giá người học thông qua kiểm tra vấn đáp trong giờ học, kiểm tra viết (tự luận, trắc nghiệm), kiểm tra một số nội dung thực hành, chấm điểm bài tập hoặc kiểm tra, đánh giá kết hợp các hình thức trên. Với thời gian làm bài bằng hoặc dưới 30 phút.

+ Thực hiện kiểm tra, đánh giá ngay trong quá trình giảng dạy và được ghi vào giáo án.

- Đối với kiểm tra, đánh giá định kỳ:

+ Số bài kiểm tra: 2 bài lý thuyết

+ Hình thức kiểm tra: Trắc nghiệm khách quan hoặc tự luận.

- Thời gian kiểm tra: 45 phút.

- Đề kiểm tra, đáp án và công cụ kiểm tra, đánh giá định kỳ được trình bày trong giáo án.

## **2. Kiểm tra kết thúc mô đun**

- Hình thức kiểm tra kết thúc mô đun: Trắc nghiệm khách quan.

- Thời gian kiểm tra kết thúc mô đun: 1 giờ.

- Thời gian hoàn thành ngân hàng đề kiểm tra kết thúc mô đun: Theo chương trình đào tạo hoặc theo kế hoạch của phòng Khảo thí và Quản lý chất lượng (nếu có).

- Đề kiểm tra kết thúc mô đun được xây dựng theo quy định về xây dựng, quản lý và sử dụng ngân hàng đề kiểm tra kết thúc mô đun hiện hành và phải thể hiện rõ nội dung đề kiểm tra kết thúc mô đun nhằm kiểm tra, đánh giá mục tiêu/chuẩn đầu ra nào trong chương trình môn học.

## **3. Đánh giá mức độ tự chủ và trách nhiệm**

- Nhà giáo đánh giá người học về: Mức độ chủ động tìm hiểu kiến thức, bài tập thực hành; khả năng tiếp thu kiến thức, vận dụng kỹ năng trong học tập môn học; mức độ ý thức trách nhiệm, trung thực trong học tập và kiểm tra, đánh giá.

- Xây dựng nội dung kiểm tra, đánh giá theo hướng tiếp cận năng lực người học lồng ghép các nội dung đánh giá mức độ tự chủ và trách nhiệm trong lượng giá cuối bài học được ghi trong giáo án.

## **F. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN MÔ ĐUN**

## **I. Phạm vi áp dụng mô đun**

Chương trình mô đun kiến thức chung được sử dụng đào tạo nghề Cô đỡ thôn bản, trình độ sơ cấp.

## **II. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập mô đun**

### **1. Đối với nhà giáo**

- Nhà giáo sử dụng phương pháp giảng dạy: Thuyết trình, vấn đáp, thực hành, làm mẫu, đóng vai, thảo luận nhóm.

- Nhà giáo sử dụng các dụng cụ trực quan trong giảng dạy để người học tiếp thu những kiến thức liên quan một cách dễ dàng.

### **2. Đối với người học**

- Tham gia ít nhất 80% thời gian học tập và các điều kiện khác của môn học.

- Điểm trung bình chung các điểm kiểm tra thường xuyên, định kỳ đạt từ 5,0 điểm trở lên theo thang điểm 10;

- Người học tích cực trao đổi thảo luận, hoạt động nhóm mở rộng kiến thức và tìm hiểu thêm một số tài liệu liên quan đến mô đun này. Tham gia đầy đủ các buổi học lý thuyết, thực hành, bài kiểm tra định kỳ và kiểm tra kết thúc mô đun.

## **III. Những trọng tâm cần chú ý:**

- Người học phải tự nghiên cứu trước bài ở nhà.

- Vận dụng được các kỹ thuật chăm sóc cho bà mẹ và trẻ sơ sinh trên thực tế lâm sàng.

## **IV. Tài liệu tham khảo**

1. Bộ Y tế. Nội dung chuyên môn đào tạo cô đỡ thôn, bản (Ban hành kèm theo Quyết định số 3724/QĐ-BYT ngày 26/8/2020 của Bộ trưởng Bộ Y tế). Hà Nội, 2020. p. 1-2.

2. Bộ Y tế. Nội dung chuyên môn đào tạo cô đỡ thôn, bản (Ban hành kèm theo Quyết định số 3724/QĐ-BYT ngày 26/8/2020 của Bộ trưởng Bộ Y tế). Hà Nội, 2020. p. 3-8.

3. Bộ Y tế. Nội dung chuyên môn đào tạo cô đỡ thôn, bản (Ban hành kèm theo Quyết định số 3724/QĐ-BYT ngày 26/8/2020 của Bộ trưởng Bộ Y tế). Hà Nội, 2020. p. 9 - 12.

4. Bộ Y tế. Nội dung chuyên môn đào tạo cô đỡ thôn, bản (Ban hành kèm

theo Quyết định số 3724/QĐ-BYT ngày 26/8/2020 của Bộ trưởng Bộ Y tế). Hà Nội, 2020. p. 21 - 3.

5. Bộ Y tế. Nội dung chuyên môn đào tạo cô đỡ thôn, bản (Ban hành kèm theo Quyết định số 3724/QĐ-BYT ngày 26/8/2020 của Bộ trưởng Bộ Y tế). Hà Nội, 2020. p. 24 - 7.

6. Bộ Y tế. Nội dung chuyên môn đào tạo cô đỡ thôn, bản (Ban hành kèm theo Quyết định số 3724/QĐ-BYT ngày 26/8/2020 của Bộ trưởng Bộ Y tế). Hà Nội, 2020. p. 28 - 36.

7. Bộ Y tế. Nội dung chuyên môn đào tạo cô đỡ thôn, bản (Ban hành kèm theo Quyết định số 3724/QĐ-BYT ngày 26/8/2020 của Bộ trưởng Bộ Y tế). Hà Nội, 2020. p. 37 - 9.

8. Bộ Y tế. Nội dung chuyên môn đào tạo cô đỡ thôn, bản (Ban hành kèm theo Quyết định số 3724/QĐ-BYT ngày 26/8/2020 của Bộ trưởng Bộ Y tế). Hà Nội, 2020. p. 40 - 1.

9. Bộ Y tế. Nội dung chuyên môn đào tạo cô đỡ thôn, bản (Ban hành kèm theo Quyết định số 3724/QĐ-BYT ngày 26/8/2020 của Bộ trưởng Bộ Y tế). Hà Nội, 2020. p. 114 -6.

10. Bộ Y tế. Nội dung chuyên môn đào tạo cô đỡ thôn, bản (Ban hành kèm theo Quyết định số 3724/QĐ-BYT ngày 26/8/2020 của Bộ trưởng Bộ Y tế). Hà Nội, 2020. p. 117-21.

11. Bộ Y tế. Nội dung chuyên môn đào tạo cô đỡ thôn, bản (Ban hành kèm theo Quyết định số 3724/QĐ-BYT ngày 26/8/2020 của Bộ trưởng Bộ Y tế). Hà Nội, 2020. p. 123 -6.

12. Bộ Y tế. Nội dung chuyên môn đào tạo cô đỡ thôn, bản (Ban hành kèm theo Quyết định số 3724/QĐ-BYT ngày 26/8/2020 của Bộ trưởng Bộ Y tế). Hà Nội, 2020. p. 127 -31.

13. Trường Cao đẳng Kon Tum. Giáo trình sức khỏe môi trường. Kon Tum 2021. 28 p.

14. Trường Cao đẳng Kon Tum. Giáo trình sức khỏe môi trường. Kon Tum, 2021. 43 p.

15. Trường Cao đẳng Kon Tum. Giáo trình sức khỏe môi trường. Kon Tum, 2021. 69 p.

**V. Ghi chú và giải thích (nếu có):** Không.

## CHƯƠNG TRÌNH MÔ ĐUN

---

**Tên mô đun:** Sử dụng thuốc an toàn hợp lý (Safe and Rational Medication Use).

**Mã mô đun:** 411010533.

**Thời gian thực hiện mô đun:** 30 giờ (lý thuyết: 21 giờ; bài tập, thảo luận: 7 giờ; kiểm tra: 1 giờ; kiểm tra kết thúc mô đun: 1 giờ).

### A. VỊ TRÍ, TÍNH CHẤT CỦA MÔ ĐUN

#### I. Vị trí

Là mô đun cơ sở được thực hiện trong những tuần đầu của khóa học.

#### II. Tính chất

Là mô đun bắt buộc quan trọng trong chương trình đào tạo nghề Cô đỡ thôn bản, trình độ sơ cấp.

### B. MỤC TIÊU MÔ ĐUN

#### I. Yêu cầu về kiến thức

1. Trình bày được kiến thức cơ bản về hướng dẫn sử dụng thuốc an toàn, hợp lý.
2. Trình bày được công dụng, cách chế biến sơ bộ, cách dùng của một số cây thuốc nam thông dụng.
3. Trình bày được công dụng, cách dùng của một số thuốc thông thường chữa các bệnh thường gặp tại tuyến y tế cơ sở.

#### II. Yêu cầu về kỹ năng

1. Tư vấn được cách sử dụng thuốc hợp lý, an toàn tại tuyến y tế cơ sở.
2. Nhận biết và sơ chế được các vị thuốc nam thông thường.
3. Nhận biết và hướng dẫn cách sử dụng các thuốc thông thường chữa các bệnh thường gặp tại tuyến y tế cơ sở.

### III. Mức độ tự chủ và trách nhiệm

1. Chủ động xác định được nội dung, mục tiêu, phương pháp học tập, phương pháp lượng giá của môn học.

2. Rèn luyện tính cẩn thận, tỉ mỉ, chính xác, trung thực, an toàn lao động, vệ sinh môi trường. Chấp hành nội qui phòng thực hành, thí nghiệm và những qui định của giảng viên.

3. Có năng lực tự định hướng, tự học tập, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, thích nghi với các môi trường làm việc khác nhau. Có khả năng tiếp tục học tập lên trình độ cao hơn sau khi tốt nghiệp.

### C. NỘI DUNG MÔ ĐUN

#### NỘI DUNG TỔNG QUÁT VÀ PHÂN BỐ THỜI GIAN

| TT | Tên bài, mục   | Thời gian (giờ) |           |                    |                       |                          |
|----|--|-----------------|-----------|--------------------|-----------------------|--------------------------|
|    |  | Tổng số         | Lý thuyết | Bài tập, thảo luận | Thực hành, thí nghiệm | Kiểm tra kết thúc mô đun |
| 1  | Bài 1: Sử dụng thuốc an toàn và hợp lý tại thôn bản<br>1. Khái niệm về thuốc<br>2. Những điểm cần chú ý khi dùng thuốc<br>3. Hướng dẫn cách dùng thuốc<br>4. Hướng dẫn cách uống thuốc<br>5. Bốn đối tượng đặc biệt lưu ý khi dùng thuốc | 1               | 1         |                    |                       |                          |
| 2  | Bài 2: Sử dụng và bảo quản túi thuốc của cô đỡ thôn bản  | 1               | 1         |                    |                       |                          |

| TT | Tên bài, mục  | Tổng số | Thời gian (giờ) |                    |                       |                          |
|----|---|---------|-----------------|--------------------|-----------------------|--------------------------|
|    |   |         | Lý thuyết       | Bài tập, thảo luận | Thực hành, thí nghiệm | Kiểm tra kết thúc mô đun |
|    | 1. Những dụng y tế và thuốc men thông thường trong túi thuốc cô đỡ thôn bản<br>1.1. Dụng cụ y tế<br>1.2. Thuốc và vật tư<br>1.3. Một số trang bị khác<br>2. Sử dụng, bảo quản và duy trì túi thuốc  |         |                 |                    |                       |                          |
| 3  | Bài 3: 35 cây thuốc nam chữa các chứng bệnh thường gặp tại địa phương<br>1. Cây thuốc chữa cảm sốt<br>2. Cây thuốc chữa ỉa chảy<br>4. Cây thuốc chữa ho<br>5. Cây thuốc chữa mụn nhọt, tiêu độc<br>6. Cây thuốc chữa bệnh phụ nữ<br>7. Cây thuốc chữa phong thấp<br>8. Một số bài thuốc dân gian chữa các bệnh thông thường | 5       | 2               | 3                  |                       |                          |
| 4  | Bài 4: Xông hơi đánh cảm<br>1. Xông hơi   | 1       | 1               |                    |                       |                          |

| TT | Tên bài, mục  | Tổng số | Thời gian (giờ) |                    |                       |                          |
|----|---|---------|-----------------|--------------------|-----------------------|--------------------------|
|    |   |         | Lý thuyết       | Bài tập, thảo luận | Thực hành, thí nghiệm | Kiểm tra kết thúc mô đun |
|    | 1.1. Tác dụng<br>1.2. Chỉ định<br>1.3. Chống chỉ định<br>1.4. Quy trình xông hơi<br>2. Đánh cảm, cạo gió<br>2.1. Tác dụng<br>2.2. Chỉ định<br>2.3. Nguyên tắc trong lúc đánh cảm, cạo gió<br>2.4. Chống chỉ định cảm, cạo gió<br>2.5. Lưu ý trong và sau khi đánh cảm, cạo gió<br>2.6. Các phương pháp đánh cảm |         |                 |                    |                       |                          |
| 5  | Bài 5: Thuốc hạ sốt, giảm đau, chống viêm<br>1. Phân loại<br>1.1. Thuốc Hạ nhiệt<br>1.2. Thuốc giảm đau<br>1.3. Thuốc chống viêm:<br>2. Các thuốc hạ nhiệt, giảm đau, chống viêm thông thường<br>2.1. Acid Acetyl salicylic (Aspirin)   | 2       | 2               |                    |                       |                          |

| TT | Tên bài, mục   | Tổng số | Thời gian (giờ) |                    |                       |                          |
|----|--|---------|-----------------|--------------------|-----------------------|--------------------------|
|    |  |         | Lý thuyết       | Bài tập, thảo luận | Thực hành, thí nghiệm | Kiểm tra kết thúc mô đun |
|    | 2.2. Paracetamol<br>2.3. Prednisolon<br>2.4. Diclofenac<br>2.5. Ibuprofen<br>2.6. Piroxicam  |         |                 |                    |                       |                          |
| 6  | Bài 6: Thuốc chống dị ứng<br>1. Đại cương về bệnh dị ứng<br>2. Phân loại thuốc chống dị ứng<br>3. Một số thuốc chống dị ứng<br>3.1. Chlorpheniramine<br>3.2. Alimemazin<br>3.3. Cetirizine Hydrochloride | 2       | 2               |                    |                       |                          |
| 7  | Bài 7: Thuốc chữa bệnh đường hô hấp<br>1. Đại cương<br>2. Các thuốc chủ yếu<br>2.1. Acetylcysteine (Exomuc, Acemuc, Mucomyst)<br>2.2. Terpin hydrate<br>2.3. Salbutamol Sulfate                          | 2       | 2               |                    |                       |                          |

| TT | Tên bài, mục   | Tổng số | Thời gian (giờ) |                    |                       |                          |
|----|--|---------|-----------------|--------------------|-----------------------|--------------------------|
|    |  |         | Lý thuyết       | Bài tập, thảo luận | Thực hành, thí nghiệm | Kiểm tra kết thúc mô đun |
| 8  | Bài 8: Thuốc chữa bệnh đường tiêu hóa<br>1. Oresol<br>2. Berberin<br>3. Nhôm hydroxyd<br>4. Magnesium sulfate  | 2       | 2               |                    |                       |                          |
| 9  | Bài 9: Thuốc giun sán<br>1. Đại cương<br>2. Phân loại<br>2.1. Thuốc trị giun<br>2.2. Thuốc trị sán<br>3. Nguyên tắc sử dụng thuốc trị giun<br>4. Các thuốc thường sử dụng<br>4.1. Mebendazol<br>4.2. Albendazol<br>4.3. Niclosamid | 2       | 2               |                    |                       |                          |
| 10 | Bài 10: Thuốc sát khuẩn, tẩy uế<br>1. Đại cương<br>2. Các thuốc thường dùng<br>2.1. Cồn Etylic<br>2.2. Cồn Iod<br>2.3. Oxy già<br>2.4. Cloramin B  | 1       | 1               |                    |                       |                          |

| TT | Tên bài, mục   | Tổng số | Thời gian (giờ) |                    |                       |                          |
|----|--|---------|-----------------|--------------------|-----------------------|--------------------------|
|    |  |         | Lý thuyết       | Bài tập, thảo luận | Thực hành, thí nghiệm | Kiểm tra kết thúc mô đun |
| 11 | Bài 11: Thuốc chữa bệnh sốt rét<br>1. Artemisinin<br>2. Viên phối hợp  | 1       | 1               |                    |                       |                          |
| 12 | Bài 12: Thuốc chữa bệnh: Mắt, Tai, Mũi, Họng<br>1. Chloramphenicol 0.3%<br>2. Gentamicin 0,3%<br>3. Tetracycline 1%<br>4. Hydrogen peroxide (H <sub>2</sub> O <sub>2</sub> ) | 1       | 1               |                    |                       |                          |
| 13 | Bài 13: Thuốc bôi ngoài da<br>1. Đại cương<br>2. Nguyên tắc sử dụng<br>3. Các thuốc thường dùng<br>3.1. Dung dịch A.S.A<br>3.2. Dung dịch B.S.I                              | 1       | 1               |                    |                       |                          |
| 14 | Bài 14: Nhận dạng thuốc<br>1. Nhận dạng và tìm hiểu nhóm thuốc hạ nhiệt, giảm đau, chống viêm<br>2. Nhận dạng và tìm hiểu nhóm thuốc đường hô hấp, tiêu hoá                  | 5       | 1               | 4                  |                       |                          |

| TT | Tên bài, mục   | Tổng số   | Thời gian (giờ) |                    |                       |                          |
|----|--|-----------|-----------------|--------------------|-----------------------|--------------------------|
|    |  |           | Lý thuyết       | Bài tập, thảo luận | Thực hành, thí nghiệm | Kiểm tra kết thúc mô đun |
|    | 3. Nhận dạng và tìm hiểu nhóm thuốc dị ứng, ngoài da, sốt rét, sạt trùng tẩy uế  |           |                 |                    |                       |                          |
| 15 | Bài 15: Tìm hiểu về cây sâm Ngọc Linh<br>1. Nguồn gốc<br>2. Cách trồng, thu hái, chế biến<br>3. Bộ phận dùng<br>4. Công dụng | 1         | 1               |                    |                       |                          |
|    | Kiểm tra định kỳ   | 1         |                 |                    |                       | 1                        |
|    | Kiểm tra kết thúc mô đun   | 1         |                 |                    |                       | 1                        |
|    | <b>Cộng</b>  | <b>30</b> | <b>21</b>       | <b>7</b>           |                       | <b>2</b>                 |

## NỘI DUNG CHI TIẾT

### Bài 1: SỬ DỤNG THUỐC AN TOÀN HỢP LÝ TẠI THÔN BẢN

(Thời gian: 1 giờ)

#### I. MỤC TIÊU

1. Trình bày được khái niệm, điểm cần chú ý về thuốc.
2. Trình bày được hướng dẫn cách dùng thuốc và cách uống thuốc.
3. Hướng dẫn được cách sử dụng thuốc an toàn, hợp lý.
4. Chủ động tìm hiểu về cách sử dụng thuốc an toàn, hợp lý.

#### II. NỘI DUNG BÀI (1)

##### 1. Khái niệm

**2. Những điểm cần chú ý khi dùng thuốc**

**3. Hướng dẫn cách dùng thuốc**

**4. Hướng dẫn cách uống thuốc**

**5. Bốn đối tượng đặc biệt lưu ý khi dùng thuốc**

## **Bài 2: SỬ DỤNG VÀ BẢO QUẢN TÚI THUỐC CỦA CÔ ĐỒ THÔN BẢN**

**(Thời gian: 1 giờ)**

### **I. MỤC TIÊU**

1. Liệt kê được những dụng cụ y tế và các thuốc cần thiết trong túi thuốc.
2. Trình bày được các nội dung sử dụng, duy trì và bảo quản túi thuốc.
3. Trang bị và bảo quản được những dụng cụ y tế và các thuốc cần thiết trong túi thuốc.
4. Chủ động tìm hiểu về các thuốc cơ bản nhất dùng cho hành nghề cô đỡ thôn bản.

### **II. NỘI DUNG BÀI (1)**

**1. Những dụng cụ y tế và thuốc men thông thường trong túi thuốc cô đỡ thôn bản.**

*1.1. Dụng cụ y tế*

*1.2. Thuốc và vật tư*

*1.3. Một số trang bị khác*

**2. Sử dụng, bảo quản và duy trì túi thuốc**

## **Bài 3: 35 CÂY THUỐC NAM CHỮA CÁC BỆNH THƯỜNG GẶP**

**TẠI ĐỊA PHƯƠNG**

**(Thời gian: 5 giờ)**

### **I. MỤC TIÊU**

1. Trình bày được đặc điểm, cách sử dụng các cây thuốc nam trong điều trị 7 bệnh thông thường.
2. Xác định được các cây thuốc nam dùng trong điều trị các bệnh thường gặp.
3. Biết cách thu hái, chế biến sơ bộ và cách sử dụng các cây thuốc nam thông dụng tại địa phương.

4. Chủ động tìm hiểu, nghiên cứu, sưu tầm các cây thuốc nam tại địa phương.

## **II. NỘI DUNG BÀI (1)**

### **1. Cây thuốc chữa cảm sốt**

*1.1. Sắn dây*

*1.2. Cam thảo đất*

*1.3. Hương nhu tía*

*1.4. Gừng*

*1.5. Bạc hà*

*1.6. Tía tô*

*1.7. Kinh giới*

### **2. Cây thuốc chữa ỉa chảy**

*2.1. Mã đề*

*2.2. Gừng*

*2.3. Hoắc hương*

### **3. Cây thuốc chữa lỵ**

*3.1. Cỏ nhọ nồi*

*3.2. Mơ tam thể*

*3.3. Rau sam*

*3.4. Cỏ sữa lá nhỏ*

### **4. Cây thuốc chữa ho**

*4.1. Thiên môn*

*4.2. Mạch môn*

*4.3. Rẻ quạt*

*4.4. Húng chanh*

### **5. Chữa mụn nhọt, tiêu độc**

*5.1. Sâm đại hành*

*5.2. Kim ngân*

*5.3. Sài đất*

**5.4. Bồ công anh****5.5. Kế đầu ngựa****6. Cây thuốc chữa bệnh phụ nữ****6.1. Cây ngải cứu****6.2. Bạch đồng nữ****6.3. Ích mẫu****6.4. Gai****7. Cây thuốc chữa phong thấp****7.1. Cỏ xước****7.2. Hy thiêm****7.3. Lá lốt****7.4. Dâu tằm****8. Một số bài thuốc dân gian chữa các bệnh thông thường****Bài 4: XÔNG HƠI, ĐÁNH CẢM****(Thời gian: 1 giờ)****I. MỤC TIÊU**

1. Trình bày được tác dụng, chỉ định, chống chỉ định và 4 bước của quy trình xông hơi.
2. Thực hiện thành thạo phương pháp xông hơi, đánh cảm, cạo gió.
3. Thực hiện đúng chỉ định và chống chỉ định trong thực hành phương pháp xông hơi, đánh cảm, cạo gió.
4. Chủ động tìm hiểu nghiên cứu cách xông hơi, bấm huyệt, cạo gió trong cộng đồng.

**II. NỘI DUNG BÀI (1)****1. Xông hơi****1.1. Tác dụng****1.2. Chỉ định****1.3. Chống chỉ định****1.4. Quy trình xông hơi**

## **2. Đánh cảm, cạo gió**

### **2.1. Tác dụng**

### **2.2. Chỉ định**

### **2.3. Nguyên tắc trong lúc đánh cảm, cạo gió**

### **2.4. Chống chỉ định cảm, cạo gió**

### **2.5. Lưu ý trong và sau khi đánh cảm, cạo gió**

### **2.6. Các phương pháp đánh**

## **Bài 5: THUỐC HẠ SỐT, GIẢM ĐAU, CHỐNG VIÊM**

**(Thời gian: 2 giờ)**

### **I. MỤC TIÊU**

1. Trình bày được phân loại, cách sử dụng thuốc hạ nhiệt, giảm đau, chống viêm.
2. Phân loại được thuốc hạ nhiệt, giảm đau, chống viêm.
3. Xác định và hướng dẫn sử dụng được các thuốc hạ nhiệt, giảm đau, chống viêm thường dùng.
4. Chủ động tìm hiểu các thuốc thuộc nhóm hạ nhiệt, giảm đau, kháng viêm.

### **II. NỘI DUNG BÀI(2)**

#### **1. Phân loại**

##### **1.1. Thuốc hạ nhiệt**

##### **1.2. Thuốc giảm đau**

##### **1.3. Thuốc chống viêm**

#### **2. Các thuốc hạ nhiệt, giảm đau, chống viêm thông thường**

##### **2.1. Acid Acetylsalisilic (Aspirin)**

##### **2.2. Paracetamol**

##### **2.3. Prednisolon**

##### **2.4. Diclofenac**

##### **2.5. Ibuprofen**

##### **2.6. Piroxicam**

## **Bài 6: THUỐC CHỐNG DỊ ỨNG**

(Thời gian: 2 giờ)

## I. MỤC TIÊU

1. Trình bày được các đặc điểm, phân loại, cách sử dụng thuốc chống dị ứng.
2. Phân loại và xác định được thuốc chống dị ứng.
3. Hướng dẫn được cách sử dụng các thuốc chống dị ứng thường dùng.
4. Chủ động tìm hiểu các thuốc thuộc nhóm thuốc chống dị ứng.

## II. NỘI DUNG BÀI (2)

### 1. Đại cương về bệnh dị ứng

### 2. Phân loại thuốc chống dị ứng

### 3. Một số thuốc chống dị ứng

#### 3.1. *Chlorpheniramine*

#### 3.2. *Alimemazin*

#### 3.3. *Cetirizine Hydrochloride*

## Bài 7: THUỐC CHỮA BỆNH ĐƯỜNG HÔ HẤP

(Thời gian: 2 giờ)

## I. MỤC TIÊU

1. Trình bày được các đại cương về thuốc ho, hen.
2. Trình bày được cách sử dụng các thuốc Acetylcystein, Terpin hydrat, Salbutamol.
3. Phân loại, xác định và hướng dẫn sử dụng được thuốc chữa ho và hen.
4. Chủ động tìm hiểu các thuốc thuộc nhóm thuốc chữa ho, hen.

## II. NỘI DUNG BÀI (2)

### 1. Đại cương

### 2. Các thuốc chủ yếu

#### 2.1. *Acetylcysteine (Exomuc, Acemuc, Mucomyst)*

#### 2.2. *Terpin hydrate*

#### 2.3. *Salbutamol Sulfate*

**Bài 8: THUỐC CHỮA BỆNH ĐƯỜNG TIÊU HÓA****(Thời gian: 2 giờ)****I. MỤC TIÊU**

1. Trình bày được tên, chỉ định, chống chỉ định, liều dùng, cách dùng, bảo quản của 4 thuốc chữa bệnh đường tiêu hóa.
2. Phân loại, xác định được các thuốc chữa bệnh đường tiêu hóa.
3. Hướng dẫn được cách sử dụng các thuốc chữa bệnh đường tiêu hóa thường dùng.
4. Chủ động tìm hiểu các thuốc thuộc nhóm thuốc chữa bệnh đường tiêu hóa.

**II. NỘI DUNG BÀI (2)**

1. Oresol
2. Berberin
3. Nhôm hydroxyd
4. Magnesium sulfate

**Bài 9: THUỐC GIUN SÁN****(Thời gian: 2 giờ)****I. MỤC TIÊU**

1. Trình bày được đại cương, phân loại thuốc giun, sán.
2. Trình bày được tên các thuốc (biệt dược), chỉ định, cách dùng các thuốc chống chữa giun sán thông thường: Mebendazol, Albendazol, Niclosamid.
3. Xác định và hướng dẫn sử dụng được các thuốc giun, sán thông dụng.
4. Chủ động tìm hiểu các thuốc thuộc nhóm thuốc chữa bệnh giun, sán.

**II. NỘI DUNG BÀI (2)**

1. Đại cương
2. Phân loại
  - 2.1. Thuốc trị giun
  - 2.2. Thuốc trị sán
3. Nguyên tắc sử dụng thuốc trị giun
4. Các thuốc thường sử dụng

**4.1. Mebendazol****4.2. Albendazol****4.3. Niclosamid****Bài 10. THUỐC SÁT TRÙNG, TẨY UẾ****(Thời gian: 1 giờ)****I. MỤC TIÊU**

1. Trình bày được đại cương, phân loại thuốc sát trùng, tẩy uế.
2. Trình bày được tên thuốc, biệt dược, chỉ định, chống chỉ định, các loại thuốc sát khuẩn tẩy uế.
3. Xác định và hướng dẫn sử dụng được các thuốc sát khuẩn, tẩy uế thông dụng.
4. Chủ động tìm hiểu các thuốc thuộc nhóm thuốc sát khuẩn, tẩy uế.

**II. NỘI DUNG BÀI (2)****1. Đại cương****2. Các thuốc thường dùng****2.1. Cồn Etylic****2.2. Cồn Iod****2.3. Oxy già****2.4. Cloramin B****Bài 11. THUỐC CHỮA BỆNH SỐT RÉT****(Thời gian: 2 giờ)****I. MỤC TIÊU**

1. Trình bày được phân loại thuốc sốt rét.
2. Trình bày được tên, chỉ định, chống chỉ định, liều dùng, cách dùng, bảo quản của 2 loại thuốc điều trị sốt rét.
3. Xác định và hướng dẫn sử dụng được thuốc sốt rét thông thường
4. Chủ động tìm hiểu các thuốc thuộc nhóm thuốc chữa bệnh sốt rét.

**II. NỘI DUNG BÀI (2)****1. Artemisinin**

## 2. Viên phối hợp

### Bài 12. THUỐC CHỮA BỆNH: MẮT, TAI, MŨI HỌNG

(Thời gian: 1 giờ)

#### I. MỤC TIÊU

1. Trình bày được phân loại thuốc mắt, tai, mũi họng.
2. Trình bày được tên, chỉ định, chống chỉ định, liều dùng, cách dùng của thuốc chữa bệnh mắt, tai, mũi, họng.
3. Xác định và hướng dẫn sử dụng được các thuốc mắt, tai, mũi, họng thường dùng.
4. Chủ động tìm hiểu các thuốc thuộc nhóm thuốc chữa bệnh ở mắt, tai, mũi, họng.

#### II. NỘI DUNG BÀI (2)

1. Chloramphenicol
2. Sulfoxylate
3. Tetracycline
4. Hydrogen peroxide (H<sub>2</sub>O<sub>2</sub>)

### Bài 13. THUỐC BÔI NGOÀI DA

(Thời gian: 1 giờ)

#### I. MỤC TIÊU

1. Trình bày nguyên tắc sử dụng thuốc chữa bệnh ngoài da.
2. Trình bày được cách dùng thuốc ASA, BSI, Ketoconazol, DEP.
3. Hướng dẫn được cách sử dụng các thuốc chữa bệnh ngoài da thông thường.
4. Chủ động tìm hiểu các thuốc thuộc nhóm thuốc chữa bệnh ngoài da.

#### II. NỘI DUNG BÀI ( 2)

1. Đại cương
2. Nguyên tắc sử dụng
3. Các thuốc thường dùng
  - 3.1. Dung dịch A.S.A
  - 3.2. Dung dịch B.S.I

**3.3. Ketoconazol 1%****3.4. DEP****Bài 14. NHẬN DẠNG THUỐC****(Thời gian: 4 giờ)****I. MỤC TIÊU**

1. Xác định và đọc được tên thuốc, phân loại nhóm thuốc các thuốc đã được học trong chương trình.
2. Hướng dẫn được cách dùng của các thuốc đã nhận dạng.
3. Chủ động tìm hiểu tất cả các thuốc đã được học trong chương trình.

**II. NỘI DUNG BÀI (2)**

1. Nhận dạng và tìm hiểu nhóm thuốc hạ nhiệt, giảm đau, chống viêm
2. Nhận dạng và tìm hiểu nhóm thuốc đường hô hấp, tiêu hoá
3. Nhận dạng và tìm hiểu nhóm thuốc dị ứng, ngoài da, sốt rét, sát trùng tẩy uế

**BÀI 15: TÌM HIỂU VỀ CÂY SÂM NGỌC LINH****(Thời gian: 2 giờ)****I. MỤC TIÊU**

1. Trình bày được cách trồng, thu hái, chế biến sơ bộ cây sâm Ngọc Linh.
2. Trình bày được công dụng, cách dùng của cây sâm Ngọc Linh.
3. Xác định được cây sâm Ngọc Linh và bộ phận dùng của sâm Ngọc Linh.
4. Chủ động tìm hiểu, nghiên cứu các thông tin về cây sâm Ngọc Linh.

**II. NỘI DUNG BÀI (3)**

1. Nguồn gốc
2. Cách trồng, thu hái, chế biến
3. Bộ phận dùng
4. Công dụng

**D. ĐIỀU KIỆN THỰC HIỆN MÔN HỌC****I. Phòng học chuyên môn, nhà xưởng**

- Phòng học lý thuyết: phù hợp cho hoạt động học tập theo nhóm, có trang

bị bảng, phấn, máy chiếu projector, máy vi tính, màn hình.

- Phòng thực hành: Thực hành hóa dược - dược lý, vườn thuốc nam mẫu.

Có đầy đủ nhóm thuốc thông thường và cây thuốc nam có trong chương trình.

## **II. Trang thiết bị, máy móc**

Máy tính, máy chiếu projector, màn chiếu, tranh ảnh cây thuốc,...

## **III. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu**

- Mạng internet, máy vi tính, chương trình và giáo trình, giáo án mô đun.

- Giấy A0, A4, bút lông, bút dạ, phấn viết bảng, bút chì, nam châm, kẹp nhựa, kéo, dao nhỏ, ...

- Thuốc mẫu, cây thuốc mẫu, tranh ảnh cây thuốc.

## **IV. Các điều kiện khác**

## **E. NỘI DUNG VÀ PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ**

### **I. Nội dung**

#### **1. Kiến thức**

- Người học phải đạt được các mục tiêu bài học theo từng bài thông qua lượng giá sau mỗi bài học.

- Hoàn thành các nội dung tự học, tự nghiên cứu.

#### **2. Kỹ năng**

- Người học vận dụng được các kiến thức đã học để hướng dẫn sử dụng thuốc hợp lý an toàn tại tuyến y tế thôn bản.

- Rèn luyện được tính cẩn thận, trung thực và bảo đảm an toàn trong hướng dẫn sử dụng thuốc

- Rèn luyện được kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng giao tiếp hiệu quả.

#### **3. Mức độ tự chủ và trách nhiệm**

Có ý thức đúng đắn trong việc nhìn nhận vấn đề, tác phong làm việc cẩn thận, tỉ mỉ, chính xác. Trung thực trong công việc.

## **II. Phương pháp**

### **1. Kiểm tra thường xuyên và định kỳ**

- Đối với kiểm tra, đánh giá thường xuyên, nhà giáo thiết kế câu hỏi theo mức độ nhận thức (trắc nghiệm khách quan, viết,...) để thực hiện kiểm tra, đánh giá ngay trong quá trình giảng dạy và được ghi vào giáo án.

Số bài kiểm tra: 1 bài

- Đối với kiểm tra định kỳ:

Số bài kiểm tra: 01

Hình thức kiểm tra: Trắc nghiệm khách quan

Thời gian kiểm tra: 30 phút

Đề kiểm tra, đáp án và công cụ kiểm tra, đánh giá định kỳ được trình bày/đính kèm trong giáo án.

## **2. Kiểm tra kết thúc mô đun**

- Hình thức kiểm tra kết thúc mô đun: Trắc nghiệm khách quan.

- Thời gian kiểm tra kết thúc mô đun: 1 giờ.

- Thời gian hoàn thành ngân hàng đề kiểm tra kết thúc mô đun: Theo chương trình đào tạo hoặc theo kế hoạch của phòng Khảo thí và Quản lý chất lượng (nếu có).

- Đề kiểm tra kết thúc mô đun được xây dựng theo quy định về xây dựng, quản lý và sử dụng ngân hàng đề kiểm tra kết thúc mô đun hiện hành và phải thể hiện rõ nội dung đề kiểm tra kết thúc mô đun nhằm kiểm tra, đánh giá mục tiêu/chuẩn đầu ra nào trong chương trình môn học.

## **3. Đánh giá mức độ tự chủ và trách nhiệm**

- Nhà giáo đánh giá người học về: Mức độ chủ động tìm hiểu kiến thức, bài tập thực hành; khả năng tiếp thu kiến thức, vận dụng kỹ năng trong học tập môn học; mức độ ý thức trách nhiệm, trung thực trong học tập và kiểm tra, đánh giá.

- Xây dựng nội dung kiểm tra, đánh giá theo hướng tiếp cận năng lực người học lồng ghép các nội dung đánh giá mức độ tự chủ và trách nhiệm trong lượng giá cuối bài học được ghi trong giáo án.

## **F. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN MÔN HỌC**

### **I. Phạm vi áp dụng môn học**

Chương trình mô đun Sử dụng thuốc an toàn hợp lý được sử dụng đào tạo nghề cô đỡ thôn bản, trình độ sơ cấp.

## **II. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập môn học**

### **1. Đối với nhà giáo**

- Trong quá trình giảng dạy có thể vận dụng kết hợp lý thuyết và thực hành. Áp dụng linh hoạt các phương pháp giảng dạy khác nhau như: Thuyết trình, thực hành, trực quan, thảo luận và làm việc nhóm; đặc biệt chú ý liên hệ thực tế và phát huy tính tích cực của học viên...

- Nhà giáo hướng dẫn người học nhận thức kiến thức về lý thuyết và những kiến thức thực hành bổ sung cho phần kiến thức lý thuyết đã học.

### **2. Đối với người học**

- Người học tham gia đầy đủ các buổi học lý thuyết, thực hành, bài kiểm tra và thi theo quy chế đào tạo.

- Tích cực tham gia học tập, thực hành, thảo luận nhóm, quan sát, trả lời câu hỏi, tự nghiên cứu, xem giáo trình trước khi lên lớp, tự học.

## **III. Những trọng tâm cần chú ý**

- Học viên phải tự nghiên cứu trước bài ở nhà.

- Đọc được tên thuốc, nhận dạng và biết cách sử dụng các loại thuốc đã được học trong chương trình

- Nhận dạng được cây thuốc nam và sử dụng các cây thuốc nam chữa các bệnh thường gặp.

## **IV. Tài liệu tham khảo**

1. Tiến sĩ Trần Chí Liêm Sách hướng dẫn đào tạo lại nhân viên thôn bản (mô đun 8). Hà Nội- 2009.

2. Tiến sĩ Nguyễn Thị Kim Chi, Giáo trình Dược lý, Trường cao đẳng Y tế Hà Nội-2021.

3. Nghiên cứu phát triển Dược liệu và đông dược ở Việt Nam, nhà xuất bản khoa học và kỹ thuật - 2006.

## **V. Ghi chú và giải thích (nếu có): Không.**

## CHƯƠNG TRÌNH MÔ ĐUN

**Tên mô đun:** Sơ cứu ban đầu và kỹ thuật điều dưỡng (First Aid and Nursing Techniques).

**Mã mô đun:** 411220033.

**Thời gian thực hiện mô đun:** 45 giờ (lý thuyết: 28 giờ; bài tập, thảo luận: 0 giờ; thực hành, thí nghiệm: 14 giờ; kiểm tra: 2 giờ; kiểm tra kết thúc mô đun: 1 giờ).

### **A. VỊ TRÍ, TÍNH CHẤT CỦA MÔ ĐUN**

#### **I. Vị trí**

Là mô đun chuyên môn.

#### **II. Tính chất**

Là mô đun bắt buộc trong chương trình đào tạo nghề Cô đỡ thôn bản, trình độ sơ cấp.

### **B. MỤC TIÊU MÔ ĐUN**

#### **I. Yêu cầu về kiến thức**

1. Trình bày được cách khám một người bệnh; mục đích, nguyên tắc áp dụng và không áp dụng các kỹ thuật điều dưỡng trong chăm sóc người bệnh.
2. Trình bày được các nguyên nhân, dấu hiệu của một số trường hợp cấp cứu thường gặp tại cộng đồng và cách phòng tránh.
3. Trình bày được những vấn đề cần chú ý trong quá trình cấp cứu ban đầu cho người bệnh tại cộng đồng.

#### **II. Yêu cầu về kỹ năng**

1. Thực hiện được các quy trình kỹ thuật chăm sóc người bệnh.
2. Phát hiện, chăm sóc và thực hiện sơ cứu được một số trường hợp cấp cứu thường gặp tại cộng đồng.

3. Tuyên truyền, giáo dục sức khỏe và hướng dẫn người dân tại thôn, làng cách chăm sóc cho người bệnh tại gia đình và cách phòng tránh một số trường hợp cấp cứu thường gặp tại cộng đồng.

## II. Mức độ tự chủ và trách nhiệm

1. Chủ động xác định được nội dung, mục tiêu, phương pháp học tập, phương pháp lượng giá của mô đun.

2. Rèn luyện tính cẩn thận, tỉ mỉ, chính xác, trung thực, an toàn lao động, vệ sinh môi trường. Chấp hành nội qui phòng thực hành, thí nghiệm và những qui định của giảng viên.

3. Có năng lực tự định hướng, tự học tập, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, thích nghi với các môi trường làm việc khác nhau. Có khả năng tiếp tục học tập lên trình độ cao hơn sau khi tốt nghiệp.

## C. NỘI DUNG MÔ ĐUN

### NỘI DUNG TỔNG QUÁT VÀ PHÂN BỐ THỜI GIAN

| TT | Tên các bài trong mô đun   | Thời gian (giờ) |           |                    |                       |                          |
|----|--|-----------------|-----------|--------------------|-----------------------|--------------------------|
|    |  | Tổng số         | Lý thuyết | Bài tập, thảo luận | Thực hành, thí nghiệm | Kiểm tra kết thúc mô đun |
| 1  | Bài 1: Cách khám một người bệnh<br>1. Quan sát<br>1.1. Quan sát để trả lời các câu hỏi sau<br>1.2. Hãy chú ý đến màu sắc của da và mắt<br>1.3. Ngoài ra chú ý đến tiếng nói, hay bất cứ mùi lạ nào phát ra từ người bệnh nhân<br>2. Hỏi người bệnh | 2               | 2         |                    |                       |                          |

| TT | Tên các bài trong mô đun  | Thời gian (giờ) |           |                    |                       |                          |
|----|---|-----------------|-----------|--------------------|-----------------------|--------------------------|
|    |   | Tổng số         | Lý thuyết | Bài tập, thảo luận | Thực hành, thí nghiệm | Kiểm tra kết thúc mô đun |
|    | 2.1. Bắt đầu bằng cách hỏi những câu hỏi sau<br>2.2. Sau đó hỏi những câu để biết chi tiết về bệnh<br>2.3. Nếu là trẻ em thì hỏi người mẹ hoặc người chăm sóc em bé về các vấn đề trên.<br>3. Khám người bệnh<br>4. Các dấu hiệu nguy hiểm  |                 |           |                    |                       |                          |
| 2  | Bài 2: Đếm mạch, nhịp thở, đo nhiệt độ cơ thể<br>1. Đếm mạch (lần/phút)<br>1.1. Chuẩn bị dụng cụ<br>1.2. Chuẩn bị người bệnh<br>1.3. Tiến hành<br>1.4. Nhận định kết quả<br>2. Đo nhiệt độ ( $^{\circ}\text{C}$ )<br>2.1. Chuẩn bị dụng cụ<br>2.2. Chuẩn bị người bệnh<br>2.3. Tiến hành<br>2.4. Nhận định kết quả<br>3. Đếm nhịp thở (lần/phút)<br>3.1. Chuẩn bị dụng cụ<br>3.2. Chuẩn bị người bệnh<br>3.3. Tiến hành<br>3.4. Nhận định kết quả | 3               | 2         |                    | 1                     |                          |

| TT | Tên các bài trong mô đun  | Thời gian (giờ) |           |                    |                       |                          |
|----|---|-----------------|-----------|--------------------|-----------------------|--------------------------|
|    |   | Tổng số         | Lý thuyết | Bài tập, thảo luận | Thực hành, thí nghiệm | Kiểm tra kết thúc mô đun |
| 3  | Bài 3: Đo huyết áp<br>1. Chuẩn bị dụng cụ<br>2. Chuẩn bị người bệnh<br>3. Tiến hành<br>4. Nhận định huyết áp<br>4.1. Bình thường<br>4.2. Bất thường   | 3               | 2         |                    | 1                     |                          |
| 4  | Bài 4: Rửa tay<br>1. Mục đích<br>2. Những trường hợp cần rửa tay<br>2.1. Trường hợp 4 trước<br>2.2. Trường hợp 4 sau<br>3. Phương tiện rửa tay<br>4. Tiến hành  | 2               |           |                    | 2                     |                          |
| 5  | Bài 5: Chườm nóng, chườm lạnh<br>1. Chườm nóng<br>1.1. Trường hợp áp dụng<br>1.2. Trường hợp không áp dụng<br>1.3. Tiến hành<br>2. Chườm lạnh bằng khăn<br>2.1. Trường hợp áp dụng<br>2.2. Trường hợp không áp dụng | 2               | 2         |                    |                       |                          |

| TT | Tên các bài trong mô đun  | Thời gian (giờ) |           |                    |                       |                          |
|----|---|-----------------|-----------|--------------------|-----------------------|--------------------------|
|    |   | Tổng số         | Lý thuyết | Bài tập, thảo luận | Thực hành, thí nghiệm | Kiểm tra kết thúc mô đun |
|    | 2.3. Tiến hành  |                 |           |                    |                       |                          |
| 6  | Bài 6: Chăm sóc người bệnh tại gia đình<br>1. Nơi nghỉ của người bệnh<br>2. Cho người bệnh ăn uống<br>3. Giữ gìn vệ sinh thân thể<br>4. Cho người bệnh uống thuốc và theo dõi<br>5. Dự phòng loét<br>6. Chăm sóc khi có loét  | 1               | 1         |                    |                       |                          |
| 7  | Bài 7: Thay băng rửa vết thương, băng bó<br>1. Thay băng rửa vết thương<br>1.1. Mục đích<br>1.2. Kỹ thuật thay băng rửa vết thương<br>2. Kỹ thuật băng bó<br>2.1. Băng cuộn<br>2.2. Băng tùy ứng<br>2.3. Băng dính<br>3. Các kỹ thuật băng cơ bản<br>3.1 Băng vòng<br>3.2. Băng rấn quần<br>3.3. Băng xoáy ốc<br>3.4. Băng chữ nhân<br>3.5. Băng số 8 | 3               | 1         |                    | 2                     |                          |

| TT | Tên các bài trong mô đun  | Thời gian (giờ) |           |                    |                       |                          |
|----|---|-----------------|-----------|--------------------|-----------------------|--------------------------|
|    |   | Tổng số         | Lý thuyết | Bài tập, thảo luận | Thực hành, thí nghiệm | Kiểm tra kết thúc mô đun |
|    | 3.6. Băng vòng gấp lại<br>4. Áp dụng các kiểu băng cơ bản để băng từng bộ phận cơ thể<br>5. Theo dõi biến đổi tuần hoàn chi sau băng  |                 |           |                    |                       |                          |
| 8  | Bài 8: Vận chuyển nạn nhân<br>1. Nguyên tắc khi vận chuyển nạn nhân<br>2. Các phương pháp vận chuyển nạn nhân<br>2.1. Vận chuyển nạn nhân không cáng<br>2.2. Vận chuyển bằng cáng<br>3. Kỹ thuật tiến hành<br>3.1. Vận chuyển nạn nhân bằng cáng<br>3.2. Tư thế nạn nhân khi vận chuyển | 1               | 1         |                    |                       |                          |
| 9  | Bài 9: Phòng chống sốc (choáng)<br>1. Nguyên nhân<br>2. Dấu hiệu<br>3. Xử trí   | 2               | 2         |                    |                       |                          |
| 10 | Bài 10: Cấp cứu ngừng thở, ngừng tim  | 2               | 1         |                    | 1                     |                          |

| TT | Tên các bài trong mô đun   | Thời gian (giờ) |           |                    |                       |                          |
|----|--|-----------------|-----------|--------------------|-----------------------|--------------------------|
|    |  | Tổng số         | Lý thuyết | Bài tập, thảo luận | Thực hành, thí nghiệm | Kiểm tra kết thúc mô đun |
|    | 1. Dấu hiệu của người bị ngừng thở, ngừng tim<br>2. Bóp tim ngoài lồng ngực và thổi ngạt<br>2.1. Bóp tim ngoài lồng ngực<br>2.2. Thổi ngạt<br>2.3. Phối hợp ép tim và thổi ngạt  |                 |           |                    |                       |                          |
| 11 | Bài 11: Cấp cứu điện giật, đuối nước<br>1. Cấp cứu điện giật<br>1.1. Đặc điểm<br>1.2. Dấu hiệu khi bị điện giật<br>1.3. Xử trí điện giật<br>1.4. Phòng chống điện giật<br>2. Cấp cứu đuối nước<br>2.1. Nguyên tắc xử trí<br>2.2. Dấu hiệu khi ngạt nước<br>2.3. Cấp cứu người bị đuối nước<br>2.4. Phòng chống đuối nước | 2               | 2         |                    |                       |                          |
| 12 | Bài 12: Cấp cứu say nóng, say nắng<br>1. Đại cương   | 2               | 2         |                    |                       |                          |

| TT | Tên các bài trong mô đun   | Thời gian (giờ) |           |                    |                       |                          |
|----|--|-----------------|-----------|--------------------|-----------------------|--------------------------|
|    |  | Tổng số         | Lý thuyết | Bài tập, thảo luận | Thực hành, thí nghiệm | Kiểm tra kết thúc mô đun |
|    | 2. Các dấu hiệu của say nóng, say nắng<br>3. Cách xử trí<br>4. Phòng bệnh  |                 |           |                    |                       |                          |
| 13 | Bài 13: Sơ cứu ngộ độc thức ăn<br>1. Đặc điểm<br>2. Nguyên nhân gây ngộ độc<br>3. Dấu hiệu ngộ độc thức ăn<br>4. Nguyên tắc xử trí ngộ độc<br>5. Cách sơ cứu ngộ độc<br>6. Cách phòng chống bệnh ngộ độc thức ăn   | 2               | 2         |                    |                       |                          |
| 14 | Bài 14: Sơ cứu vết thương do chó cắn và rắn cắn<br>1. Sơ cứu vết thương do chó cắn<br>1.1. Đại cương<br>1.2. Xử trí vết thương<br>1.3. Theo dõi và tiêm phòng<br>1.4. Cách phòng bệnh<br>2. Sơ cứu vết thương do rắn cắn<br>2.1. Dấu hiệu khi bị rắn cắn<br>2.2. Xử trí rắn cắn<br>2.3. Phòng ngừa rắn cắn | 2               | 1         |                    | 1                     |                          |

| TT | Tên các bài trong mô đun   | Thời gian (giờ) |           |                    |                       |                          |
|----|--|-----------------|-----------|--------------------|-----------------------|--------------------------|
|    |  | Tổng số         | Lý thuyết | Bài tập, thảo luận | Thực hành, thí nghiệm | Kiểm tra kết thúc mô đun |
| 15 | Bài 15: Sơ cứu người bị bỏng<br>1. Nguyên nhân gây bỏng<br>2. Dấu hiệu của bỏng<br>3. Sơ cứu bỏng<br>4. Đề phòng bỏng  | 2               | 1         |                    | 1                     |                          |
| 16 | Bài 16: Sơ cứu vết thương phần mềm, cầm máu<br>1. Sơ cứu vết thương phần mềm<br>1.1. Xử trí vết thương chảy máu ít<br>1.2. Xử trí vết thương chảy máu nhiều<br>2. Cầm máu<br>2.1. Chảy máu ngoài<br>2.2. Chảy máu trong<br>3. Xử trí<br>3.1. Chảy máu ngoài<br>3.2. Chảy máu trong | 4               | 2         |                    | 2                     |                          |
| 17 | Bài 17: Sơ cứu vết thương sọ não, vết thương thấu ngực vết thương thấu bụng<br>1. Vết thương phần mềm<br>1.1 Xử trí vết thương chảy máu ít   | 4               | 2         |                    | 2                     |                          |

| TT           | Tên các bài trong mô đun  | Thời gian (giờ) |           |                    |                       |                          |
|--------------|---|-----------------|-----------|--------------------|-----------------------|--------------------------|
|              |   | Tổng số         | Lý thuyết | Bài tập, thảo luận | Thực hành, thí nghiệm | Kiểm tra kết thúc mô đun |
|              | 1.2. Xử trí vết thương chảy máu nhiều<br>2. Vết thương đầu<br>2.1. Dấu hiệu<br>2.2. Sơ cứu<br>3. Vết thương ngực, bụng<br>3.1. Vết thương ngực<br>3.2. Vết thương bụng  |                 |           |                    |                       |                          |
| 18           | Bài 18: Sơ cứu gãy xương<br>1. Các loại gãy xương<br>2. Dấu hiệu gãy xương<br>3. Sơ cứu gãy xương<br>3.1. Gãy xương kín<br>3.2. Gãy xương hở<br>3.3. Các việc tiếp theo | 3               | 2         |                    | 1                     |                          |
| 19           | Kiểm tra định kỳ  | 2               |           |                    |                       | 2                        |
| 20           | Kiểm tra kết thúc mô đun  | 1               |           |                    |                       | 1                        |
| <b>Cộng:</b> |   | <b>45</b>       | <b>28</b> | <b>14</b>          |                       | <b>3</b>                 |

### NỘI DUNG CHI TIẾT

#### BÀI 1: CÁCH KHÁM MỘT NGƯỜI BỆNH

(Thời gian: 2 giờ)

##### I. MỤC TIÊU

1. Khám và phát hiện được các triệu chứng và dấu hiệu bệnh.
2. Quyết định có chuyển người bệnh đến cơ sở y tế hay không.
3. Rèn luyện tính cẩn thận, chu đáo, ân cần, chính xác trong chăm sóc người bệnh.

## II. NỘI DUNG BÀI(13)

### 1. Quan sát

*1.1. Quan sát để trả lời các câu hỏi sau*

*1.2. Hãy chú ý đến màu sắc của da và mắt*

*1.3. Ngoài ra chú ý đến tiếng nói, hay bất cứ mùi lạ nào phát ra từ người bệnh nhân*

### 2. Hỏi người bệnh

*2.1. Bắt đầu bằng cách hỏi những câu hỏi sau*

*2.2. Sau đó hỏi những câu để biết chi tiết về bệnh*

*2.3. Nếu là trẻ em thì hỏi người mẹ hoặc người chăm sóc em bé về các vấn đề trên.*

### 3. Khám người bệnh

### 4. Các dấu hiệu nguy hiểm

## BÀI 2: ĐẾM MẠCH, NHỊP THỞ, ĐO NHIỆT ĐỘ CƠ THỂ

(Thời gian: 3 giờ)

### I. MỤC TIÊU

1. Đếm được mạch, nhịp thở và đo được nhiệt độ.
2. Nhận định được mạch, nhịp thở, nhiệt độ bất thường.
3. Rèn luyện được tính cẩn thận, nhanh nhẹn, trung thực và bảo đảm an toàn trong chăm sóc người bệnh.

## II. NỘI DUNG BÀI (14)

### 1. Đếm mạch (lần/phút)

*1.1. Chuẩn bị dụng cụ*

*1.2. Chuẩn bị người bệnh*

*1.3. Tiến hành*

*1.4. Nhận định kết quả*

*1.4.1. Bình thường*

*1.4.2. Bất thường*

### 2. Đo nhiệt độ ( $^{\circ}\text{C}$ )

- 2.1. Chuẩn bị dụng cụ
- 2.2. Chuẩn bị người bệnh
- 2.3. Tiến hành
- 2.4. Nhận định kết quả
- 3. Đếm nhịp thở (lần/phút)
- 3.1. Chuẩn bị dụng cụ
- 3.2. Chuẩn bị người bệnh
- 3.3. Tiến hành
- 3.4. Nhận định kết quả
- 3.4.1. Bình thường
- 3.4.2. Bất thường

### **BÀI 3: ĐO HUYẾT ÁP**

**(Thời gian: 3 giờ)**

#### **I. MỤC TIÊU**

1. Trình bày được nội dung: chuẩn bị dụng cụ, chuẩn bị bệnh nhân và quy trình kỹ thuật đo được huyết áp bằng máy huyết áp kế đồng hồ.
2. Đo được huyết áp bằng máy huyết áp kế đồng hồ và nhận định được huyết áp bất thường hay bình thường.
3. Rèn luyện được tính cẩn thận, nhanh nhẹn, trung thực và bảo đảm chính xác khi thực hiện kỹ thuật cho người bệnh.

#### **II. NỘI DUNG BÀI(15)**

1. Chuẩn bị dụng cụ
2. Chuẩn bị người bệnh
3. Tiến hành
4. Nhận định huyết áp
- 4.1. Bình thường
- 4.2. Bất thường

### **BÀI 4: RỬA TAY**

**(Thời gian: 2 giờ)**

## **I. MỤC TIÊU**

1. Trình bày được 3 mục đích của rửa tay và 8 trường hợp cần rửa tay.
2. Tiến hành rửa tay đúng quy trình.
3. Rèn luyện tính cẩn thận, chính xác, nhanh nhẹn.

## **II. NỘI DUNG BÀI(16)**

### **1. Mục đích**

### **2. Những trường hợp cần rửa tay**

#### *2.1. Trường hợp 4 trước*

#### *2.2. Trường hợp 4 sau*

### **3. Phương tiện rửa tay**

### **4. Tiến hành**

## **BÀI 5: CHUỒM NÓNG - CHUỒM LẠNH**

(Thời gian: 2 giờ)

## **I. MỤC TIÊU**

1. Liệt kê được 4 trường hợp áp dụng và 5 trường hợp không áp dụng chườm nóng.
2. Liệt kê được 4 trường hợp áp dụng và 5 trường hợp không áp dụng chườm lạnh bằng khăn.
3. Thực hiện và hướng dẫn được cho người nhà chườm nóng, chườm lạnh đúng kỹ thuật.
4. Rèn luyện được tính ân cần, chu đáo, an toàn, chính xác khi thực hiện các kỹ thuật cho người bệnh.

## **II. NỘI DUNG BÀI (17)**

### **1. Chườm nóng**

#### *1.1. Trường hợp áp dụng*

#### *1.2. Trường hợp không áp dụng*

#### *1.3. Tiến hành*

##### *1.3.1. Chuẩn bị dụng cụ*

##### *1.3.2. Chuẩn bị người bệnh*

##### *1.3.3. Quy trình kỹ thuật*

## **2. Chườm lạnh bằng khăn**

### **2.1. Trường hợp áp dụng**

### **2.2. Trường hợp không áp dụng**

### **2.3. Tiến hành**

#### **2.3.1. Chuẩn bị dụng cụ**

#### **2.3.2. Chuẩn bị người bệnh**

#### **2.3.3. Quy trình kỹ thuật**

## **BÀI 6: CHĂM SÓC NGƯỜI BỆNH TẠI GIA ĐÌNH**

**(Thời gian: 1 giờ)**

### **I. MỤC TIÊU**

1. Trình bày được 6 nội dung chăm sóc cho người bệnh tại gia đình.
2. Thực hiện và hướng dẫn được người nhà chăm sóc cho người bệnh tại gia đình.
3. Rèn luyện được tính cẩn thận, nhanh nhẹn, trung thực và bảo đảm an toàn trong chăm sóc người bệnh.

### **II. NỘI DUNG BÀI (18)**

- 1. Nơi nghỉ của người bệnh**
- 2. Cho người bệnh ăn uống**
- 3. Giữ gìn vệ sinh thân thể**
- 4. Cho người bệnh uống thuốc và theo dõi**
- 5. Dự phòng loét**
- 6. Chăm sóc khi có loét**

## **BÀI 7: THAY BĂNG RỬA VẾT THƯƠNG, BĂNG BÓ**

**(Thời gian: 3 giờ)**

### **I. MỤC TIÊU**

1. Trình bày được mục đích và kỹ thuật thay băng rửa vết thương.
2. Thực hiện được các kiểu băng, các đường băng cơ bản và áp dụng kỹ thuật băng bó.
3. Rèn luyện được tính ân cần, chu đáo, an toàn, chính xác khi thực hiện các kỹ thuật cho người bệnh.

## II. NỘI DUNG BÀI (8)

### 1. Thay băng rửa vết thương

#### 1.1. Mục đích

#### 1.2. Kỹ thuật thay băng rửa vết thương

##### 1.2.1. Chuẩn bị bệnh nhân

##### 1.2.2. Chuẩn bị dụng cụ

##### 1.2.3. Kỹ thuật tiến hành

### 2. Kỹ thuật băng bó

#### 2.1. Băng cuộn

#### 2.2. Băng tùy ứng

#### 2.3. Băng dính

### 3. Các kỹ thuật băng cơ bản

#### 3.1 Băng vòng

#### 3.2. Băng rắn quấn

#### 3.3. Băng xoáy ốc

#### 3.4. Băng chữ nhân

#### 3.5. Băng số 8

#### 3.6. Băng vòng gấp lại

### 4. Áp dụng các kiểu băng cơ bản để băng từng bộ phận cơ thể

### 5. Theo dõi biến đổi tuần hoàn chi sau băng

## BÀI 8: VẬN CHUYỂN NẠN NHÂN

(Thời gian: 1 giờ)

### I. MỤC TIÊU

1. Trình bày được 6 nguyên tắc khi vận chuyển nạn nhân.
2. Thực hiện được 2 phương pháp vận chuyển nạn nhân đúng kỹ thuật.
3. Rèn luyện được tính cẩn thận, nhanh nhẹn, trung thực và bảo đảm an toàn trong vận chuyển nạn nhân.

## II. NỘI DUNG BÀI (1)

### 1. Nguyên tắc khi vận chuyển nạn nhân

## **2. Các phương pháp vận chuyển nạn nhân**

### **2.1. Vận chuyển nạn nhân không cáng**

### **2.2. Vận chuyển bằng cáng**

## **3. Kỹ thuật tiến hành**

### **3.1. Vận chuyển nạn nhân bằng cáng**

#### **3.1.1. Bế nạn nhân từ giường sang cáng và ngược lại**

### **3.2. Tư thế nạn nhân khi vận chuyển**

#### **3.2.1. Tổn thương đầu**

#### **3.2.2. Tổn thương lồng ngực**

#### **3.2.3. Tổn thương xương chậu và cột sống**

#### **3.2.4. Tổn thương ở bụng**

#### **3.2.5. Người bệnh khó thở**

## **BÀI 9: PHÒNG CHỐNG SỐC (CHOÁNG)**

**(Thời gian: 2 giờ)**

### **I. MỤC TIÊU**

1. Liệt kê được 5 nguyên nhân và 4 dấu hiệu của sốc.
2. Thực hiện được cách xử trí bệnh nhân bị sốc đúng cách tại cộng đồng.
3. Rèn luyện tính cẩn thận, tỷ mỉ, chính xác, nhanh nhẹn, bảo đảm an toàn tính mạng cho người bệnh.

### **II. NỘI DUNG BÀI (10)**

#### **1. Nguyên nhân**

#### **2. Dấu hiệu**

#### **3. Xử trí**

## **BÀI 10: CẤP CỨU NGỪNG THỞ, NGỪNG TIM**

**(Thời gian: 2 giờ)**

### **I. MỤC TIÊU**

1. Trình bày được những dấu hiệu ngừng thở, ngừng tim.
2. Thực hiện được ép tim ngoài lồng ngực và thổi ngạt.

3. Rèn luyện tính cẩn thận, tỷ mỉ, chính xác, nhanh nhẹn, bảo đảm an toàn tính mạng cho người bệnh.

## **II. NỘI DUNG BÀI (2)**

### **1. Dấu hiệu của người bị ngừng thở, ngừng tim**

### **2. Ép tim ngoài lồng ngực và thổi ngạt**

#### **2.1. Ép tim ngoài lồng ngực**

#### **2.2. Thổi ngạt**

#### **2.3. Phối hợp ép tim và thổi ngạt**

## **BÀI 11: CẤP CỨU ĐIỆN GIẬT, ĐUỐI NƯỚC**

**(Thời gian: 2 giờ)**

## **I. MỤC TIÊU**

1. Trình bày được đặc điểm, dấu hiệu khi bị điện giật và đuối nước.
2. Thực hiện được cách tiến hành xử trí và phòng tránh nạn nhân bị điện giật và đuối nước.
3. Rèn luyện được tính cẩn thận, nhanh nhẹn, trung thực và bảo đảm an toàn trong chăm sóc người bệnh.

## **II. NỘI DUNG BÀI (3)**

### **1. Cấp cứu điện giật**

#### **1.1. Đặc điểm**

#### **1.2. Dấu hiệu khi bị điện giật**

#### **1.3. Xử trí điện giật**

#### **1.4. Phòng chống điện giật**

### **2. Cấp cứu đuối nước**

#### **2.1. Nguyên tắc xử trí**

#### **2.2. Dấu hiệu khi ngạt nước**

#### **2.3. Cấp cứu người bị đuối nước**

##### **2.3.1. Khi ở dưới nước**

##### **2.3.2. Khi đã lên bờ**

#### **2.4. Phòng chống đuối nước**

**BÀI 12: CẤP CỨU SAY NÓNG - SAY NẮNG****(Thời gian: 2 giờ)****I. MỤC TIÊU**

1. Trình bày được các dấu hiệu của say nóng, say nắng.
2. Thực hiện được cách xử trí và phòng bệnh khi bị say nóng, say nắng.
3. Rèn luyện được tính cẩn thận, nhanh nhẹn, trung thực và bảo đảm an toàn trong chăm sóc người bệnh.

**II. NỘI DUNG BÀI (4)**

1. Đại cương
2. Các dấu hiệu của say nóng, say nắng
3. Cách xử trí
4. Phòng bệnh

**BÀI 13: SƠ CỨU NGỘ ĐỘC THỨC ĂN****(Thời gian: 2 giờ)****I. MỤC TIÊU**

1. Trình bày được nguyên nhân và các dấu hiệu khi bị ngộ độc thức ăn.
2. Thực hiện được nguyên tắc xử trí, cách sơ cứu và cách phòng chống ngộ độc thức ăn.
3. Rèn luyện tính cẩn thận, tỷ mỉ, chính xác, nhanh nhẹn, bảo đảm an toàn tính mạng cho người bệnh.

**II. NỘI DUNG BÀI (5)**

1. Đặc điểm
2. Nguyên nhân gây ngộ độc
3. Dấu hiệu ngộ độc thức ăn
4. Nguyên tắc xử trí ngộ độc
5. Cách sơ cứu ngộ độc
6. Cách phòng chống bệnh ngộ độc thức ăn

**BÀI 14: SƠ CỨU VẾT THƯƠNG DO CHÓ CẮN VÀ RẮN CẮN****(Thời gian: 2 giờ)**

## **I. MỤC TIÊU**

1. Trình bày được các dấu hiệu khi bị chó cắn, rắn cắn.
2. Thực hiện được cách xử trí vết thương và cách phòng chống do chó cắn và rắn cắn.
3. Rèn luyện tính cẩn thận, tỉ mỉ, chính xác, nhanh nhẹn, bảo đảm an toàn tính mạng cho người bệnh.

## **II. NỘI DUNG BÀI (6)**

### **1. Sơ cứu vết thương do chó cắn**

#### **1.1. Đại cương**

#### **1.2. Xử trí vết thương**

#### **1.3. Theo dõi và tiêm phòng**

#### **1.4. Cách phòng bệnh**

### **2. Sơ cứu vết thương do rắn cắn**

#### **2.1. Dấu hiệu khi bị rắn cắn**

#### **2.2. Xử trí rắn cắn**

#### **2.3. Phòng ngừa rắn cắn**

## **BÀI 15: SƠ CỨU NGƯỜI BỊ BỎNG**

**(Thời gian: 2 giờ)**

## **I. MỤC TIÊU**

1. Liệt kê được 5 nguyên nhân và trình bày được dấu hiệu thường gặp của bỏng.
2. Thực hiện được cách sơ cứu ban đầu bỏng nhẹ và bỏng nặng.
3. Rèn luyện tính cẩn thận, tỉ mỉ, chính xác, nhanh nhẹn, bảo đảm an toàn tính mạng cho người bệnh.

## **II. NỘI DUNG BÀI (7)**

### **1. Nguyên nhân gây bỏng**

### **2. Dấu hiệu của bỏng**

### **3. Sơ cứu bỏng**

### **4. Đề phòng bỏng**

## **BÀI 16: SƠ CỨU VẾT THƯƠNG PHẦN MỀM, CÀM MÁU**

(Thời gian: 4 giờ)

## I. MỤC TIÊU

1. Trình bày được đặc điểm và mục đích sơ cứu vết thương.
2. Thực hiện được cách sơ cứu vết thương, các phương pháp cầm máu tạm thời và thực hành kỹ thuật sơ cứu và cầm máu vết thương thành thạo trên mô hình.
3. Rèn luyện được được tính ân cần, chu đáo, an toàn, chính xác khi thực hiện các kỹ thuật cho người bệnh.

## II. NỘI DUNG BÀI (9)

### 1. Sơ cứu vết thương phần mềm

#### 1.1. Xử trí vết thương chảy máu ít

#### 1.2. Xử trí vết thương chảy máu nhiều

### 2. Cầm máu

#### 2.1. Chảy máu ngoài

#### 2.2. Chảy máu trong

### 3. Xử trí

#### 3.1. Chảy máu ngoài

#### 3.2. Chảy máu trong

## BÀI 17: SƠ CỨU VẾT THƯƠNG SỌ NÃO, VẾT THƯƠNG THÁU NGỰC VẾT THƯƠNG THÁU BỤNG

(Thời gian: 4 giờ)

## I. MỤC TIÊU

1. Trình bày được dấu hiệu vết thương sọ não, vết thương ngực thấu ngực, thấu bụng.
2. Thực hiện được cách xử trí vết thương phần mềm, sọ não, vết thương ngực thấu ngực, thấu bụng.
3. Rèn luyện tính cẩn thận, tỉ mỉ, chính xác, nhanh nhẹn, bảo đảm an toàn tính mạng cho người bệnh.

## II. NỘI DUNG BÀI (11)

### 1. Vết thương phần mềm

#### 1.1. Xử trí vết thương chảy máu ít

**1.2. Xử trí vết thương chảy máu nhiều****2. Vết thương đầu****2.1. Dấu hiệu****2.2. Sơ cứu**

2.2.1. Nếu không thấy não phòi ra và người bệnh tỉnh

2.2.2. Nếu nạn nhân hôn mê và não phòi ra

**3. Vết thương ngực, bụng****3.1. Vết thương ngực****3.2. Vết thương bụng****BÀI 18: SƠ CỨU GÃY XƯƠNG**

(Thời gian: 3 giờ)

**I. MỤC TIÊU**

1. Liệt kê được các loại gãy xương và dấu hiệu của gãy xương.
2. Thực hiện được cách sơ cứu gãy xương.
3. Rèn luyện tính cẩn thận, tỉ mỉ, chính xác, nhanh nhẹn, bảo đảm an toàn tính mạng cho người bệnh.

**II. NỘI DUNG BÀI (12)****1. Các loại gãy xương****2. Dấu hiệu gãy xương****3. Sơ cứu gãy xương****3.1. Gãy xương kín****3.2. Gãy xương hở****3.3. Các việc tiếp theo****D. ĐIỀU KIỆN THỰC HIỆN MÔ ĐUN****I. Phòng học chuyên môn, nhà xưởng**

- Phòng học lý thuyết: Phù hợp cho hoạt động học tập theo nhóm, có trang bị bảng, phấn, máy chiếu projector, máy vi tính, màn hình.

- Phòng thực hành: Tại phòng Thực hành Điều dưỡng

**II. Trang thiết bị, máy móc**

Máy tính, máy chiếu projector, màn chiếu, tranh ảnh, ...

### **III. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu**

- Mạng internet, máy vi tính, chương trình và giáo trình, giáo án mô đun.
- Giấy A0, A4, bút lông, bút dạ, phấn viết bảng, bút chì, nam châm, kéo.
- Máy đo huyết áp, mô hình, cáng cứu thương, gạc, bông, băng cuộn...

### **IV. Các điều kiện khác: Không.**

## **E. NỘI DUNG VÀ PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ**

### **I. Nội dung**

#### **1. Kiến thức**

- Người học phải đạt được các mục tiêu bài học theo từng bài thông qua lượng giá sau mỗi bài học.
- Hoàn thành các nội dung tự học, tự nghiên cứu.

#### **2. Kỹ năng**

- Người học vận dụng được các kiến thức đã học để thực hiện các quy trình kỹ thuật chăm sóc sức khỏe phụ nữ, bà mẹ và trẻ sơ sinh.
- Rèn luyện được tính cẩn thận, nhanh nhẹn, trung thực và bảo đảm an toàn trong chăm sóc sức khỏe phụ nữ, bà mẹ và trẻ sơ sinh..
- Rèn luyện được kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng giao tiếp hiệu quả.

#### **3. Mức độ tự chủ và trách nhiệm**

Có ý thức đúng đắn trong việc nhìn nhận vấn đề, tác phong làm việc cẩn thận, tỉ mỉ, chính xác. Trung thực trong công việc.

### **II. Phương pháp**

#### **1. Kiểm tra thường xuyên và định kỳ**

**- Đối với kiểm tra, đánh giá thường xuyên:**

+ Số bài kiểm tra: 01.

+ Hình thức kiểm tra: Đánh giá người học thông qua kiểm tra vấn đáp trong giờ học, kiểm tra viết (tự luận, trắc nghiệm khách quan), kiểm tra một số nội dung thực hành hoặc kiểm tra, đánh giá kết hợp các hình thức trên. Với thời gian làm bài bằng hoặc dưới 30 phút.

+ Thực hiện kiểm tra, đánh giá ngay trong quá trình giảng dạy và được ghi vào giáo án.

**- Đối với kiểm tra, đánh giá định kỳ:**

+ Số bài kiểm tra: 01 bài thực hành.

+ Hình thức kiểm tra: Thực hành.

+ Thời gian kiểm tra: 10 phút. Yêu cầu: Người học bốc thăm ngẫu nhiên và thực hiện 01 quy trình sơ cứu ban đầu và kỹ thuật điều dưỡng, thời gian 5 phút/người học.

- Đề kiểm tra, đáp án và công cụ kiểm tra, đánh giá định kỳ được trình bày trong giáo án.

**2. Kiểm tra kết thúc mô đun**

- Hình thức kiểm tra kết thúc mô đun: Trắc nghiệm khách quan.

- Thời gian kiểm tra kết thúc mô đun: 1 giờ

- Thời gian hoàn thành ngân hàng đề kiểm tra kết thúc mô đun: Theo chương trình đào tạo hoặc theo kế hoạch của phòng Khảo thí và Quản lý chất lượng (nếu có).

- Đề kiểm tra kết thúc mô đun được xây dựng theo quy định về xây dựng, quản lý và sử dụng ngân hàng đề kiểm tra kết thúc mô đun hiện hành và phải thể hiện rõ nội dung đề kiểm tra kết thúc mô đun nhằm kiểm tra, đánh giá mục tiêu/chuẩn đầu ra nào trong chương trình môn học.

**3. Đánh giá mức độ tự chủ và trách nhiệm**

- Nhà giáo đánh giá người học về: Mức độ chủ động tìm hiểu kiến thức, bài tập thực hành; khả năng tiếp thu kiến thức, vận dụng kỹ năng trong học tập môn học; mức độ ý thức trách nhiệm, trung thực trong học tập và kiểm tra, đánh giá.

- Xây dựng nội dung kiểm tra, đánh giá theo hướng tiếp cận năng lực người học lồng ghép các nội dung đánh giá mức độ tự chủ và trách nhiệm trong lượng giá cuối bài học được ghi trong giáo án.

**F. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN MÔ ĐUN**

**I. Phạm vi áp dụng mô đun**

Chương trình mô đun Sơ cứu ban đầu và kỹ thuật điều dưỡng được sử dụng đào tạo nghề Cô đỡ thôn bản, trình độ sơ cấp.

**II. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập mô đun**

**1. Đối với nhà giáo**

- Nhà giáo sử dụng phương pháp giảng dạy: thuyết trình, vấn đáp, diễn giải, thảo luận và làm việc nhóm; đặc biệt chú ý liên hệ thực tế và phát huy tính tích cực của người học....

- Nhà giáo sử dụng các dụng cụ trực quan trong giảng dạy để người học tiếp thu những kiến thức liên quan một cách dễ dàng.

- Phương pháp hướng dẫn thực hành theo trình tự của quy trình hướng dẫn kỹ năng.

## **2. Đối với người học**

- Người học tham gia đầy đủ các buổi học lý thuyết, thực hành, bài kiểm tra và thi theo quy chế đào tạo.

- Tích cực tham gia học tập, thực hành, thảo luận nhóm, quan sát, trả lời câu hỏi, tự nghiên cứu, xem giáo trình trước khi lên lớp, tự học.

## **III. Những trọng tâm cần chú ý**

- Lý thuyết: Người học phải tự nghiên cứu trước bài ở nhà.

- Thực hành: Thực hiện kỹ thuật phải bảo đảm chính xác từng bước chuẩn của quy trình.

## **IV. Tài liệu tham khảo**

1. Trường Trung học Y tế. Tài liệu đào tạo Nhân viên y tế thôn, bản (mô đun 6). Kon Tum: Trường Trung học Y tế; 2016. 1-3 p.

2. Trường Trung học Y tế. Tài liệu đào tạo Nhân viên y tế thôn, bản (mô đun 6). Kon Tum: Trường Trung học Y tế; 2016. 4-6 p.

3. Trường Trung học Y tế. Tài liệu đào tạo Nhân viên y tế thôn, bản (mô đun 6). Kon Tum: Trường Trung học Y tế; 2016. 7-9 p.

4. Trường Trung học Y tế. Tài liệu đào tạo Nhân viên y tế thôn, bản (mô đun 6). Kon Tum: Trường Trung học Y tế; 2016. 10-11 p.

5. Trường Trung học Y tế. Tài liệu đào tạo Nhân viên y tế thôn, bản (mô đun 6). Kon Tum: Trường Trung học Y tế; 2016. 12-13 p.

6. Trường Trung học Y tế. Tài liệu đào tạo Nhân viên y tế thôn, bản (mô đun 6). Kon Tum: Trường Trung học Y tế; 2016. 14-16 p.

7. Trường Trung học Y tế. Tài liệu đào tạo Nhân viên y tế thôn, bản (mô đun 6). Kon Tum: Trường Trung học Y tế; 2016. 17-18 p.

8. Trường Trung học Y tế. Tài liệu đào tạo Nhân viên y tế thôn, bản (mô đun 6). Kon Tum: Trường Trung học Y tế; 2016. 19-24 p.
9. Trường Trung học Y tế. Tài liệu đào tạo Nhân viên y tế thôn, bản (mô đun 6). Kon Tum: Trường Trung học Y tế; 2016. 25-27 p.
10. Trường Trung học Y tế. Tài liệu đào tạo Nhân viên y tế thôn, bản (mô đun 6). Kon Tum: Trường Trung học Y tế; 2016. 28-29 p.
11. Trường Trung học Y tế. Tài liệu đào tạo Nhân viên y tế thôn, bản (mô đun 6). Kon Tum: Trường Trung học Y tế; 2016. 30-32 p.
12. Trường Trung học Y tế. Tài liệu đào tạo Nhân viên y tế thôn, bản (mô đun 6). Kon Tum: Trường Trung học Y tế; 2016. 33-38 p.
13. Trường Trung học Y tế. Tài liệu đào tạo Nhân viên y tế thôn, bản (mô đun 6). Kon Tum: Trường Trung học Y tế; 2016. 39-41 p.
14. Trường Trung học Y tế. Tài liệu đào tạo Nhân viên y tế thôn, bản (mô đun 6). Kon Tum: Trường Trung học Y tế; 2016. 42-44 p.
15. Trường Trung học Y tế. Tài liệu đào tạo Nhân viên y tế thôn, bản (mô đun 6). Kon Tum: Trường Trung học Y tế; 2016. 45-46 p.
16. Trường Trung học Y tế. Tài liệu đào tạo Nhân viên y tế thôn, bản (mô đun 6). Kon Tum: Trường Trung học Y tế; 2016. 47-48 p.
17. Trường Trung học Y tế. Tài liệu đào tạo Nhân viên y tế thôn, bản (mô đun 6). Kon Tum: Trường Trung học Y tế; 2016. 49-51 p.
18. Trường Trung học Y tế. Tài liệu đào tạo Nhân viên y tế thôn, bản (mô đun 6). Kon Tum: Trường Trung học Y tế; 2016. 52-54 p.

**V. Ghi chú và giải thích (nếu có):** Không.

## **CHƯƠNG TRÌNH MÔ ĐUN**

**Tên mô đun:** Chăm sóc trong thời kỳ mang thai (Care during pregnancy).

**Mã mô đun:** 411220043.

**Thời gian thực hiện mô đun:** 45 giờ; (lý thuyết : 14 giờ; thực hành, thí nghiệm: 28 giờ; kiểm tra: 2 giờ; kiểm tra kết thúc mô đun: 1 giờ).

### **A. VỊ TRÍ, TÍNH CHẤT CỦA MÔ ĐUN**

#### **I. Vị trí**

Đây là mô đun chuyên môn trong chương trình đào tạo nghề Cô đỡ thôn bản, trình độ sơ cấp.

#### **II. Tính chất**

Là mô đun bắt buộc trong chương trình đào tạo nghề cô đỡ thôn bản, trình độ sơ cấp.

### **B. MỤC TIÊU MÔ ĐUN**

#### **I. Yêu cầu về kiến thức**

1. Xác định được các vấn đề sức khỏe bà mẹ, trẻ sơ sinh.
2. Dự tính ngày sinh cho bà mẹ khi khám thai.
3. Hỏi, thăm khám đầy đủ để xác định đúng thời điểm bắt đầu chuyển dạ và có phương án chuyển bà mẹ đến đẻ tại cơ sở y tế.

#### **II. Yêu cầu về kỹ năng**

1. Thực hiện đầy đủ nội dung theo Hướng dẫn quốc gia về dịch vụ CSSKSS.
2. Xác định và đo đúng chiều cao tử cung và vòng bụng.
3. Thực hiện đầy đủ và đúng các bước sờ nắn bụng để xác định ngôi thai.
4. Thực hành xác định có thai, tính tuổi thai và dự kiến ngày đẻ.
5. Thực hành được các bước khám thai chính.
6. Thực hành chăm sóc thai nghén.

#### **III. Mức độ tự chủ và trách nhiệm**

1. Rèn luyện thái độ chu đáo, cẩn thận, nhẹ nhàng, quan tâm khi chăm sóc thời kỳ mang thai tại cộng đồng và tư vấn KHHGD.

2. Tôn trọng các phong tục tập quán văn hóa ở địa phương trong quá trình chăm sóc và tư vấn cho sản phụ và người nhà tại cộng đồng.

### C. NỘI DUNG MÔ ĐUN

#### NỘI DUNG TỔNG QUÁT VÀ PHÂN BỐ THỜI GIAN

| TT | Tên các bài trong mô đun   | Thời gian (giờ) |           |                    |                       |                          |
|----|--|-----------------|-----------|--------------------|-----------------------|--------------------------|
|    |  | Tổng số         | Lý thuyết | Bài tập, thảo luận | Thực hành, thí nghiệm | Kiểm tra kết thúc mô đun |
| 1  | Bài 1: Sự thụ thai và quá trình phát triển của thai<br>1. Sự thụ thai<br>2. Sự phát triển của thai<br>3. Ba giai đoạn phát triển bình thường của thai                          | 4               | 4         |                    |                       |                          |
| 2  | Bài 2: Tư vấn về chăm sóc phụ nữ có thai<br>1. Tại sao cần tư vấn cho gia đình về chăm sóc phụ nữ có thai<br>2. Nội dung tư vấn, chăm sóc cho bà mẹ trong quá trình thai nghén | 12              | 8         |                    | 4                     |                          |
|    | Bài 3: Khám thai<br>1. Xác định có thai  |                 |           |                    |                       |                          |

| TT | Tên các bài trong mô đun   | Thời gian (giờ) |           |                    |                       |                          |
|----|--|-----------------|-----------|--------------------|-----------------------|--------------------------|
|    |  | Tổng số         | Lý thuyết | Bài tập, thảo luận | Thực hành, thí nghiệm | Kiểm tra kết thúc mô đun |
| 3  | 1.1. Dấu hiệu sớm<br>1.2. Dấu hiệu muộn<br>2. Tính tuổi thai và dự kiến ngày đẻ<br>3. Khám thai<br>3.1. Lợi ích của việc khám thai định kỳ<br>3.2. Lịch khám thai<br>4. Sử dụng que thử thai (test thai sớm)<br>5. Sử dụng que thử nước tiểu để tìm Protein niệu cho bà mẹ mang thai | 18              | 11        |                    | 7                     |                          |
| 4  | Bài 4: Các dấu hiệu bất thường khi mang thai<br>1. Vì sao cần phát hiện những dấu hiệu nguy hiểm khi mang thai<br>2. Các dấu hiệu nguy hiểm khi mang thai và cách xử trí.  | 8               | 8         |                    |                       |                          |
| 5  | Kiểm tra định kỳ   | 2               |           |                    |                       | 2                        |
| 6  | Kiểm tra kết thúc mô đun   | 1               |           |                    |                       | 1                        |

| TT           | Tên các bài trong mô đun | Thời gian (giờ) |           |                    |                       |                          |
|--------------|--------------------------|-----------------|-----------|--------------------|-----------------------|--------------------------|
|              |                          | Tổng số         | Lý thuyết | Bài tập, thảo luận | Thực hành, thí nghiệm | Kiểm tra kết thúc mô đun |
| <b>Cộng:</b> |                          | <b>45</b>       | <b>31</b> |                    | <b>11</b>             | <b>3</b>                 |

## NỘI DUNG CHI TIẾT

### BÀI 1: SỰ THỤ THAI VÀ QUÁ TRÌNH PHÁT TRIỂN CỦA THAI

(Thời gian: 4 giờ)

#### I. MỤC TIÊU

1. Trình bày được quá trình sự thụ thai.
2. Kể được đặc điểm của ba giai đoạn phát triển bình thường của thai nghén.

#### II. NỘI DUNG BÀI(1)

1. Sự thụ thai
2. Sự phát triển của thai
3. Ba giai đoạn phát triển bình thường của thai

### BÀI 2: TƯ VẤN VỀ CHĂM SÓC PHỤ NỮ CÓ THAI

(Thời gian: 12 giờ)

#### I. MỤC TIÊU

1. Nêu được ý nghĩa của việc tư vấn về chăm sóc phụ nữ có thai (PNCT).
2. Kể được 11 nội dung cơ bản cần tư vấn về chăm sóc PNCT.
3. Thực hành được một cuộc tư vấn về chăm sóc PNCT theo tình huống.

#### II. NỘI DUNG BÀI(1)

1. Tại sao cần tư vấn cho gia đình về chăm sóc phụ nữ có thai
2. Nội dung tư vấn, chăm sóc cho bà mẹ trong quá trình thai nghén
  - 2.1. Cơ thể người phụ nữ khi mang thai và sinh đẻ
  - 2.2. Chăm sóc thai nghén

**BÀI 3: KHÁM THAI****(Thời gian: 18 giờ)****I. MỤC TIÊU**

1. Trình bày được các dấu hiệu có thai sớm và muộn.
2. Trình bày được lợi ích của việc khám thai định kỳ.
3. Tính được tuổi thai, dự kiến được ngày đẻ cho bà mẹ và dự tính được cân nặng của thai nhi khi tuổi thai từ tuần 36 trở lên.
4. Thực hiện được 9 bước khám thai và những việc cần làm trong từng bước khi khám thai.

**II. NỘI DUNG BÀI(1)****1. Xác định có thai****1.1. Dấu hiệu sớm****1.2. Dấu hiệu muộn****2. Tính tuổi thai và dự kiến ngày đẻ****2.1. Nếu bà mẹ nhớ ngày kinh cuối cùng****2.2. Nếu bà mẹ không nhớ ngày kinh cuối cùng****3. Khám thai****3.1. Lợi ích của việc khám thai định kỳ****3.2. Lịch khám thai****3.3. Các bước khám thai****4. Sử dụng que thử thai (test thai sớm)****4.1. Mục đích****4.2. Cách thực hiện****5. Sử dụng que thử nước tiểu để tìm Protein niệu cho bà mẹ mang thai****BÀI 4: CÁC DẤU HIỆU BẤT THƯỜNG KHI MANG THAI****(Thời gian: 12 giờ)****I. MỤC TIÊU**

1. Trình bày được 6 lý do cần phát hiện những dấu hiệu nguy hiểm khi mang thai.
2. Trình bày được những dấu hiệu nguy hiểm khi mang thai và cách xử trí.

## **II. NỘI DUNG BÀI(1)**

- 1. Vì sao cần phát hiện những dấu hiệu nguy hiểm khi mang thai?**
- 2. Các dấu hiệu nguy hiểm khi mang thai và cách xử trí.**

## **D. ĐIỀU KIỆN THỰC HIỆN MÔ ĐUN**

### **I. Phòng học chuyên môn hóa/ nhà xưởng**

- Học lý thuyết: Tại phòng học lý thuyết trên giảng đường.
- Học thực hành: Tại phòng Thực hành chăm sóc sức khỏe sinh sản.

### **II. Trang thiết bị máy móc**

Máy tính, máy chiếu projector, màn chiếu, các thiết bị y tế có liên quan.

### **III. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu**

- Học lý thuyết: phấn, bảng, bút dạ, giấy A0
- Học thực hành: Mô hình, tranh giải phẫu, video, máy đo huyết áp, ống nghe tim thai, băng kiểm...

### **IV. Các điều kiện khác:**

Người học phải học xong lý thuyết mô đun Chăm sóc sức khỏe phụ nữ, bà mẹ và gia đình.

## **E. NỘI DUNG VÀ PHƯƠNG PHÁP, ĐÁNH GIÁ**

### **I. Nội dung**

#### **1. Kiến thức**

- Người học phải đạt được các mục tiêu bài học theo từng bài thông qua lượng giá sau mỗi bài học.
- Hoàn thành các nội dung tự học, tự nghiên cứu.

#### **2. Kỹ năng**

- Người học vận dụng được các kiến thức đã học để thực hiện các quy trình kỹ thuật chăm sóc sức khỏe phụ nữ, bà mẹ và trẻ sơ sinh.
- Rèn luyện được tính cẩn thận, nhanh nhẹn, trung thực và bảo đảm an toàn trong chăm sóc sức khỏe phụ nữ, bà mẹ và trẻ sơ sinh..
- Rèn luyện được kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng giao tiếp hiệu quả.

#### **3. Mức độ tự chủ và trách nhiệm**

Có ý thức đúng đắn trong việc nhìn nhận vấn đề, tác phong làm việc cẩn thận, tỉ mỉ, chính xác. Trung thực trong công việc.

## **II. Phương pháp**

### **1. Kiểm tra thường xuyên và định kỳ**

#### **- Đối với kiểm tra, đánh giá thường xuyên:**

+ Số bài kiểm tra: 01.

+ Hình thức kiểm tra: Đánh giá người học thông qua kiểm tra vấn đáp trong giờ học, kiểm tra viết (tự luận, trắc nghiệm khách quan), kiểm tra một số nội dung thực hành hoặc kiểm tra, đánh giá kết hợp các hình thức trên. Với thời gian làm bài bằng hoặc dưới 30 phút.

+ Thực hiện kiểm tra, đánh giá ngay trong quá trình giảng dạy và được ghi vào giáo án.

#### **- Đối với kiểm tra, đánh giá định kỳ:**

+ Số bài kiểm tra: 1 bài lý thuyết, 1 thực hành.

+ Hình thức kiểm tra lý thuyết: Người học làm bài trên giấy với hình thức trả lời câu hỏi trắc nghiệm khách quan; thời gian kiểm tra: 45 phút.

+ Hình thức kiểm tra thực hành: Người học bốc thăm ngẫu nhiên và thực hiện một quy trình kỹ thuật trên mô hình, thời gian 7 phút/ quy trình.

- Đề kiểm tra, đáp án và công cụ kiểm tra, đánh giá định kỳ được trình bày trong giáo án.

### **2. Kiểm tra kết thúc mô đun**

- Hình thức kiểm tra kết thúc mô đun: Trắc nghiệm khách quan.

- Thời gian thi: 1 giờ

- Thời gian hoàn thành ngân hàng đề kiểm tra kết thúc mô đun: Theo chương trình đào tạo hoặc theo kế hoạch của phòng Khảo thí và Quản lý chất lượng (nếu có).

- Đề kiểm tra kết thúc mô đun được xây dựng theo Quy định về xây dựng, quản lý và sử dụng ngân hàng đề kiểm tra kết thúc mô đun hiện hành và phải thể hiện rõ nội dung đề kiểm tra kết thúc mô đun nhằm kiểm tra, đánh giá mục tiêu/chuẩn đầu ra nào trong chương trình mô đun.

### **3. Đánh giá mức độ tự chủ và trách nhiệm**

- Nhà giáo đánh giá người học về: mức độ chủ động tìm hiểu kiến thức, bài tập thảo luận; khả năng tiếp thu kiến thức, vận dụng kỹ năng trong học tập mô đun; mức độ ý thức trách nhiệm, trung thực trong học tập và kiểm tra, đánh giá.

- Xây dựng nội dung kiểm tra, đánh giá theo hướng tiếp cận năng lực người học lồng ghép các nội dung đánh giá mức độ tự chủ và trách nhiệm trong lượng giá cuối bài học được ghi trong giáo án.

## **F. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN MÔ ĐUN**

### **I. Phạm vi áp dụng mô đun**

Chương trình mô đun Chăm sóc trong thời kỳ mang thai được sử dụng đào tạo nghề Cô đỡ thôn bản, trình độ sơ cấp.

### **II. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập mô đun**

#### **1. Đối với nhà giáo**

- Nhà giáo sử dụng phương pháp giảng dạy: thuyết trình, vấn đáp, diễn giải, thảo luận và làm việc nhóm; đặc biệt chú ý liên hệ thực tế và phát huy tính tích cực của người học....

- Nhà giáo sử dụng các dụng cụ trực quan trong giảng dạy để người học tiếp thu những kiến thức liên quan một cách dễ dàng.

- Phương pháp hướng dẫn thực hành theo trình tự của quy trình hướng dẫn kỹ năng.

#### **2. Đối với người học**

- Tham gia ít nhất 80% thời gian học tập và các điều kiện khác của mô đun.

- Điểm trung bình chung các điểm kiểm tra đạt từ 5,0 điểm trở lên theo thang điểm 10;

- Hoàn thành nghĩa vụ học phí theo quy định của nhà trường.

- Người học tìm hiểu trước giáo trình Chăm sóc trong thời kỳ mang thai, tích cực trao đổi thảo luận, hoạt động nhóm mở rộng kiến thức và tìm hiểu thêm một số tài liệu liên quan đến mô đun.

### **III. Những trọng tâm cần chú ý**

Khi thực hiện kỹ thuật phải bảo đảm chính xác từng bước chuẩn của quy trình.

- Người học phải thực hành các kỹ năng nhận định, lập và thực hiện kế hoạch chăm sóc người bệnh, sản phụ và trẻ sơ sinh.

**IV. Tài liệu tham khảo**

1. Bộ Y tế. Tài liệu Nội dung chuyên môn về đào tạo Cô đỡ thôn bản. Bộ Y tế 2020.

**V. Ghi chú và giải thích (nếu có):** Không.

**CHƯƠNG TRÌNH MÔ ĐUN**

**Tên mô đun:** Chăm sóc trong khi đẻ và ngay sau đẻ (Intrapartum and Postpartum Care).

**Mã mô đun:** 411220053.

**Thời gian thực hiện mô đun:** 45 giờ; (Lý thuyết : 31 giờ; thực hành, thí nghiệm: 11 giờ; kiểm tra: 2 giờ; kiểm tra kết thúc mô đun: 1 giờ).

**A. VỊ TRÍ, TÍNH CHẤT CỦA MÔ ĐUN****I. Vị trí**

Đây là mô đun chuyên môn trong chương trình đào tạo nghề cô đỡ thôn bản, trình độ sơ cấp.

**II. Tính chất**

Là mô đun bắt buộc trong chương trình đào tạo nghề cô đỡ thôn bản, trình độ sơ cấp.

**B. MỤC TIÊU MÔ ĐUN****I. Yêu cầu về kiến thức**

1. Xác định được các vấn đề sức khỏe bà mẹ, trẻ sơ sinh.
2. Xác định được các dấu hiệu nguy hiểm trong khi đẻ.
3. Xác định các dấu hiệu bất thường ở bà mẹ và trẻ sơ sinh ngay sau đẻ.

**II. Yêu cầu về kỹ năng**

1. Thực hành đúng các bước theo Hướng dẫn quốc gia về dịch vụ CSSKSS.
2. Thực hành theo dõi chuyển dạ đẻ.
3. Thực hành được đỡ đẻ thường tại nhà, đẻ rơi tại cộng đồng, sử dụng gói đỡ đẻ sạch trong trường hợp đẻ rơi, sản phụ không thể đến cơ sở y tế.
4. Thực hành đỡ và kiểm tra bánh rau.
5. Thực hành được chăm sóc trẻ sơ sinh ngay sau khi đẻ.
6. Thực hành xử trí ban đầu chảy máu trong và ngay sau khi đẻ

### III. Mức độ tự chủ và trách nhiệm

1. Rèn luyện thái độ chu đáo, cẩn thận, nhẹ nhàng, quan tâm khi tư vấn và chăm sóc sức khỏe bà mẹ và trẻ sơ sinh trong và ngay sau khi đẻ.

2. Tôn trọng các phong tục tập quán văn hóa ở địa phương trong quá trình chăm sóc và tư vấn cho sản phụ và người nhà tại cộng đồng.

### C. NỘI DUNG MÔ ĐUN

#### NỘI DUNG TỔNG QUÁT VÀ PHÂN BỐ THỜI GIAN

| TT | Tên các bài trong mô đun  | Thời gian (giờ) |           |                    |                       |                          |
|----|---|-----------------|-----------|--------------------|-----------------------|--------------------------|
|    |   | Tổng số         | Lý thuyết | Bài tập, thảo luận | Thực hành, thí nghiệm | Kiểm tra kết thúc mô đun |
| 1  | Bài 1: Chuyển dạ - Theo dõi chuyển dạ<br>1. Định nghĩa chuyển dạ<br>2. Các dấu hiệu chuyển dạ<br>3. Các giai đoạn của chuyển dạ<br>3.1. Giai đoạn mở cổ tử cung<br>3.2. Giai đoạn sổ thai<br>3.3. Giai đoạn sổ rau<br>4. Theo dõi và chăm sóc cuộc chuyển dạ đẻ, phát hiện các yếu tố bất | 6               | 2         |                    | 4                     |                          |

| TT | Tên các bài trong mô đun  | Thời gian (giờ) |           |                    |                       |                          |
|----|---|-----------------|-----------|--------------------|-----------------------|--------------------------|
|    |   | Tổng số         | Lý thuyết | Bài tập, thảo luận | Thực hành, thí nghiệm | Kiểm tra kết thúc mô đun |
|    | thường để chuyển bà mẹ đến cơ sở y tế   |                 |           |                    |                       |                          |
| 2  | <p>Bài 2: Chuẩn bị trước khi đỡ đẻ</p> <p>1. Phòng chống nhiễm trùng</p> <p>2. Chuẩn bị nơi đỡ</p> <p>3. Chuẩn bị dụng cụ, thuốc</p> <p>4. Chuẩn bị giữ ấm cho trẻ sơ sinh</p> <p>5. Các nội dung khác cần chuẩn bị</p> | 4               | 2         |                    | 2                     |                          |
| 3  | <p>Bài 3: Đỡ đẻ thường có sử dụng gói đỡ đẻ sạch (Chăm sóc thiết yếu bà mẹ và trẻ sơ sinh trong và ngay sau đẻ)</p> <p>1. Một số vấn đề cần chú trọng trong chăm sóc bà mẹ, trẻ sơ sinh</p>                             | 12              | 4         |                    | 8                     |                          |

| TT | Tên các bài trong mô đun   | Thời gian (giờ) |           |                    |                       |                          |
|----|--|-----------------|-----------|--------------------|-----------------------|--------------------------|
|    |  | Tổng số         | Lý thuyết | Bài tập, thảo luận | Thực hành, thí nghiệm | Kiểm tra kết thúc mô đun |
|    | <p>trong và ngay sau đẻ tại cộng đồng</p> <p>1.1. Tiếp xúc da kề da</p> <p>1.2. Kẹp rốn muộn</p> <p>1.3. Xoa đáy tử cung</p> <p>1.4. Cho trẻ bú sớm</p> <p>2. Sử dụng gói đẻ sạch khi phải đỡ đẻ tại nhà</p> <p>2.1. Thành phần gói đỡ đẻ sạch</p> <p>2.2. Công việc cần làm trước khi bắt tay vào đỡ đẻ</p> <p>3. Điều kiện để thực hiện đỡ đẻ</p> <p>4. Quy trình chăm sóc thiết yếu bà mẹ và trẻ sơ sinh trong và ngay sau đẻ</p> |                 |           |                    |                       |                          |
| 4  | <p>Bài 4: Kiểm tra rau</p> <p>1. Định nghĩa</p>  | 6               | 2         |                    | 4                     |                          |

| TT | Tên các bài trong mô đun   | Thời gian (giờ) |           |                    |                       |                          |
|----|--|-----------------|-----------|--------------------|-----------------------|--------------------------|
|    |  | Tổng số         | Lý thuyết | Bài tập, thảo luận | Thực hành, thí nghiệm | Kiểm tra kết thúc mô đun |
|    | 2. Chuẩn bị<br>3. Các bước tiến hành<br>4. Chăm sóc bà mẹ ngay sau sổ rau<br>5. Theo dõi và xử trí bất thường trong và sau giai đoạn sổ rau              |                 |           |                    |                       |                          |
| 5  | Bài 5: Xử trí đẻ rơi tại cộng đồng<br>1. Xử trí đẻ rơi có sẵn gói đẻ sạch<br>2. Xử trí đẻ rơi không có sẵn gói đẻ sạch                                   | 8               | 2         |                    | 6                     |                          |
| 6  | Bài 6: Xử trí ban đầu chảy máu trong và ngay sau đẻ<br>1. Định nghĩa và nguyên nhân<br>1.1. Chảy máu trong khi đẻ<br>1.2. Chảy máu sau đẻ<br>2. Dự phòng | 6               | 2         |                    | 4                     |                          |

| TT           | Tên các bài trong mô đun                                       | Thời gian (giờ) |           |                    |                       |                          |
|--------------|--|-----------------|-----------|--------------------|-----------------------|--------------------------|
|              |  | Tổng số         | Lý thuyết | Bài tập, thảo luận | Thực hành, thí nghiệm | Kiểm tra kết thúc mô đun |
|              | 3. Các thủ thuật cầm máu tạm thời trong xử trí chảy máu sau đẻ |                 |           |                    |                       |                          |
| 7            | Kiểm tra định kỳ   | 2               |           |                    |                       | 2                        |
| 8            | Kiểm tra kết thúc mô đun                                       | 1               |           |                    |                       | 1                        |
| <b>Cộng:</b> |  | <b>45</b>       | <b>14</b> |                    | <b>28</b>             | <b>3</b>                 |

## NỘI DUNG CHI TIẾT

### BÀI 1: CHUYỂN DẠ - THEO DÕI CHUYỂN DẠ ĐỂ

(Thời gian: 4 giờ)

#### I. MỤC TIÊU

1. Trình bày được 3 giai đoạn chuyển dạ.
2. Mô tả được cách theo dõi chăm sóc chuyển dạ đẻ thường trong trường hợp sản phụ không thể đến cơ sở y tế.
3. Phát hiện được các dấu hiệu bất thường của bà mẹ chuyển dạ, để chuyển bà mẹ đến cơ sở y tế kịp thời.

#### II. NỘI DUNG BÀI(1)

1. Định nghĩa chuyển dạ
2. Các dấu hiệu chuyển dạ
3. Các giai đoạn của chuyển dạ
  - 3.1. Giai đoạn mở cổ tử cung
  - 3.2. Giai đoạn sổ thai

### **3.3. Giai đoạn số rau**

**4. Theo dõi và chăm sóc cuộc chuyển dạ đẻ, phát hiện các yếu tố bất thường để chuyển bà mẹ đến cơ sở y tế**

## **BÀI 2: CHUẨN BỊ TRƯỚC KHI ĐẺ**

**(Thời gian: 12 giờ)**

### **I. MỤC TIÊU**

1. Kể được 4 nhóm việc cần chuẩn bị trước đẻ.
2. Kể được những việc làm cụ thể cần thiết trong mỗi nhóm việc chuẩn bị trước đẻ, đặc biệt trong điều kiện đỡ đẻ tại nhà.

### **II. NỘI DUNG BÀI(1)**

- 1. Phòng chống nhiễm trùng**
- 2. Chuẩn bị nơi đẻ**
- 3. Chuẩn bị dụng cụ, thuốc**
- 4. Chuẩn bị giữ ấm cho trẻ sơ sinh**
- 5. Các nội dung khác cần chuẩn bị**

## **BÀI 3: ĐỖ ĐẺ THƯỜNG CÓ SỬ DỤNG GÓI ĐỖ ĐẺ SẠCH**

**(Chăm sóc thiết yếu bà mẹ và trẻ sơ sinh trong và ngay sau đẻ)**

**(Thời gian: 18 giờ)**

### **I. MỤC TIÊU**

1. Trình bày được một số vấn đề thực hành cần chú trọng trong chăm sóc bà mẹ, trẻ em trong và ngay sau đẻ tại cộng đồng.
2. Trình bày được thành phần của gói đẻ sạch.
3. Thực hành thành thạo các bước chăm sóc thiết yếu bà mẹ, trẻ sơ sinh trong và ngay sau đẻ với gói đỡ đẻ sạch (với trẻ đẻ ra thở được và trẻ đẻ ra không thở được).

### **II. NỘI DUNG BÀI(1)**

**1. Một số vấn đề cần chú trọng trong chăm sóc bà mẹ, trẻ sơ sinh trong và ngay sau đẻ tại cộng đồng**

**1.1. Tiếp xúc da kề da**

**1.2. Kẹp rốn muộn**

**1.3. Xoa đáy tử cung****1.4. Cho trẻ bú sớm****2. Sử dụng gói để sạch khi phải đỡ đẻ tại nhà****2.1. Thành phần gói đỡ đẻ sạch****2.2. Công việc cần làm trước khi bắt tay vào đỡ đẻ****3. Điều kiện để thực hiện đỡ đẻ****4. Quy trình chăm sóc thiết yếu bà mẹ và trẻ sơ sinh trong và ngay sau đẻ****BÀI 4: KIỂM TRA RAU****(Thời gian: 12 giờ)****I. MỤC TIÊU**

1. Trình bày được định nghĩa và các bước tiến hành kiểm tra rau.
2. Liệt kê được các công việc cần chăm sóc sản phụ sau sổ rau.
3. Trình bày được cách cách kiểm tra bánh rau, phát hiện và xử trí những bất thường trong thời kỳ sổ rau.

**II. NỘI DUNG BÀI(1)**

1. Định nghĩa
2. Chuẩn bị
3. Các bước tiến hành
4. Chăm sóc bà mẹ ngay sau sổ rau
5. Theo dõi và xử trí bất thường trong và sau giai đoạn sổ rau

**BÀI 5: XỬ TRÍ ĐỂ RƠI TẠI CỘNG ĐỒNG****(Thời gian: 18 giờ)****I. MỤC TIÊU**

1. Trình bày được thế nào là đẻ rơi.
2. Thực hiện được các tình huống đẻ rơi tại cộng đồng.

**II. NỘI DUNG BÀI(1)**

1. Xử trí đẻ rơi có sẵn gói để sạch
2. Xử trí đẻ rơi không có sẵn gói để sạch

## **BÀI 6: XỬ TRÍ BAN ĐẦU CHẢY MÁU TRONG VÀ NGAY SAU ĐẼ**

**(Thời gian: 12 giờ)**

### **I. MỤC TIÊU**

1. Nhận biết được tình trạng chảy máu trong và ngay sau đẻ.
2. Thực hiện được ban đầu các trường hợp chảy máu trong và ngay sau khi đẻ phù hợp với thực tế của bà mẹ.
3. Thực hiện được các bước của thủ thuật chẹn động mạch chủ bụng, ép tử cung bằng tay.

### **II. NỘI DUNG BÀI(1)**

#### **1. Định nghĩa và nguyên nhân**

##### **1.1. Chảy máu trong khi đẻ**

##### **1.2. Chảy máu sau đẻ**

#### **2. Dự phòng**

#### **3. Các thủ thuật cầm máu tạm thời trong xử trí chảy máu sau đẻ**

### **D. ĐIỀU KIỆN THỰC HIỆN MÔ ĐUN**

#### **I. Phòng học chuyên môn hóa/ nhà xưởng**

- Học lý thuyết: Tại phòng học lý thuyết trên giảng đường.
- Học thực hành: Tại phòng Thực hành chăm sóc sức khỏe sinh sản.

#### **II. Trang thiết bị máy móc**

Máy tính, máy chiếu projector, màn chiếu, các thiết bị y tế có liên quan.

#### **III. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu**

- Học lý thuyết: phấn, bảng, bút dạ, giấy A0
- Học thực hành: Mô hình, tranh giải phẫu, video, máy đo huyết áp, ống nghe tim thai, băng kiểm...

#### **IV. Các điều kiện khác:**

Người học phải học xong lý thuyết mô đun Chăm sóc trong khi đẻ và ngay sau đẻ.

### **E. NỘI DUNG VÀ PHƯƠNG PHÁP, ĐÁNH GIÁ**

#### **I. Nội dung**

##### **1. Kiến thức**

- Người học phải đạt được các mục tiêu bài học theo từng bài thông qua lượng giá sau mỗi bài học.

- Hoàn thành các nội dung tự học, tự nghiên cứu.

## **2. Kỹ năng**

- Người học vận dụng được các kiến thức đã học để thực hiện các quy trình kỹ thuật chăm sóc sức khỏe phụ nữ, bà mẹ và trẻ sơ sinh.

- Rèn luyện được tính cẩn thận, nhanh nhẹn, trung thực và bảo đảm an toàn trong chăm sóc sức khỏe phụ nữ, bà mẹ và trẻ sơ sinh..

- Rèn luyện được kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng giao tiếp hiệu quả.

## **3. Mức độ tự chủ và trách nhiệm**

Có ý thức đúng đắn trong việc nhìn nhận vấn đề, tác phong làm việc cẩn thận, tỉ mỉ, chính xác. Trung thực trong công việc.

## **II. Phương pháp**

### **1. Kiểm tra thường xuyên và định kỳ**

**- Đối với kiểm tra, đánh giá thường xuyên:**

+ Số bài kiểm tra: 01.

+ Hình thức kiểm tra: Đánh giá người học thông qua kiểm tra vấn đáp trong giờ học, kiểm tra viết (tự luận, trắc nghiệm khách quan), kiểm tra một số nội dung thực hành hoặc kiểm tra, đánh giá kết hợp các hình thức trên. Với thời gian làm bài bằng hoặc dưới 30 phút.

+ Thực hiện kiểm tra, đánh giá ngay trong quá trình giảng dạy và được ghi vào giáo án.

**- Đối với kiểm tra, đánh giá định kỳ:**

+ Số bài kiểm tra: 1 bài lý thuyết, 1 thực hành.

+ Hình thức kiểm tra lý thuyết: Người học làm bài trên giấy với hình thức trả lời câu hỏi trắc nghiệm khách quan; thời gian kiểm tra: 45 phút.

+ Hình thức kiểm tra thực hành: Người học bốc thăm ngẫu nhiên và thực hiện một quy trình kỹ thuật trên mô hình, thời gian 7 phút/quy trình.

- Đề kiểm tra, đáp án và công cụ kiểm tra, đánh giá định kỳ được trình bày trong giáo án.

### **2. Kiểm tra kết thúc mô đun**

- Hình thức kiểm tra kết thúc mô đun: Trắc nghiệm khách quan.
- Thời gian thi: 60 phút.
- Thời gian hoàn thành ngân hàng đề kiểm tra kết thúc mô đun: Theo chương trình đào tạo hoặc theo kế hoạch của phòng Khảo thí và Quản lý chất lượng (nếu có).
- Đề kiểm tra kết thúc mô đun được xây dựng theo Quy định về xây dựng, quản lý và sử dụng ngân hàng đề kiểm tra kết thúc mô đun hiện hành và phải thể hiện rõ nội dung đề kiểm tra kết thúc mô đun nhằm kiểm tra, đánh giá mục tiêu/chuẩn đầu ra nào trong chương trình mô đun.

### **3. Đánh giá mức độ tự chủ và trách nhiệm**

- Nhà giáo đánh giá người học về: mức độ chủ động tìm hiểu kiến thức, bài tập thảo luận; khả năng tiếp thu kiến thức, vận dụng kỹ năng trong học tập mô đun; mức độ ý thức trách nhiệm, trung thực trong học tập và kiểm tra, đánh giá.
- Xây dựng nội dung kiểm tra, đánh giá theo hướng tiếp cận năng lực người học lồng ghép các nội dung đánh giá mức độ tự chủ và trách nhiệm trong lượng giá cuối bài học được ghi trong giáo án.

## **F. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN MÔ ĐUN**

### **I. Phạm vi áp dụng mô đun**

Chương trình mô đun Chăm sóc trong khi đẻ và ngay sau đẻ được sử dụng đào tạo nghề Cô đỡ thôn bản, trình độ sơ cấp.

### **II. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập mô đun**

#### **1. Đối với nhà giáo**

- Nhà giáo sử dụng phương pháp giảng dạy: Thuyết trình, vấn đáp, diễn giải, thảo luận và làm việc nhóm; đặc biệt chú ý liên hệ thực tế và phát huy tính tích cực của người học....

- Nhà giáo sử dụng các dụng cụ trực quan trong giảng dạy để người học tiếp thu những kiến thức liên quan một cách dễ dàng.

- Phương pháp hướng dẫn thực hành theo trình tự của quy trình hướng dẫn kỹ năng.

#### **2. Đối với người học**

- Tham gia ít nhất 80% thời gian học tập và các điều kiện khác của mô đun.

- Điểm trung bình chung các điểm kiểm tra đạt từ 5,0 điểm trở lên theo thang điểm 10;

- Hoàn thành nghĩa vụ học phí theo quy định của nhà trường.

- Người học tìm hiểu trước giáo trình Chăm sóc trong khi đẻ và ngay sau đẻ, tích cực trao đổi thảo luận, hoạt động nhóm mở rộng kiến thức và tìm hiểu thêm một số tài liệu liên quan đến mô đun.

### **III. Những trọng tâm cần chú ý**

Khi thực hiện kỹ thuật phải bảo đảm chính xác từng bước chuẩn của quy trình.

- Người học phải thực hành các kỹ năng nhận định, lập và thực hiện kế hoạch chăm sóc sản phụ và trẻ sơ sinh.

### **IV. Tài liệu tham khảo**

1. Bộ Y tế. Tài liệu Nội dung chuyên môn về đào tạo Cô đỡ thôn bản. Bộ Y tế. 2020.

**V. Ghi chú và giải thích (nếu có):** Không.

## CHƯƠNG TRÌNH MÔ ĐUN

**Tên mô đun:** Chăm sóc bà mẹ và trẻ sơ sinh sau đẻ (Postpartum Care for Mothers and Newborns).

**Mã mô đun:** 411220063.

**Thời gian thực hiện mô đun:** 45 giờ (lý thuyết: 31 giờ; bài tập, thảo luận: 0 giờ; thực hành, thí nghiệm: 11 giờ; kiểm tra: 2 giờ; kiểm tra kết thúc mô đun: 1 giờ).

### **A. VỊ TRÍ, TÍNH CHẤT CỦA MÔ ĐUN**

#### **I. Vị trí**

Là mô đun chuyên môn của chương trình đào tạo nghề Cô đỡ thôn bản, trình độ sơ cấp.

#### **II. Tính chất**

Là mô đun bắt buộc trong chương trình đào tạo nghề Cô đỡ thôn bản, trình độ sơ cấp.

### **B. MỤC TIÊU MÔ ĐUN**

#### **I. Yêu cầu về kiến thức**

1. Nhận định được các dấu hiệu bất thường ở bà mẹ và trẻ sơ sinh sau đẻ.
2. Nhận định được co hồi tử cung.
3. Nhận định được chỉ số Apgar của trẻ.
4. Trình bày được cách chăm sóc trẻ toàn diện, phát hiện các yếu tố bất thường trẻ sơ sinh.
5. Trình bày được cách chăm sóc và theo dõi sơ sinh chu đáo, phát hiện sớm những dấu hiệu nhiễm khuẩn của trẻ sơ sinh, xử trí ban đầu phù hợp, chuyển tuyến nhanh chóng, an toàn.

#### **II. Yêu cầu về kỹ năng**

1. Thực hiện xoa bóp tử cung và hướng dẫn bà mẹ tự xoa bóp tử cung để tăng co hồi tử cung.

2. Thực hiện đúng các bước theo Hướng dẫn quốc gia về dịch vụ chăm sóc sức khỏe sinh sản.

3. Thực hiện hướng dẫn cho con bú mẹ.

4. Thực hiện được cách chăm sóc bà mẹ sau đẻ thường.

5. Thực hiện đánh giá trẻ và chăm sóc trẻ trong ngày đầu sau đẻ.

6. Thực hiện chăm sóc trẻ nhẹ cân.

7. Thực hiện hồi sức trẻ sơ sinh bị ngạt.

## II. Mức độ tự chủ và trách nhiệm

1. Nhận định được nhiệm vụ của cô đỡ thôn bản trong mạng lưới y tế.

2. Rèn luyện thái độ chu đáo, cẩn thận, nhẹ nhàng, quan tâm khi chăm sóc sức khỏe sinh sản tại cộng đồng, chăm sóc sức khỏe bà mẹ sau sinh, chăm sóc sức khỏe trẻ em tại nhà và tư vấn kế hoạch hoá gia đình.

3. Tôn trọng các phong tục tập quán văn hóa ở địa phương trong quá trình chăm sóc và tư vấn cho sản phụ và người nhà tại cộng đồng.

## C. NỘI DUNG MÔ ĐUN

### NỘI DUNG TỔNG QUÁT VÀ PHÂN BỐ THỜI GIAN

| TT | Tên các bài trong mô đun  | Thời gian (giờ) |           |                    |                       |                          |
|----|---|-----------------|-----------|--------------------|-----------------------|--------------------------|
|    |   | Tổng số         | Lý thuyết | Bài tập, thảo luận | Thực hành, thí nghiệm | Kiểm tra kết thúc mô đun |
| 1  | Bài 1: Tư vấn nuôi con bằng sữa mẹ<br>1. Tư vấn nuôi con bằng sữa mẹ<br>1.1. Lợi ích của nuôi con bằng sữa mẹ |                 |           |                    |                       |                          |

| TT | Tên các bài trong mô đun  | Thời gian (giờ) |           |                    |                       |                          |
|----|---|-----------------|-----------|--------------------|-----------------------|--------------------------|
|    |   | Tổng số         | Lý thuyết | Bài tập, thảo luận | Thực hành, thí nghiệm | Kiểm tra kết thúc mô đun |
|    | <p>2. Chăm sóc vú và duy trì nguồn sữa mẹ</p> <p>2.1. Hướng dẫn bà mẹ chăm sóc vú</p> <p>2.2. Cách duy trì nguồn sữa mẹ</p> <p>3. Những bất lợi của nuôi con bằng sản phẩm thay thế sữa mẹ</p> <p>4. Hướng dẫn cho trẻ bú đúng cách</p>   | 6               | 4         |                    | 2                     |                          |
| 2  | <p>Bài 2: Chăm sóc bà mẹ và trẻ sơ sinh tại nhà trong ngày đầu sau đẻ</p> <p>1. Tiêu chuẩn sơ sinh đủ tháng khỏe mạnh</p> <p>2. Các dấu hiệu bình thường ở bà mẹ và trẻ sơ sinh</p> <p>3. Nội dung theo dõi và chăm sóc</p> <p>3.1. Theo dõi, chăm sóc bà mẹ và trẻ sơ sinh 6 giờ đầu</p> | 8               | 6         |                    | 2                     |                          |

| TT | Tên các bài trong mô đun   | Thời gian (giờ) |           |                    |                       |                          |
|----|--|-----------------|-----------|--------------------|-----------------------|--------------------------|
|    |  | Tổng số         | Lý thuyết | Bài tập, thảo luận | Thực hành, thí nghiệm | Kiểm tra kết thúc mô đun |
|    | <p>sau đẻ</p> <p>3.2. Theo dõi, chăm sóc bà mẹ và trẻ sơ sinh từ giờ thứ 7 đến hết 24 giờ sau đẻ</p> <p>3.3. Các dấu hiệu bất thường ở bà mẹ trong 24 giờ đầu sau đẻ và xử trí</p> <p>3.4. Các dấu hiệu bất thường ở trẻ sơ sinh trong 24 giờ đầu sau đẻ và xử trí</p> |                 |           |                    |                       |                          |
| 3  | <p>Bài 3: Chăm sóc bà mẹ và trẻ sơ sinh tại nhà trong tuần đầu sau đẻ</p> <p>1. Chăm sóc bà mẹ từ ngày thứ 2 đến hết 6 tuần sau đẻ</p> <p>1.1. Khám phát hiện dấu hiệu bất thường và xử trí</p> <p>1.2. Chăm sóc</p> <p>2. Chăm sóc sơ sinh</p>                        | 14              | 11        |                    | 3                     |                          |

| TT | Tên các bài trong mô đun   | Thời gian (giờ) |           |                    |                       |                          |
|----|--|-----------------|-----------|--------------------|-----------------------|--------------------------|
|    |  | Tổng số         | Lý thuyết | Bài tập, thảo luận | Thực hành, thí nghiệm | Kiểm tra kết thúc mô đun |
| 4  | Bài 4: Tắm trẻ sơ sinh<br>1. Chuẩn bị trước khi tắm trẻ<br>2. Tắm trẻ sơ sinh  | 5               | 4         |                    | 1                     |                          |
| 5  | Bài 5 Chăm sóc trẻ sơ sinh nhẹ cân bằng phương pháp Kangaroo tại nhà<br>1. Định nghĩa trẻ nhẹ cân<br>2. Các nguy cơ thường gặp ở trẻ sinh non, nhẹ cân<br>3. Chăm sóc trẻ sơ sinh bằng phương pháp Kangaroo<br>4. Những lợi ích của chăm sóc Kangaroo đối với trẻ và bà mẹ<br>4.1. Những lợi ích cho trẻ<br>4.2. Những lợi ích cho mẹ<br>5. Một số lưu ý khác khi chăm sóc trẻ sơ sinh nhẹ cân | 6               | 4         |                    | 2                     |                          |
| 6  | Bài 6: Xử trí trẻ sặc sữa<br>1. Chẩn đoán  | 3               | 2         |                    | 1                     |                          |

| TT           | Tên các bài trong mô đun   | Thời gian (giờ) |           |                    |                       |                          |
|--------------|----------------------------|-----------------|-----------|--------------------|-----------------------|--------------------------|
|              |                            | Tổng số         | Lý thuyết | Bài tập, thảo luận | Thực hành, thí nghiệm | Kiểm tra kết thúc mô đun |
|              | 2. Xử trí<br>3. Phòng bệnh |                 |           |                    |                       |                          |
| 7            | Kiểm tra định kỳ           | 2               |           |                    |                       | 2                        |
| 8            | Kiểm tra kết thúc mô đun   | 1               |           |                    |                       | 1                        |
| <b>Cộng:</b> |                            | 45              | 31        |                    | 11                    | 3                        |

## NỘI DUNG CHI TIẾT

### BÀI 1: TƯ VẤN NUÔI CON BẰNG SỮA MẸ

(Thời gian: 6 giờ)

#### I. MỤC TIÊU

1. Liệt kê được lợi ích của nuôi con bằng sữa mẹ, bất lợi khi nuôi con bằng sản phẩm thay thế sữa mẹ.
2. Trình bày được cách chăm sóc vú và duy trì nguồn sữa mẹ.
3. Rèn luyện kỹ năng hướng dẫn, tư vấn và thực hiện nuôi con bằng sữa mẹ đúng cách.

#### II. NỘI DUNG BÀI(1)

##### 1. Tư vấn nuôi con bằng sữa mẹ

###### 1.1. Lợi ích của nuôi con bằng sữa mẹ

##### 2. Chăm sóc vú và duy trì nguồn sữa mẹ

###### 2.1. Hướng dẫn bà mẹ chăm sóc vú

###### 2.2. Cách duy trì nguồn sữa mẹ

##### 3. Những bất lợi của nuôi con bằng sản phẩm thay thế sữa mẹ

##### 4. Hướng dẫn cho trẻ bú đúng cách

## **BÀI 2: CHĂM SÓC BÀ MẸ VÀ TRẺ SƠ SINH TẠI NHÀ TRONG NGÀY ĐẦU SAU ĐẼ**

**(Thời gian: 8 giờ)**

### **I. MỤC TIÊU**

1. Trình bày được các tiêu chuẩn của trẻ sơ sinh đủ tháng khỏe mạnh.
2. Nhận biết các dấu hiệu bình thường của bà mẹ và trẻ sơ sinh sau đẻ.
3. Trình bày được các nội dung theo dõi, chăm sóc bà mẹ và trẻ sơ sinh trong 6 giờ đầu sau đẻ.
4. Trình bày được các nội dung theo dõi, chăm sóc bà mẹ và trẻ sơ sinh từ giờ thứ 7 đến hết 24 giờ sau đẻ.
5. Rèn luyện được tính cẩn thận, chu đáo, chính xác và các kỹ năng phát hiện, xử trí được những bất thường hay gặp của bà và trẻ sơ sinh trong ngày đầu sau đẻ.

### **II. NỘI DUNG BÀI(1)**

- 1. Tiêu chuẩn sơ sinh đủ tháng khỏe mạnh**
- 2. Các dấu hiệu bình thường ở bà mẹ và trẻ sơ sinh**
- 3. Nội dung theo dõi và chăm sóc**
  - 3.1. Theo dõi, chăm sóc bà mẹ và trẻ sơ sinh 6 giờ đầu sau đẻ*
  - 3.2. Theo dõi, chăm sóc bà mẹ và trẻ sơ sinh từ giờ thứ 7 đến hết 24 giờ sau đẻ*
  - 3.3. Các dấu hiệu bất thường ở bà mẹ trong 24 giờ đầu sau đẻ và xử trí*
  - 3.4. Các dấu hiệu bất thường ở trẻ sơ sinh trong 24 giờ đầu sau đẻ và xử trí*

## **BÀI 3: CHĂM SÓC BÀ MẸ VÀ TRẺ SƠ SINH TẠI NHÀ TRONG TUẦN ĐẦU SAU ĐẼ**

**(Thời gian: 14 giờ)**

### **I. MỤC TIÊU**

1. Trình bày được cách hỏi về tình trạng bà mẹ và trẻ sơ khi đi thăm bà mẹ trong 6 tuần đầu sau đẻ.
2. Thực hiện được cách khám bà mẹ và trẻ sơ sinh trong 6 tuần đầu sau đẻ.

3. Nhận biết các dấu hiệu bất thường và cách xử trí đối với bà mẹ và trẻ sơ sinh 6 tuần đầu sau đẻ.

4. Rèn luyện kỹ năng hướng dẫn chăm sóc bà mẹ và trẻ sơ sinh trong 6 tuần đầu sau đẻ.

## **II. NỘI DUNG BÀI(1)**

### **1. Chăm sóc bà mẹ từ ngày thứ 2 đến hết 6 tuần sau đẻ**

#### *1.1. Khám phát hiện dấu hiệu bất thường và xử trí*

#### *1.2. Chăm sóc*

### **2. Chăm sóc sơ sinh**

## **BÀI 4: TẮM BÉ**

**(Thời gian: 5 giờ)**

### **I. MỤC TIÊU**

1. Trình bày được các nội dung cần chuẩn bị trước khi tắm trẻ sơ sinh.
2. Thực hiện được các bước tắm trẻ sơ sinh.

## **II. NỘI DUNG BÀI(1)**

### **1. Chuẩn bị trước khi tắm trẻ**

### **2. Tắm trẻ sơ sinh**

## **BÀI 5: CHĂM SÓC TRẺ SƠ SINH NHẹ CÂN**

### **BẰNG PHƯƠNG PHÁP KANGAROO**

**(Thời gian: 6 giờ)**

### **I. MỤC TIÊU**

1. Liệt kê được ít nhất 3 nguy cơ của trẻ sơ sinh nhẹ cân.
2. Thực hiện được các kỹ năng chăm sóc cho trẻ sơ sinh nhẹ cân bằng phương pháp kangaroo.
3. Trình bày được lợi ích của chăm sóc Kangaroo đối với bà mẹ, trẻ sơ sinh.
4. Trình bày được một số lưu ý khi chăm sóc trẻ sơ sinh nhẹ cân?
5. Rèn luyện được kỹ năng hướng dẫn bà mẹ và gia đình phối hợp với cô đỡ thôn, làng trong chăm sóc sơ sinh nhẹ cân tại nhà.

## **II. NỘI DUNG BÀI(1)**

### **1. Định nghĩa trẻ nhẹ cân**

2. Các nguy cơ thường gặp ở trẻ sinh non, nhẹ cân
3. Chăm sóc trẻ sơ sinh bằng phương pháp Kangaroo
4. Những lợi ích của chăm sóc Kangaroo đối với trẻ và bà mẹ
  - 4.1. Những lợi ích cho trẻ
  - 4.2. Những lợi ích cho mẹ
5. Một số lưu ý khác khi chăm sóc trẻ sơ sinh nhẹ cân

## **BÀI 6: XỬ TRÍ SẶC SỮA**

**(Thời gian: 3 giờ)**

### **I. MỤC TIÊU**

1. Trình bày được hiện tượng trẻ sặc sữa.
2. Thực hiện được cách cấp cứu khi trẻ sặc sữa.
3. Trình bày được cách theo dõi trẻ sau sặc sữa.
4. Tuyên truyền giáo dục cách đề phòng sặc sữa cho trẻ sơ sinh.

### **II. NỘI DUNG BÀI(1)**

#### **1. Chẩn đoán**

#### **2. Xử trí**

#### **3. Phòng bệnh**

### **D. ĐIỀU KIỆN THỰC HIỆN MÔ ĐUN**

#### **I. Phòng học chuyên môn, nhà xưởng**

- Phòng học lý thuyết: Phù hợp cho hoạt động học tập theo nhóm, có trang bị bảng, phấn, máy chiếu projector, máy vi tính, màn hình.

- Phòng thực hành: Tại phòng Thực hành chăm sóc sức khỏe sinh sản.

#### **II. Trang thiết bị, máy móc**

- Máy tính, máy chiếu projector, màn chiếu, tranh ảnh, ...

#### **III. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu**

- Học lý thuyết: phấn, bảng, bút dạ, giấy A0

- Học thực hành: Mô hình, video, máy đo huyết áp, khăn, áo, tã, xà phòng tắm trẻ, bảng kiểm...

#### **IV. Các điều kiện khác: Không.**

## **E. NỘI DUNG VÀ PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ**

### **1. Kiến thức**

- Người học phải đạt được các mục tiêu bài học theo từng bài thông qua lượng giá sau mỗi bài học.

- Hoàn thành các nội dung tự học, tự nghiên cứu.

### **2. Kỹ năng**

- Người học vận dụng được các kiến thức đã học để thực hiện các quy trình kỹ thuật chăm sóc sức khỏe phụ nữ, bà mẹ và trẻ sơ sinh.

- Rèn luyện được tính cẩn thận, nhanh nhẹn, trung thực và bảo đảm an toàn trong chăm sóc sức khỏe phụ nữ, bà mẹ và trẻ sơ sinh..

- Rèn luyện được kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng giao tiếp hiệu quả.

### **3. Mức độ tự chủ và trách nhiệm**

Có ý thức đúng đắn trong việc nhìn nhận vấn đề, tác phong làm việc cẩn thận, tỉ mỉ, chính xác. Trung thực trong công việc.

## **II. Phương pháp**

### **1. Kiểm tra thường xuyên và định kỳ**

**- Đối với kiểm tra, đánh giá thường xuyên:**

+ Số bài kiểm tra: 01.

+ Hình thức kiểm tra: Đánh giá người học thông qua kiểm tra vấn đáp trong giờ học, kiểm tra viết (tự luận, trắc nghiệm khách quan), kiểm tra một số nội dung thực hành hoặc kiểm tra, đánh giá kết hợp các hình thức trên. Với thời gian làm bài bằng hoặc dưới 30 phút.

+ Thực hiện kiểm tra, đánh giá ngay trong quá trình giảng dạy và được ghi vào giáo án.

**- Đối với kiểm tra, đánh giá định kỳ:**

+ Số bài kiểm tra: 01 bài thực hành.

+ Hình thức kiểm tra: Thực hành.

+ Thời gian kiểm tra: 10 phút. Yêu cầu: Người học bốc thăm ngẫu nhiên và thực hiện 01 quy trình chăm sóc bà mẹ và trẻ sơ sinh sau đẻ, thời gian 5 phút/quy trình

- Đề kiểm tra, đáp án và công cụ kiểm tra, đánh giá định kỳ được trình bày trong giáo án.

## **2. Kiểm tra kết thúc mô đun**

- Hình thức kiểm tra kết thúc mô đun: Trắc nghiệm khách quan.
- Thời gian kiểm tra kết thúc mô đun: 60 phút.
- Thời gian hoàn thành ngân hàng đề kiểm tra kết thúc mô đun: Theo chương trình đào tạo hoặc theo kế hoạch của phòng Khảo thí và Quản lý chất lượng (nếu có).

- Đề kiểm tra kết thúc mô đun được xây dựng theo Quy định về xây dựng, quản lý và sử dụng ngân hàng đề thi hiện hành và phải thể hiện rõ nội dung đề kiểm tra kết thúc mô đun nhằm kiểm tra, đánh giá mục tiêu/chuẩn đầu ra nào trong chương trình mô đun.

## **3. Đánh giá mức độ tự chủ và trách nhiệm**

- Nhà giáo đánh giá người học về: mức độ chủ động tìm hiểu kiến thức, bài tập thảo luận; khả năng tiếp thu kiến thức, vận dụng kỹ năng trong học tập môn học; mức độ ý thức trách nhiệm, trung thực trong học tập và kiểm tra, đánh giá.

- Xây dựng nội dung kiểm tra, đánh giá theo hướng tiếp cận năng lực người học lồng ghép các nội dung đánh giá mức độ tự chủ và trách nhiệm trong lượng giá cuối bài học được ghi trong giáo án.

## **F. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN MÔ ĐUN**

### **I. Phạm vi áp dụng mô đun**

Chương trình mô đun Chăm sóc bà mẹ và trẻ sơ sinh sau đẻ được sử dụng đào tạo nghề Cô đỡ thôn bản, trình độ sơ cấp.

### **II. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập mô đun**

#### **1. Đối với nhà giáo**

- Nhà giáo sử dụng phương pháp giảng dạy: thuyết trình, vấn đáp, diễn giải, thảo luận và làm việc nhóm; đặc biệt chú ý liên hệ thực tế và phát huy tính tích cực của người học....

- Nhà giáo sử dụng các dụng cụ trực quan trong giảng dạy để người học tiếp thu những kiến thức liên quan một cách dễ dàng.

- Phương pháp hướng dẫn thực hành theo trình tự của quy trình hướng dẫn kỹ năng.

## **2. Đối với người học**

- Người học tham gia đầy đủ các buổi học lý thuyết, thực hành, bài kiểm tra và thi theo quy chế đào tạo.

- Tích cực tham gia học tập, thực hành, thảo luận nhóm, quan sát, trả lời câu hỏi, tự nghiên cứu, xem giáo trình trước khi lên lớp, tự học.

## **III. Những trọng tâm cần chú ý**

- Lý thuyết: Người học phải tự nghiên cứu trước bài ở nhà.

- Thực hành: Thực hiện kỹ thuật phải bảo đảm chính xác từng bước chuẩn của quy trình.

## **IV. Tài liệu tham khảo**

1. Bộ Y tế. Tài liệu Nội dung chuyên môn về đào tạo Cô đỡ thôn, bản 2020.

**V. Ghi chú và giải thích (nếu có):** Không.

## CHƯƠNG TRÌNH MÔ ĐUN

---

**Tên mô đun:** Chăm sóc sức khỏe trẻ em (Pediatric Care).

**Mã mô đun:** 411210073.

**Thời gian thực hiện môn học:** 30 giờ (lý thuyết: 21 giờ; bài tập, thảo luận: 7; thực hành, thí nghiệm: 0 giờ; kiểm tra: 1 giờ; kiểm tra kết thúc mô đun: 1 giờ).

### A. VỊ TRÍ, TÍNH CHẤT CỦA MÔ ĐUN

#### I. Vị trí

Là mô đun chuyên môn của chương trình đào tạo nghề cô đỡ thôn bản, trình độ sơ cấp.

#### II. Tính chất

Là mô đun bắt buộc trong chương trình đào tạo nghề cô đỡ thôn bản, trình độ sơ cấp.

### B. MỤC TIÊU MÔ ĐUN

#### I. Yêu cầu về kiến thức

1. Trình bày được đặc điểm, giải phẫu sinh lý ở trẻ em và sự phát triển của trẻ em qua các thời kỳ.
2. Trình bày được sự phát triển về thể chất, tinh thần và vận động ở trẻ em.
3. Trình bày được các triệu chứng lâm sàng của một số bệnh thường gặp ở trẻ em

#### II. Yêu cầu về kỹ năng

1. Lập kế hoạch và thực hiện được chăm sóc cho trẻ em mắc số bệnh thường gặp tại cộng đồng.
2. Thực hiện sơ cứu kịp thời một số cấp cứu trẻ em thường gặp tại cộng đồng.
3. Truyền truyền, giáo dục sức khỏe và hướng dẫn cho người nhà cách phòng chống một số bệnh thường gặp ở trẻ em.

#### III. Mức độ tự chủ và trách nhiệm

1. Cẩn thận, kiên trì, khẩn trương, chính xác trong phát hiện, chăm sóc và xử trí các bệnh thường gặp ở trẻ em.

2. Lắng nghe, tôn trọng sự hiểu biết của người chăm sóc trẻ và phong tục tập quán liên quan đến chăm sóc sức khỏe trẻ em tại địa phương.

3. Có năng lực tự định hướng, tự học tập, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, thích nghi với các môi trường làm việc khác nhau. Có khả năng tiếp tục học tập lên trình độ cao hơn sau khi tốt nghiệp.

### C. NỘI DUNG MÔ ĐUN

#### NỘI DUNG TỔNG QUÁT VÀ PHÂN BỐ THỜI GIAN

| TT | Tên các bài trong mô đun   | Thời gian (giờ) |           |                    |                       |                          |
|----|--|-----------------|-----------|--------------------|-----------------------|--------------------------|
|    |  | Tổng số         | Lý thuyết | Bài tập, thảo luận | Thực hành, thí nghiệm | Kiểm tra kết thúc mô đun |
| 1  | Bài 1: Sự phát triển thể chất, tinh thần, vận động của trẻ qua 6 thời kỳ<br>1. Sự phát triển của trẻ qua 6 thời kỳ<br>2. Theo dõi sự phát triển thể chất của trẻ dựa vào các chỉ số cơ bản | 1               | 1         |                    |                       |                          |
| 2  | Bài 2: Bệnh còi xương và suy dinh dưỡng<br>1. Bệnh còi xương<br>2. Suy dinh dưỡng  | 3               | 3         |                    |                       |                          |
| 3  | Bài 3: Các bệnh trong chương trình tiêm chủng mở rộng<br>1. Bệnh bại liệt Polio<br>2. Bệnh uốn ván   | 4               | 4         |                    |                       |                          |

| TT | Tên các bài trong mô đun   | Thời gian (giờ) |           |                    |                       |                          |
|----|--|-----------------|-----------|--------------------|-----------------------|--------------------------|
|    |  | Tổng số         | Lý thuyết | Bài tập, thảo luận | Thực hành, thí nghiệm | Kiểm tra kết thúc mô đun |
|    | 3. Bệnh sởi<br>4. Bệnh Rubella<br>5. Bệnh bạch hầu<br>6. Bệnh ho gà<br>7. Bệnh lao<br>8. Bệnh viêm gan B<br>9. Bệnh viêm phổi và viêm màng não do Hib<br>10. Bệnh viêm não Nhật Bản<br>11. Bệnh tả<br>12. Bệnh thương hàn<br>13. Lịch tiêm chủng trong chương trình tiêm chủng mở rộng<br>14. Truyền thông về những phản ứng có thể gặp sau tiêm chủng |                 |           |                    |                       |                          |
| 4  | Bài 4: Bệnh tiêu chảy cấp<br>1. Định nghĩa bệnh tiêu chảy<br>2. Nguyên nhân và các dấu hiệu mất nước ở trẻ bị tiêu chảy<br>3. Chăm sóc trẻ tiêu chảy nhẹ ở tại nhà<br>4. Hướng dẫn cộng đồng cách phòng tiêu chảy  | 2               | 2         |                    |                       |                          |

| TT | Tên các bài trong mô đun  | Thời gian (giờ) |           |                    |                       |                          |
|----|---|-----------------|-----------|--------------------|-----------------------|--------------------------|
|    |   | Tổng số         | Lý thuyết | Bài tập, thảo luận | Thực hành, thí nghiệm | Kiểm tra kết thúc mô đun |
| 5  | Bài 5: Nhiễm khuẩn hô hấp cấp tính ở trẻ em<br>1. Nguyên nhân<br>2. Dấu hiệu nhiễm khuẩn hô hấp cấp tính<br>3. Chăm sóc trẻ nhiễm khuẩn hô hấp cấp tính ở tại nhà<br>4. Theo dõi thường xuyên phát hiện các dấu hiệu nặng để chuyển đến trạm y tế khi<br>5. Phòng bệnh nhiễm khuẩn hô hấp cấp | 4               | 4         |                    |                       |                          |
| 6  | Bài 6: Sốt cao trẻ em<br>1. Khái niệm về sốt và các nguyên nhân gây sốt<br>2. Chăm sóc trẻ sốt cao  | 2               | 1         | 1                  |                       |                          |
| 7  | Bài 7: Thiếu vitamin A<br>1. Biểu hiện lâm sàng của thiếu Vitamin A<br>2. Chăm sóc và phòng bệnh khô mắt ở trẻ em   | 2               | 2         |                    |                       |                          |
| 8  | Bài 8: Bệnh chốc lở<br>1. Biểu hiện lâm sàng<br>2. Chăm sóc và phòng bệnh   | 2               | 2         |                    |                       |                          |

| TT | Tên các bài trong mô đun   | Thời gian (giờ) |           |                    |                       |                          |
|----|--|-----------------|-----------|--------------------|-----------------------|--------------------------|
|    |  | Tổng số         | Lý thuyết | Bài tập, thảo luận | Thực hành, thí nghiệm | Kiểm tra kết thúc mô đun |
| 9  | Bài 9: Cân đo - vẽ biểu đồ tăng trưởng<br>1. Các bước cân, đo trẻ<br>2. Thực hành ghi biểu đồ tăng trưởng                          | 3               | 1         | 2                  |                       |                          |
| 10 | Bài 10: Xử trí một số tình huống thường gặp ở trẻ em<br>1. Dị vật đường thở<br>2. Sặc sữa<br>3. Đuối nước<br>4. Gãy chi<br>5. Bỏng | 5               | 1         | 4                  |                       |                          |
| 11 | Kiểm tra định kỳ   | 1               |           |                    |                       | 1                        |
| 12 | Kiểm tra kết thúc mô đun   | 1               |           |                    |                       | 1                        |
|    | <b>Cộng</b>  | <b>30</b>       | <b>21</b> | <b>7</b>           |                       | <b>2</b>                 |

## NỘI DUNG CHI TIẾT

### BÀI 1: SỰ PHÁT TRIỂN THỂ CHẤT, TINH THẦN, VẬN ĐỘNG CỦA TRẺ QUA 6 THỜI KỲ

(Thời gian: 1 giờ)

#### I. MỤC TIÊU

1. Trình bày được đặc điểm sinh lý, bệnh lý và ứng dụng vào công tác chăm sóc và phòng bệnh cho trẻ theo 6 thời kỳ.
2. Thực hiện được theo dõi sự phát triển thể chất của trẻ dựa vào các chỉ số cơ bản.

3. Rèn luyện được sự quan tâm, thấu hiểu và kỹ năng giao tiếp phù hợp đối với trẻ em thông qua từng lứa tuổi của trẻ em.

## **II. NỘI DUNG BÀI (1)**

**1. Sự phát triển của trẻ qua 6 thời kỳ**

**2. Theo dõi sự phát triển thể chất của trẻ dựa vào các chỉ số cơ bản**

### **BÀI 2: BỆNH CÒI XƯƠNG VÀ SUY DINH DƯỠNG**

**(Thời gian: 3 giờ)**

#### **I. MỤC TIÊU**

1. Kể được nguyên nhân và triệu chứng bệnh còi xương, suy dinh dưỡng.
2. Thực hiện được phòng suy dinh dưỡng, còi xương tại cộng đồng.
3. Rèn luyện được tính cẩn thận, nhẹ nhàng, chính xác và bảo đảm an toàn trong chăm sóc cho trẻ bị bệnh.

## **II. NỘI DUNG BÀI (1)**

**1. Bệnh còi xương**

**2. Suy dinh dưỡng**

### **BÀI 3:**

### **CÁC BỆNH TRONG CHƯƠNG TRÌNH TIÊM CHỦNG MỞ RỘNG**

**(Thời gian: 4 giờ)**

#### **I. MỤC TIÊU**

1. Trình bày được nguyên nhân, đường lây, triệu chứng và biện pháp dự phòng của một số bệnh trong chương trình tiêm chủng mở rộng (TCMR).
2. Thực hiện được vận động bà mẹ đưa trẻ đi tiêm vắc xin theo lịch tiêm chủng trong chương trình tiêm chủng mở rộng
3. Hình thành được kỹ năng giao tiếp, kỹ năng tư vấn cho trẻ em và người nhà đúng theo các nội dung trong chương trình tiêm chủng mở rộng của quốc gia.

## **II. NỘI DUNG BÀI (1) (2, 3)**

**1. Bệnh bại liệt Polio**

**2. Bệnh uốn ván**

**3. Bệnh sởi**

**4. Bệnh Rubella**

5. Bệnh bạch hầu
6. Bệnh ho gà
7. Bệnh lao
8. Bệnh viêm gan B
9. Bệnh viêm phổi và viêm màng não do Hib
10. Bệnh viêm não Nhật Bản
11. Bệnh tả
12. Bệnh thương hàn
13. Lịch tiêm chủng trong chương trình tiêm chủng mở rộng
14. Truyền thông về những phản ứng có thể gặp sau tiêm chủng

#### **BÀI 4: BỆNH TIÊU CHẢY CẤP**

(Thời gian: 2 giờ)

##### **I. MỤC TIÊU**

1. Trình bày được định nghĩa, nguyên nhân và các dấu hiệu mất nước ở trẻ bị tiêu chảy cấp.
2. Thực hiện và hướng dẫn được các bà mẹ cách chăm sóc trẻ, biện pháp phòng chống bệnh tiêu chảy.
3. Rèn luyện được tính cẩn thận, nhẹ nhàng, chính xác và bảo đảm an toàn trong chăm sóc cho trẻ bị bệnh.

##### **II. NỘI DUNG BÀI (1)**

1. Định nghĩa bệnh tiêu chảy
2. Nguyên nhân và các dấu hiệu mất nước ở trẻ bị tiêu chảy
3. Chăm sóc trẻ tiêu chảy nhẹ ở tại nhà
4. Hướng dẫn cộng đồng cách phòng tiêu chảy

#### **BÀI 5: NHIỄM KHUẨN HÔ HẤP CẤP TÍNH Ở TRẺ EM**

(Thời gian: 4 giờ)

##### **I. MỤC TIÊU**

1. Nêu được nguyên nhân, dấu hiệu của nhiễm khuẩn hô hấp cấp tính
2. Thực hiện được cách chăm sóc, theo dõi phát hiện các dấu hiệu nặng cần phải chuyển tuyến và cách phòng bệnh.

3. Rèn luyện được tính cẩn thận, nhẹ nhàng, chính xác và bảo đảm an toàn trong chăm sóc cho trẻ bị bệnh.

## **II. NỘI DUNG BÀI (1)**

- 1. Nguyên nhân**
- 2. Dấu hiệu nhiễm khuẩn hô hấp cấp tính**
- 3. Chăm sóc trẻ nhiễm khuẩn hô hấp cấp tính ở tại nhà**
- 4. Theo dõi thường xuyên phát hiện các dấu hiệu nặng để chuyển đến trạm y tế khi**
- 5. Phòng bệnh nhiễm khuẩn hô hấp cấp**

## **BÀI 6: SỐT CAO TRẺ EM**

**(Thời gian: 2 giờ)**

### **I. MỤC TIÊU**

1. Trình bày khái niệm, phân độ về sốt.
2. Thực hiện và hướng dẫn cho bà mẹ cách chăm sóc trẻ bị sốt cao.
4. Rèn luyện được kỹ năng chăm sóc trẻ sốt cao và bảo đảm an toàn trong chăm sóc cho trẻ bị sốt cao.

## **II. NỘI DUNG BÀI (1)**

### **1. Khái niệm về sốt và các nguyên nhân gây sốt, phân độ sốt.**

#### **1.1. Khái niệm**

#### **1.2. Nguyên nhân gây sốt**

#### **1.3. Phân độ sốt**

### **2. Chăm sóc trẻ sốt cao.**

## **BÀI 7: THIẾU VITAMIN A**

**(Thời gian: 2 giờ)**

### **I. MỤC TIÊU**

1. Trình bày được các biểu hiện lâm sàng của thiếu Vitamin A.
2. Thực hiện được cách chăm sóc và phòng bệnh thiếu Vitamin A.
3. Rèn luyện được tính cẩn thận, nhẹ nhàng, chính xác và bảo đảm an toàn trong chăm sóc cho trẻ bị thiếu vitamin A.

## **II. NỘI DUNG BÀI (1)**

**1. Biểu hiện lâm sàng của thiếu Vitamin A****2. Chăm sóc và phòng bệnh khô mắt ở trẻ em****BÀI 8: BỆNH CHỐC LỖ****(Thời gian: 2 giờ)****I. MỤC TIÊU**

1. Trình bày được các biểu hiện lâm sàng của bệnh chốc lở.
2. Thực hiện được cách chăm sóc và phòng bệnh chốc lở.
3. Rèn luyện được tính cẩn thận, nhẹ nhàng, chính xác và bảo đảm an toàn trong chăm sóc cho trẻ bị chốc lở.

**II. NỘI DUNG BÀI (1)****1. Biểu hiện lâm sàng****2. Chăm sóc và phòng bệnh****BÀI 9: CÂN ĐO - VẼ BIỂU ĐỘ TĂNG TRƯỞNG****(Thời gian: 3 giờ)****I. MỤC TIÊU**

1. Trình bày và thực hiện đúng các bước cân, đo trẻ đúng kỹ thuật.
2. Trình bày và thực hiện đúng các bước vẽ biểu đồ tăng trưởng.
3. Rèn luyện được tính cẩn thận và chính xác khi theo dõi trẻ theo biểu đồ tăng trưởng.

**II. NỘI DUNG BÀI (1)****1. Các bước cân, đo trẻ****2. Thực hành ghi biểu đồ tăng trưởng****BÀI 10: XỬ TRÍ MỘT SỐ TÌNH HUỐNG THƯỜNG GẶP Ở TRẺ EM****(Thời gian: 5 giờ)****I. MỤC TIÊU**

1. Trình bày được các dấu hiệu nhận biết khi trẻ bị dị vật đường thở, sặc sữa, đuối nước và gãy xương.
2. Thực hiện sơ cứu được các tình huống thường gặp nguy hiểm ở trẻ em.
3. Rèn luyện được tính nhanh nhẹn, chính xác và bảo đảm an toàn khi xử lý một số tình huống thường gặp ở trẻ em.

## **II. NỘI DUNG BÀI (1, 4)**

### **1. Dị vật đường thở**

#### *1.1. Nguyên nhân*

#### *1.2. Dấu hiệu.*

#### *1.3. Xử trí.*

#### *1.4. Chăm sóc.*

### **2. Sặc sữa**

#### *2.1. Nguyên nhân*

#### *2.2. Dấu hiệu.*

#### *2.3. Xử trí.*

#### *2.4. Chăm sóc.*

### **3. Đuối nước**

#### *3.1. Nguyên nhân*

#### *3.2. Dấu hiệu.*

#### *3.3. Xử trí.*

#### *3.4. Chăm sóc.*

### **4. Gãy chi**

#### *4.1. Nguyên nhân*

#### *4.2. Dấu hiệu.*

#### *4.3. Xử trí.*

#### *4.4. Chăm sóc.*

### **5. Bỏng**

#### *5.1. Nguyên nhân*

#### *5.2. Dấu hiệu.*

#### *5.3. Xử trí.*

#### *5.4. Chăm sóc.*

## **D. ĐIỀU KIỆN THỰC HIỆN MÔ ĐUN**

### **I. Phòng học chuyên môn, nhà xưởng**

- Phòng học lý thuyết: phù hợp cho hoạt động học tập theo nhóm, có trang

bị bảng, phấn, máy chiếu projector, máy vi tính, màn hình.

## **II. Trang thiết bị, máy móc**

Máy tính, máy chiếu projector, màn chiếu, tranh ảnh,...

## **III. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu**

- Học liệu
- Giáo trình và chương trình môn học, các tài liệu tham khảo chuyên ngành.
- Dụng cụ, nguyên vật liệu
- Giấy A0, A4, bút lông, bút dạ, phấn viết bảng, bút chì, nam châm.

## **IV. Các điều kiện khác: Không**

## **E. NỘI DUNG VÀ PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ**

### **I. Nội dung**

#### **1. Kiến thức**

- Người học phải đạt được các mục tiêu bài học theo từng bài thông qua lượng giá sau mỗi bài học.
- Hoàn thành các nội dung tự học, tự nghiên cứu.

#### **2. Kỹ năng**

- Người học vận dụng được các kiến thức đã học để hướng dẫn sử dụng thuốc hợp lý an toàn tại tuyến y tế thôn bản.
- Rèn luyện được tính cẩn thận, trung thực và bảo đảm an toàn trong hướng dẫn sử dụng thuốc
- Rèn luyện được kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng giao tiếp hiệu quả.

#### **3. Mức độ tự chủ và trách nhiệm**

Có ý thức đúng đắn trong việc nhìn nhận vấn đề, tác phong làm việc cẩn thận, tỉ mỉ, chính xác. Trung thực trong công việc.

### **II. Phương pháp**

#### **1. Kiểm tra thường xuyên và định kỳ**

- Đối với kiểm tra, đánh giá thường xuyên, nhà giáo thiết kế câu hỏi theo mức độ nhận thức (trắc nghiệm khách quan, viết,...) để thực hiện kiểm tra, đánh giá ngay trong quá trình giảng dạy và được ghi vào giáo án.

Số bài kiểm tra: 1 bài

- Đối với kiểm tra định kỳ:

Số bài kiểm tra: 1 bài

Hình thức kiểm tra: Trắc nghiệm khách quan

Thời gian kiểm tra: 30 phút

Đề kiểm tra, đáp án và công cụ kiểm tra, đánh giá định kỳ được trình bày/đính kèm trong giáo án.

## **2. Kiểm tra kết thúc mô đun**

- Hình thức kiểm tra kết thúc mô đun: Trắc nghiệm khách quan.

- Thời gian kiểm tra kết thúc mô đun: 1 giờ.

- Thời gian hoàn thành ngân hàng đề kiểm tra kết thúc mô đun: Theo chương trình đào tạo hoặc theo kế hoạch của phòng Khảo thí và Quản lý chất lượng (nếu có).

- Đề kiểm tra kết thúc mô đun được xây dựng theo quy định về xây dựng, quản lý và sử dụng ngân hàng đề kiểm tra kết thúc mô đun hiện hành và phải thể hiện rõ nội dung đề kiểm tra kết thúc mô đun nhằm kiểm tra, đánh giá mục tiêu/chuẩn đầu ra nào trong chương trình môn học.

## **3. Đánh giá mức độ tự chủ và trách nhiệm**

- Nhà giáo đánh giá người học về: Mức độ chủ động tìm hiểu kiến thức, bài tập thực hành; khả năng tiếp thu kiến thức, vận dụng kỹ năng trong học tập môn học; mức độ ý thức trách nhiệm, trung thực trong học tập và kiểm tra, đánh giá.

- Xây dựng nội dung kiểm tra, đánh giá theo hướng tiếp cận năng lực người học lồng ghép các nội dung đánh giá mức độ tự chủ và trách nhiệm trong lượng giá cuối bài học được ghi trong giáo án.

## **F. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN MÔ ĐUN**

### **I. Phạm vi áp dụng mô đun**

Chương trình mô đun Chăm sóc sức khỏe trẻ em được sử dụng đào tạo nghề Cô đỡ thôn bản, trình độ sơ cấp.

### **II. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập mô đun**

#### **1. Đối với nhà giáo**

- Nhà giáo sử dụng phương pháp giảng dạy: Thuyết trình, vấn đáp, thực hành, làm mẫu, đóng vai, thảo luận nhóm.

- Nhà giáo sử dụng các dụng cụ trực quan trọng giảng dạy để học sinh tiếp thu những kiến thức liên quan một cách dễ dàng.

## **2. Đối với người học**

- Tham gia ít nhất 80% thời gian học tập và các điều kiện khác của môn học.

- Điểm trung bình chung các điểm kiểm tra thường xuyên, định kỳ đạt từ 5,0 điểm trở lên theo thang điểm 10;

- Người học tích cực trao đổi thảo luận, hoạt động nhóm mở rộng kiến thức và tìm hiểu thêm một số tài liệu liên quan đến mô đun này. Tham gia đầy đủ các buổi học lý thuyết, thực hành, bài kiểm tra và thi.

## **III. Những trọng tâm cần chú ý**

- Học sinh phải tự nghiên cứu trước bài ở nhà.

- Vận dụng được các nội dung xử trí và chăm sóc bệnh thường gặp ở trẻ em tại cộng đồng.

## **IV. Tài liệu tham khảo**

1. Trường Trung cấp Y tế Kon Tum. Tài liệu đào tạo Nhân viên Y tế thôn Làng 2016.

2. Bộ Y tế. Thông tư 38/2017/TT-BYT ngày 17/10/2017 của Bộ Y tế về Ban hành danh mục bệnh truyền nhiễm, phạm vi và đối tượng phải sử dụng vắc xin, sinh phẩm Y tế bắt buộc. Hà Nội 2017.

3. Bộ Y Tế. Nội dung chuyên môn đào tạo cô đỡ thôn, bản (Ban hành kèm theo Quyết định số 3724/QĐ-BYT ngày 26/8/2020 của Bộ trưởng Bộ Y tế). Hà Nội 2020. p. 24.

4. Bộ Y Tế. Nội dung chuyên môn đào tạo cô đỡ thôn, bản (Ban hành kèm theo Quyết định số 3724/QĐ-BYT ngày 26/8/2020 của Bộ trưởng Bộ Y tế). Hà Nội 2020. p. 112.

**V. Ghi chú và giải thích (nếu có):** Không.